

NGUYỄN HIẾN LÊ



Tchekhov



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH

TCHÉKHOV

$\frac{8(M)}{VN-2000} 190/1496-2000$

NGUYỄN HIẾN LÊ

TCHÉKHOV

1860 - 1904

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
TP. HỒ CHÍ MINH

Đời sống, tư tưởng, nghệ thuật và chín truyện ngắn của Văn hào Nga Tchekhov mà từ Tolstoi, Gorki tới Maugham, Maurois đều phục là bậc thầy, có phần sâu sắc hơn Maupassant của Pháp.

NIÊN BIỂU SƠ LƯỢC ĐỜI TCHÉKHOV

1860 - sinh tại Taganrog ngày 17.1

1869 - vào trường trung học Taganrog

1873 - bắt đầu thích kịch

1876 - gia đình dọn lên Moscou, một mình Tchékhov ở lại

1879 - đậu tú tài, lên Moscou ở với gia đình, ghi tên học Y khoa.

1880 - bắt đầu viết truyện ngắn đăng tờ *Ve sấu*

1882 - viết cho tờ *Tiếng nổ*

1884 - tốt nghiệp y khoa; bắt đầu bị lao phổi

1885 - bắt đầu làm y sĩ

1886 - viết cho tờ *Novoié Vremia*, được Grigoroitch khuyến khích; lần đầu tiên đi Pétersbourg; nổi danh.

1887 - bắt đầu viết truyện *Đồng cỏ hoang*, năm sau in; viết kịch *Ivanov*

1888 - được giải thưởng Pouchkine của Hàn lâm viện Khoa học

1890 - đi Sakhaline điều tra về đời tội nhân, ở đó sáu tháng

1891 - từ Sakhaline theo đường biển về Nga, rồi lại đi du lịch Tây Âu.

1892 - mua trại ruộng ở Melikhovo gần Moscou, về đó ở

1894 - đi du lịch miền Nam Âu

1895 - gặp Tolstoi lần đầu

1896 - viết kịch *Hải âu*

1897 - thổ huyết nặng, đi Nice (Pháp) dưỡng bệnh; viết kịch *Chú Vania*

1898 - viết truyện *Nông dân*, *Đời tôi* bán trại Melikhovo, cất nhà ở Yalta mà khí hậu hợp với bệnh lao hơn; gặp cô đào Olga Knipper lần đầu

1899 - gặp Gorki lần đầu

1900 - Vô Hàn lâm viện khoa học; viết kịch *Ba chị em*, đầu năm sau diễn.

1901 - ngày 25.5 cưới cô đào Olga Knipper. Gặp Tolstoi, Gorki nhiều lần ở Yalta

1902 - sức suy nhiều, từ chức ở viện Hàn lâm để phản đối Nga hoàng đã hủy bỏ sự đặc cử của Gorki

1902 - viết kịch cuối cùng *Vườn anh đào*, đầu năm sau xong, viết truyện ngắn cuối cùng *Kẻ hứa hôn*.

1904 - ngày 17.1 lên Moscou coi diễn vở *Vườn anh đào*, tháng sau cùng vợ qua Badenweiler (Đức) trị bệnh, ngày 2.7 mất tại đó, một tuần sau chôn ở Moscou

Phần I

**CUỘC ĐỜI - TƯ TƯỞNG -
NGHỆ THUẬT**

Chương I

Ở QUÊ NHÀ TAGANROG:

1860 – 1879

"Ông xin tiểu sử của tôi. Đây: Tôi sinh ở Taganrog năm 1860. Tôi ở trung học ra năm 1879. Tôi tốt nghiệp đại học Moscou năm 1884. Tôi được giải thưởng Pouchkine năm 1888. Năm 1890 tôi tới Sakhaline bằng đường bộ băng qua Sibérie rồi trở về bằng đường biển. Năm 1891, tôi đi một vòng châu Âu được uống nhiều thứ rượu rất ngon và ăn sò. Năm 1892 trong một ngày lễ, tôi đã trác táng với Tikhanor. Tôi bắt đầu viết trên tờ *Strekoga* (Ve sấu) năm 1879. Đây là những tác phẩm của tôi: *Truyện tạp sắc*, *Bình minh*, *Truyện ngắn*, *Những kẻ râu rĩ* và *Cuộc chiến đấu*. Như mọi người, tôi mắc tật lãng mạn, nhưng không thái quá. Mọi ngôn ngữ⁽¹⁾, trừ các ngoại ngữ, đã nói về tôi. Tuy nhiên người Anh cũng đã dịch tác phẩm của tôi từ lâu. Tôi

(1) Vì đế quốc Nga gồm nhiều dân tộc, nhiều ngôn ngữ.

được người Serbie, người Tiệp Khắc và cả người Pháp nữa thưởng thức. Năm mười ba tuổi tôi đã biết những bí mật của ái tình. Tôi sống hòa hảo với các bạn y sĩ và các văn sĩ. Tôi sống độc thân. Tôi ao ước có được ít lợi tức. Tôi không bỏ nghề y sĩ và đôi khi tôi phẫu nghiệm tử thi, cả trong mùa hè.

"Văn sĩ tôi thích nhất là Tolstoi. Còn y sĩ thì tôi phục Sakharine. Mà tất cả những điều đó chỉ là chuyện đùa. Ông muốn viết gì về tôi thì viết."

Tchékhov trả lời viên chủ bút tạp chí *Niva* như vậy. Chúng ta thấy ông dí dỏm, không thích người khác nói về mình, sống một cuộc đời "hiền lành" và có những ước vọng bình thường, khác hẳn, Tolstoi, Dostoievki, Hugo hay Balzac.

Ai tinh ý mới nhận thấy phía sau giọng dí dỏm đó chút gì buồn, chán đời. Đời ông buồn ngay từ tuổi thơ. Có lần ông cứ phân vân "Trong tuổi thơ của tôi, tôi không có tuổi thơ". Nổi danh từ hồi hai mươi tuổi. Sống độc thân tới năm 41 tuổi, ba năm sau thì chết, không có con. Một bà bạn của ông bảo chỉ giữ được mỗi một tấm hình có nụ cười của ông, nhưng khi bà lục lại khắp nhà thì lại không thấy, thành thử người đời sau không ai được biết nụ cười của ông ra sao. Chúng ta chỉ được biết vùng trán rộng, khuôn mặt trái xoan, bộ râu rậm xén kĩ lưỡng, cặp mắt hiền từ, cận thị, và vẻ mệt mỏi của ông hồi ông bốn chục

tuổi. Hồi trẻ ông hăng hái, tự tin hơn, mặc dầu sớm chịu đau khổ.

Anton Tchékhov sinh ngày 17.1.1860 ở Taganrog, một thị trấn trên bờ biển Azov, ở miền Nam nước Nga. Thị trấn ấy được Đại đế Pierre dựng lên ở cuối thế kỉ XVII, chẳng bao lâu thành một hải cảng lớn xuất cảng lúa mì và các nông sản khác. Công việc buôn bán ấy do kiều dân Hi Lạp nắm hết. Khi Tchékhov ra đời, Taganrog đã suy đồi, bị thị trấn bên cạnh Restov trên sông Đen chiếm mất địa vị; dân số còn được khoảng 55.000 người, chia làm hai hạng: các ngoại kiều Hi Lạp (nhiều nhất), Ý, Đức, Anh, giàu có nhờ thương mại ở một khu riêng, nhà cửa đường sá khang trang... người Nga thì nghèo khổ, đa số sống về nghề lao động hoặc buôn bán vặt trong một khu riêng tối tăm bẩn thỉu: hễ mưa xuống thì bùn lầy tới mắt cá, đêm ra đường thì phải xách đèn, phụ nữ phải có người đưa đón vì có nạn bắt cóc thiếu nữ để bán làm tì thiếp cho người Thổ Nhĩ Kỳ, dân chúng dù có trông thấy cũng làm ngo.

Trong một bức thư cho em gái năm 1887, Tchékhov tả nơi chôn nhau cắt rốn như sau:

"Nhà nào cũng có vẻ bẹp rí xuống, tưởng từ lâu không tô hồ lại; nóc không sơn lại, cửa sổ đóng kín. Anh thấy Taganrog sao mà dở thế, trống rỗng, biếng nhác, dốt nát, chán chết đi. Không có một tấm bảng cửa hiệu nào mà không

có lỗi chính tả. Đường phố vắng người, ai cũng làm biếng, an phận với ít đồng xu, tương lai bấp bênh, ra sao cũng mặc. Điểm đặc biệt khả ố ở đây là cửa sổ luôn luôn khép kín."

Chín năm sau, trong cuốn *Đời tôi*, ông viết:

"Ở đây, (Taganrog) người ta ăn thiếu thốn, uống nước bẩn. Trong cả thị trấn tôi không thấy được một người lương thiện".

Nhưng cảnh thiên nhiên thì ở đây cũng đẹp. Mùa mưa không khí ẩm áp, cây cối xanh tươi; ánh vàng ban mai và ban chiều rục rờ trên cành cây keo (acacia) từ bụi xoan (lilas), bụi táo; không khí thoang thoảng hương xoan và vắng vắng tiếng chuông nhà thờ.

*
* *

Ông nội Anton tên là Egor Mikhailovitch Tchekh, vốn là một nông nô, nhờ thông minh và siêng năng mà lần lần được chủ cho làm quản gia, để dành được tiền, đã tự chuộc mình và chuộc ba người con trai, mỗi người phải trả cho chủ bảy trăm đồng rúp (rouble); còn người con gái, chủ thương tình, cho không, khỏi bắt chuộc.

Được tự do rồi, Egor Tchekh coi sóc những điền sản mênh mông của một nữ bá tước ở gần Taganrog; hồi nhỏ, nghỉ hè, Anton thường đến đó ở với ông nội.

Cha Anton tên là Pavel Egorovitch mới đầu làm thư kí cho thị trưởng Taganrog, sau mở một

quán tạp hóa; năm 1859 cưới cô Eugénie Iacovlevna Morozova, con một người buôn nỉ ở Mochansk, cách Moscou ba trăm cây số về phía đông nam.

Hai ông bà sanh được sáu người con: Alexandre, Nicolas, Anton, Ivan rồi tới Maria, và Michel (trai út). Tính tình hai ông bà trái hẳn nhau. Bà thì nhu mì, e lệ, ít nói, suốt ngày nếu không lúi húi trong bếp thì ngồi trước bàn máy may, trong đầu chỉ tính toán làm sao có đủ tiền đi chợ, kiếm đủ được một miếng vải để nối cái áo dài của cô Maria hay vá chiếc áo lạnh của cậu Anton; bà rất yêu các con mà các con, nhất là Anton cũng quyến luyến với mẹ. Ông thì nghiêm khắc, độc đoán, tàn nhẫn, buôn bán rất dỏ, chỉ thích việc tu hành vì rất mộ đạo, tuy cũng yêu con đấy, nhưng dạy dỗ theo lối cổ, hơi trái ý ông một chút là bị ông quát; cả nhà run lên trước mặt ông. Khi con bị đòn quá, bà năn nỉ ông tha cho chúng thì ông đáp: "Hồi nhỏ tôi được dạy dỗ theo lối đó, nhờ vậy tôi mới nên người. Càng bị đánh đập thì con người càng có giá trị." Anton không bao giờ quên được ngọn roi của cha, lớn lên phàn nàn rằng: "Tôi nhớ ba tôi bắt đầu dạy dỗ tôi, đúng hơn là đập tôi khi tôi chưa đầy năm tuổi. Buổi sáng nào cũng vậy, mới thức dậy tôi đã lo lắng "Hôm nay mình sẽ có bị đòn không?"

Lần khác ông bảo: "Ông nội chúng tôi bị các lãnh chúa quát và bất kì một công chức nào cũng có thể đập bể mặt người dân được. Cha chúng tôi bị ông nội chúng tôi đánh, tới phiên

chúng tôi thì bị cha chúng tôi đánh. Chúng tôi được hưởng một di truyền như vậy đấy."

Nhưng thân phụ Anton có tâm hồn nghệ sĩ. Ông ta thích tôn giáo một phần lớn vì sự rực rỡ của lễ nghi, của các đồ tế tự, vì hương thơm, vì tiếng hát tiếng chuông. Buôn bán chỉ là khía cạnh phàm tục trong đời sống của ông, tôn giáo mới là khía cạnh nên thơ. Có giọng tốt, có khiếu về âm nhạc, ông tự học hát và kéo đàn violông; ông lại khéo vẽ những hình thánh rất đặc biệt để trang hoàng giáo đường. Cho nên sau này Anton khoe: "Cái tài chúng tôi được di truyền của cha, còn tâm hồn thì được di truyền của mẹ".

Pavel Egorovitch nuôi cái mộng thành lập một ban hát để được toàn quyền chỉ huy. Chúa chiều lòng ông, cho ông năm đứa con trai. Ông tập cho chúng hát, ngày đêm dắt chúng lại giáo đường hát những bài ca tụng Chúa để gia đình được phước lớn, mà mọi người sẽ khen ông là biết dạy con.

Về việc làm lễ, ông rất đúng giờ, nghiêm khắc. Gặp những lễ lớn, phải hát những bài thần tụng (lễ buổi sáng) ông đánh thức bảy trẻ từ hai ba giờ khuya. Chẳng kể mưa đổ hay tuyết rơi, ông cũng lôi chúng tới giáo đường, bắt chúng hát. Có người thương hại chúng, bảo bị mất ngủ, chúng sẽ mất sức, mà phải gắng hát lớn tiếng, chúng sẽ đau phổi, ông đáp:

- Để chúng chạy trong sân mà la hét thì không hại còn hát ở giáo đường thì bảo là có hại, sao vậy? Trong các tu viện, những người còn trẻ mới vô, tụng kinh và hát trọn đêm đấy, có sao đâu? Chính tôi hồi trẻ cũng hát ở giáo đường mà nhờ Chúa phù hộ tôi vẫn mạnh khỏe đây. Chịu khó nhọc thờ Chúa, cái đó có bao giờ hại cho ai đâu?

Thứ bảy, cả nhà lại giáo đường, phải đứng hoặc quì suốt buổi lễ (vì giáo đường Chính giáo không kê ghế); rồi về nhà họ lại đọc kinh, hát nữa, dưới sự điều khiển của ông. Ông muốn khoe ban hát của mình với cả thành phố Taganrog, nên những giáo đường sang trọng của giới quý phái đều được ông dắt bảy trẻ lại hát. Người ta khen ông, ông phỉnh mũi, còn tụi trẻ thì chỉ thấy khổ. Chưa đến nỗi oán tôn giáo chứ cũng rất sợ lối bắt buộc phải phụng sự Chúa bằng roi đó.

Anton không bao giờ quên được những đêm mệt nhọc, phải đứng nghiêm trang hằng mấy giờ liền trong giáo đường, gần sáng lội bùn về nhà, trong cảnh lạnh lẽo, mắt díp lại, vừa đi vừa muốn ngủ gục. Đường xá tối tăm, họ phải móc một chiếc đèn nhỏ vào khuy áo trước ngực. Về tới nhà, bọn nhỏ cũng vẫn không được ngủ vì cha bảo: "Một giờ nữa đã mở cửa tiệm, thôi khỏi phải ngủ". Tiệm mở cửa từ năm giờ sáng đến mười một giờ khuya thành thử Anton lúc nào cũng thiếu ngủ. Sau này nhớ lại tuổi thơ, Anton viết một truyện ngắn nhan đề là *Thèm ngủ*, tả

một đứa ở gái nhỏ, đêm phải ru em - nó khóc suốt đêm - ngày bị sai vặt, không lúc nào được nghỉ; nó thèm ngủ quá, sau nghĩ ra rằng chính đứa bé kia là kẻ thù của nó, mà muốn thoát nỗi cực này thì chỉ có cách là giết đứa bé. Thế là nó cười "gión gién lại gần cái nôi cúi xuống. Đứa bé bị bóp cổ tới chết ngạt rồi, nó nằm lăn ngay ra đất, mừng rằng bây giờ thì được ngủ yên. Và một phút sau, nó ngủ say như người chết."

✱

Tiệm của thân phụ Tchekhov vừa là một tiệm tạp hóa, một tiệm thực phẩm một tiệm dược thảo, một quán rượu. Bảng hiệu đề: "Trà, Đường, Cà phê và các sản phẩm thuộc địa khác. Có thể mang về nhà hoặc uống tại tiệm." Như vậy khách hàng hiểu rằng có bán rượu.

Tiệm bày đủ thứ: dầu ăn, sáp xúc tóc, dầu lửa, khô cá, mì ống, bánh kẹo, gạo, thuốc xổ, tim đèn, khuy áo, dầu thơm, đèn cây, chân đèn

... Vì ở trong khu bình dân nên khách hàng đều nghèo, thuộc hạng nông dân, lính thủy... Tiệm tối tăm, bẩn thỉu, hơi hám, lạnh lẽo, ruồi ở chung quanh bu tới. Chỉ buổi tối là đông khách: họ tới uống rượu la cà tới nửa đêm mới về.

Pavel Egorovitch ham mê việc giáo đường, nên bỏ bê việc buôn bán, mượn hai em nhỏ bán hàng: Andriouchka và Gavriouchka. Chúng tập sự, không lãnh công, phải làm việc nhiều quá mà thiếu ăn, thiếu mặc, thường bị đánh đập, và

lúc nào cũng thiếu ngủ. Anton ngồi ở sau kén, vừa học bài, làm bài, vừa thu tiền, ghi sổ và coi chừng chúng. Nhưng chính Anton cũng thiếu ngủ, cho nên hễ cha có việc đi đâu, vừa bước ra khỏi tiệm là cả ba đều ngủ gà ngủ gật, và khi một trong ba em thấy bóng ông ở đầu phố là vội vàng đánh thức hai em kia: "Ba về", và cả ba em im thin thít, run sợ đợi Pavel coi sổ sách, thấy tính lắm, là quát tháo, đánh đập.

Phải coi tiệm, không có thì giờ học bài, Anton bị điểm xấu, về nhà lại bị đòn nữa. Nhưng nhờ có cửa tiệm mà Anton sớm được nhận xét mọi hạng người: một lính thủy lại mua vài điều xì gà, một nông dân hỏi một gói thuốc đau bụng, một tu sĩ đi quyền tiền uống lén li rượu, một em nhỏ lựa vài cây đèn cây xanh đỏ, một người chần cừ mua một cái khăn quàng cổ, một con buôn chở lúa ra chợ bán. Hi Lạp, Do Thái, Nga..., mỗi giống người có một ngôn ngữ riêng, những cử chỉ, nét mặt riêng, Anton ghi lại được hết, nhớ cả những câu chuyện họ kể nữa; rồi sau này làm y sĩ, lại có dịp nhận xét nhiều hạng người hơn để dựng mấy trăm truyện ngắn và năm sáu vở kịch.

*

Thời đó, thương gia Hi Lạp là giai cấp giàu nhất trong thị trấn, mà ông Pavel muốn cho con học tiếng Hi Lạp, gởi Nicolas và Anton vào một trường tư Hi Lạp mà giám đốc là Voutchina.

Trường có năm lớp mà chỉ có mỗi một phòng học tồi tàn gồm năm dãy bàn, mỗi bàn là một lớp. Học trò lớp I học vần Hi Lạp, học trò lớp V đều lớn cả, ê a lịch sử Hi Lạp.

Hai anh em Tchekhov vô lớp I, ghét ngay Voutchina vì ông ta dữ đòn quá. Thỉnh thoảng Pavel hỏi thăm về sự học của con, lần nào Voutchina cũng khen Nicolas mộ đạo, Anton chăm học. Nhưng mấy tháng sau, ông nhờ một người bạn Hi Lạp xét sự học của con, mới hay rằng Nicolas và Anton vẫn chưa thuộc mấy chục chữ cái. Pavel nổi dóa, cho con thôi học liền và đầu thu năm đó, cho Anton vô trường công Taganrog.

Trường đó tối tăm bẩn thỉu, giống một trại lính. Viên hiệu trưởng chuyên rình học trò và giảng đạo đức. Giáo sư sử địa không bao giờ có một lời ôn tồn, luôn miệng mắng học trò là ngu như lừa; còn giáo sư La Tinh ngữ thì làm mặt thám, tố cáo với hiệu trưởng những hành động mà ông ta cho là cách mạng của học sinh các lớp trên. Chỉ có mỗi giáo sư Pokrovski dạy giáo lí mà rất yêu văn chương là hằng hái giảng Shakespeare, Goethe và Pouchkine (thi hào Nga) cho học sinh nghe. Ông sớm nhận thấy tài hài hước của Anton, khuyến khích cậu đọc Molière, Swift và Chtchedrine, đặt cho cậu biệt danh Tchekhonte, sau này thành bút hiệu của Tchekhov khi mới bước vào làng văn.

Ông Pavel thấy sự học ở trường không thiết thực, cho Anton học thêm nghề thợ may nữa. Lớp may đó, trường trung học, giáo đường, cửa tiệm của cha, tất cả đều thuộc khía cạnh u ám của tuổi thơ của Anton. Cũng may còn một khía cạnh sáng sủa hơn.

Anton bẩm sinh nhanh nhẹn, vui vẻ, có óc mĩ mai, và như mọi trẻ em ở nhà càng buồn bao nhiêu thì lại càng thích cảnh ngoài đường bấy nhiêu. Nhà ở đường Politzeiskaia, đằng trước nhà nhìn về phía cuối đường thấy biển hiện lên thành một đường xanh dương. Anton thường lang thang ở bến tàu hoặc ngồi câu cá ở đập đá. Ngay sát thị trấn có một công viên rộng, anh em Tchekhov rủ nhau lại đó chơi trò "nặn sọ người", như các nhân vật trong tiểu thuyết Fenimore Cooper.

Ngay sau nhà cũng có một khu đất hoang và bụi rậm, trong đó Anton núp để bắn chim. Mỗi con kim oanh (chardonnered) bán được một xu (kopeck), cậu mừng lắm: "Cũng là một món lợi nhỏ đấy chứ!"

Nhưng thú nhất là những vụ nghỉ hè về chơi với ông nội ở làng Kuiajaia cách Taganrog trên sáu chục cây số. Nội cuộc hành trình cũng đủ cho Anton thích mê đi không sao quên được. Một đoàn mười người ngồi trong mấy chiếc xe bò có mui, lóc cọc tiến trong một cánh đồng hoang, hai ba ngày mới tới chỗ.

Có đêm họ ngủ ngoài trời, trong đám cỏ khô thơm phức. Họ nổi lửa nấu ăn, ca hát, nhảy múa, kể chuyện ma quỷ và cổ tích. Anton sau này còn nhớ được từng nét một từng bụi cây, từng hương thơm trong những cuộc hành trình ấy. Và viết thành truyện *Đồng cỏ hoang* (1888) làm cho văn giới Nga ngạc nhiên. Trong một trăm trang cái gì cũng mới: đề tài thì giản dị, một em nhỏ, Egorouchka - Anton từ biệt cha mẹ, theo một đoàn người lớn, đi học ở xa; mà lối tả cảnh thì linh động, tươi tắn, nhiều hình ảnh táo bạo, gợi cảm, nhất là thi vị của truyện thì chưa hề thấy trong văn học Nga. Trong niềm khao khát sống của tuổi trẻ, khao khát cảnh đẹp thiên nhiên, có phảng phất một nỗi buồn nhẹ nhàng về thân phận con người:

"Chỉ trong những đêm trăng ở giữa biển hay giữa cánh đồng cỏ hoang, con người mới nhận thấy được cái thăm thẳm vô biên của vòm trời. Nó vừa đẹp, dịu dàng mà vừa đáng sợ; nó đắm đuối nhìn ta, kêu gọi ta, vuốt ve ta, làm ta phải quay đầu lại... Trong tất cả những thanh âm ta nghe được, hình sắc ta thấy được, ta nhận ra sự đặc thắng của cái đẹp, của tuổi trẻ, bao nhiêu sinh lực của mình phát ra tung bùng khiến mình khát khao cuộc sống. Tâm hồn đáp lại tiếng gọi của thiên nhiên đẹp và nghiêm đó và ta muốn bay lên khỏi cánh đồng cùng với đàn chim ăn đêm (...) đồng thời ta cũng nhớ nhung, buồn rười rượi, như thể chính cánh đồng hoang cảm thấy

cô liêu, nhận ra rằng vẻ đẹp phong phú, gợi cảm của nó sẽ bị tiêu diệt, chẳng được ai ca tụng, cũng chẳng ích lợi gì cho ai."

Các nhà phê bình khen nguyên văn đoạn đó rất du dương, và cả truyện *Đồng cỏ hoang* là một trường thi bằng tản văn. Tchekhov tự cho là không hiểu thơ, yêu thơ mà thực sự có một tâm hồn thi sĩ, mỗi trang trong truyện là một bài thơ. Điều ấy càng dễ hiểu: khi chép lại tuổi thơ sống giữa thiên nhiên thì cây bút nào hơi có tài cũng dễ thành một thi sĩ vì tuổi thơ và thiên nhiên, tự chúng đã là thơ rồi.



Anton đi ca hát lần đầu tiên năm mười ba tuổi. Thời đó, một vài gánh hát ở Moscou, Pétersbourg thỉnh thoảng đi hát dạo các tỉnh, ghé Taganrog. Rạp hát Taganrog chật hẹp, bụi bặm, thiếu tiện nghi, nhưng đào kép đóng khá. Đêm đó họ diễn vở *Nàng Hélène kiều diễm*. Cảnh trí sơ sài; một tấm vải xanh nhăn nheo tượng trưng vòm trời, còn mặt trăng thì là một quả cầu vàng bày ở các tiệm thuốc. Vậy mà Anton và một bạn học, Vichnevski (sau thành kép hát nổi danh ở Moscou) cũng thích mê, tối nào cũng rủ nhau đi xem. Phải coi lén vì hiệu trưởng cấm, cho rạp hát là nơi làm đồi trụy thanh niên, khiến chúng hóa ra vô kỉ luật, phản kháng người trên. Trường sai một giám thị vào rạp bắt học sinh,

và Anton có khi phải cải trang đeo một cặp kính và một bộ râu giả để khỏi bị nhận diện.

Năm mười lăm tuổi, cậu viết kịch, cùng với một số bạn lập một ban hát tài tử. Anton đóng kịch khéo, có lần hóa trang thành một hành khất, đi khắp thị trấn, vào nhà một ông chú (hay bác) xin được ba xu - không hiểu ông chú hôm ấy có đăng trí không. Anton mừng ron, từ đó nghĩ ra đủ trò chọc cười thiên hạ. Sau cùng cậu can đảm đóng kịch trước công chúng nữa. Vở đầu tiên là vở *Rừng* của Ostrivski, rồi tới những vở ngắn của chính Anton.

Ba anh em Tchékhov còn cho ra một tờ báo nữa: *Thằng nói lắp*. Alexandre và Anton viết bài, Nicolas vẽ tranh. Báo có giọng hài hước, châm biếm nhẹ nhàng, học sinh Trung học truyền tay nhau đọc. Khi hai anh lên Moscou rồi, Anton một mình ở lại Taganrvg, vẫn tiếp tục công việc. Cậu có ý sau này dùng cây viết vừa để kiếm thêm ít tiền vừa để tiêu khiển. Còn nghề chính thì sau một lần cảm hàn, sung màng bụng, được một bác sĩ tên là Strempf hết lòng trị cho, cậu xúc động, quyết tâm học nghề thuốc. Muốn vậy phải đậu tú tài đã, mà gia cảnh thì đương xuống dốc mạnh.



Thân phụ Tchékhov cất nhà, bị bọn thầu khoán và kiến trúc sư lừa gạt, phải vay năm trăm đồng của một ngân hàng, tới hạn không

trả nổi, phải trốn lên Moscou (tháng 4.1876) với hai người con trai lớn; ba tháng sau hai người con út với mẹ cùng theo lên Moscou, chỉ còn một mình Anton ở lại Taganrog để tiếp tục học. Ngôi nhà mới cất đã thuộc về một người khác, Solianov. Anton được Solianov cho ăn và ở, nhưng phải kèm một đứa cháu của chủ nhà để nó thi vào một trường võ bị. Trước khi đi, thân mẫu dặn cậu phải coi sóc đồ đạc còn lại rồi kiếm người bán, gọi tiền lên Moscou.

Vậy Anton mới mười sáu tuổi đã phải tự túc và giúp đỡ gia đình. Muốn kiếm được vài đồng mỗi tháng, cậu phải dạy kèm vài đứa trẻ ở tư gia. Cậu bán đồ đạc không được, thân mẫu viết thư thúc:

"Lúc này cả nhà chỉ còn bốn xu để ăn, ba má mong đợi con gọi tiền lên, thật là chua xót, có lẽ nói ra con không tin, nhưng sự thực là Marie không có áo ấm, má không có giày ấm, không đi đâu được, má không có máy may, để may vá kiếm ít tiền, còn con thì cứ làm thính, không cho biết bao giờ gọi tiền lên. Thật là đau khổ. Viết ngay đi, con; gọi tiền mau lên đi... đừng để má râu rĩ đến chết mất!"

Bà dâu có hay chính Anton giày cũng lủng, phải lội trong mưa, trong tuyết, chạy từ nhà này đến nhà khác để dạy tư.

Những ngày nghỉ cậu trốn vào thư viện thành phố, gắp gì đọc nấy: Beecher, Stowe, Cervantès,

Gontchacov, Tourgueniev, Belinski, Schopenhauer và những báo trào phúng: *Đồng hồ đánh thức, Ve sầu.*

Nhưng trong thư từ cho gia đình và bạn bè, cậu không để lộ chút buồn nào cả, giọng vẫn vui, đùa cợt, dí dỏm, đa cảm nữa, rất thương cha mẹ. Trong một bức thư cho một người anh họ, cậu viết:

"Trên cõi đời hiểm độc này, tôi không yêu quý ai bằng má tôi, má tôi râu rĩ lắm, anh an ủi người giùm tôi, như vậy là anh giúp tôi được nhiều lắm."

Và cơ hồ cậu cũng quên hết những đau khổ thuở nhỏ, không oán cha là nghiêm khắc, tàn nhẫn, chỉ thấy tội nghiệp cho cha đã cực khổ vì các con:

"Vì cuộc đời gian lao quá mà cha mẹ tôi có thể để lộ ra vài tật xấu, nhưng lòng thương vô biên của các người đối với chúng tôi đã xóa bỏ được hết các tật đó."

Một điểm quý nữa là Anton có đức tự tín. Cậu trách em là Michel đã quá nhũn, tự nhận là vô tích sự:

"Có lẽ trước Chúa, trước thiên nhiên, em nên cảm thấy mình nhỏ bé, tầm thường quá, nhưng trước mọi người thì em đừng bao giờ nên nghĩ như vậy, mà phải nhận định được phẩm giá của mình."

Một thiếu niên mười chín tuổi khuyên em như vậy, quả là có óc già giặn. Năm ấy, 1879, cậu đậu tú tài, được cấp học bổng mỗi tháng hai mươi lăm đồng để lên đại học theo ngành y khoa. Tháng tám, cậu với hai người bạn lên Moscou.

Chương II

Ở MOSCOU: 1879 – 1892

Moscou thời đó chỉ là một làng lớn có tính cách nửa Á đông, mà chiếm được tấm lòng của Tchékhov ngay từ buổi đầu. Chàng thích điện Kremlin, thích hai bờ sông Moscova, thích những con đường cũ quanh co hai bên là những ngôi nhà thấp bằng gỗ, thích những hàng rào sơn trà và xoan ngào ngạt hương thơm, thích nhất vẻ nên thơ miền ngoại ô của cố đô ở miền trung nước Nga đó. Tchékhov ở Moscou mười ba năm, sau này vì bệnh phải di cư xuống miền Crimée ấm áp hơn nhưng lúc nào cũng nhớ Moscou, y như bạn thân của ông, họa sĩ Levitan.

Trước khi lên Moscou, Anton đã được biết rõ cuộc đời thiếu thốn của gia đình, nhờ những bức thư của anh là Alexandre.

Cha trốn nợ, kiếm việc làm mà không ra. Có bao nhiêu tiền là tiêu hết; quần áo đồ đạc có món gì cũng cầm cố hết, nhưng ngày nào cũng lại giáo đường. Mẹ mặc một chiếc áo lạnh cũ

của chồng, bữa củi, xách nước và khóc suốt ngày. Cô Marie mười ba tuổi, phải làm quần quật như một người ở. Cậu út Michel, không có tiền để ghi tên vô trung học, lêu lổng ở nhà. Hai người con lớn Alexandre và Nicolas khá có tài, kèm trẻ cho tư gia và cộng tác với vài tờ báo để kiếm ít tiền giúp cha mẹ. Nhưng Nicolas vừa làm biếng vừa nghiện rượu, còn Alexandre thì rước về nhà một thiếu phụ li dị với chồng, và phải cưới cả mẹ con nàng. Gia đình lục đục, tiếng la khóc, tiếng mắng chửi không lúc nào ngớt. Thật là cảnh địa ngục. Đã vậy, ông Pavel còn lắm cảm lập chương trình hằng ngày cho mỗi người:

"Từ 5 giờ sáng đến 7 giờ chiều:

Nicolas Tchékhov, 20 tuổi: coi sóc cửa nhà.

Ivan Tchékhov, 17 tuổi: coi sóc việc nhà(!)

Michel Tchékhov, 11 tuổi:

Marie Tchékhov, 14 tuổi:

7 giờ sáng lại giáo đường; những ngày lễ thì làm lễ hồi 6 giờ rưỡi và 9 giờ rưỡi.

Ai không theo đúng những điều lệ trên thì lần đầu sẽ bị rầy, lần sau bị trừng trị; cấm không được kêu khóc trong khi bị đòn.

Gia trưởng kí tên: Pavel Tchékhov"

Vì nghèo nên phải thuê những căn nhà mỗi ngày một ít tiền hơn và trong ba năm đã đổi chỗ ở tới mười một lần.

Anton biết tình cảnh ấy của gia đình nên rủ hai người bạn lên Moscou học, ở trọ nhà mình cho cha mẹ đỡ được một phần tiền chợ.

Khi cậu lên Moscou thì cha mẹ, anh em ở trong một cái hầm đường Gratchevka vừa tối vừa ẩm thấp, nhìn ra ngoài phố chỉ thấy bàn chân của khách qua đường. Vì có hai sinh viên ở trọ, nên họ phải mượn một căn nhà khác sạch sẽ hơn một chút, mặc dầu nằm giữa một xóm có nhiều nhà chứa. Sau này Tchekhov tả những ổ điếm này trong một truyện ngắn nổi danh: *Khủng hoảng* (1888)

Anton ghi tên vào y khoa. Để tỏ mình đã là sinh viên không còn phải theo kỉ luật ở Trung học nữa, chàng để râu mép và không hót tóc cho nó xòa xuống, phủ gáy và vai. Thì ra một thế kỉ trước ở Nga cũng đã có thứ đầu tóc híp-pi rồi. Nhưng Anton chỉ có bề ngoài như vậy thôi, còn tính tình thì rất đứng đắn, siêng năng, có nghị lực. Mục đích của chàng là cố vượt lên khỏi cái thân phận bình dân. Trong một bức thư sau này gởi cho Alexis Souvorine, chàng viết:

"Cái mà hạng quý phái, nhờ quyền thế tập, được hưởng ngay từ hồi nhỏ, chẳng khó nhọc gì cả thì hạng bách tính phải trả một giá đắt bằng cả tuổi thanh xuân của mình. Xin anh rán viết truyện một thanh niên con một nông nô, hồi nhỏ bán quán, hát ở giáo đường, rồi vô trung học, lên đại học; bị bắt vào khuôn vào phép, phải

khom lưng hôn tay các giáo trưởng; phục tòng ý kiến người khác; tỏ lòng tri ân khi nhận một miếng bánh; bị mấy trăm trận đòn; giày lủng mà phải chạy khắp thị trấn để kèm trẻ tư gia; hay gây gỗ, thích hành hạ loài vật, giả dối trước Chúa và trước mọi người, chỉ vì nhận thấy sự hèn mọn của mình, chứ chẳng vì một lí do nào khác. Xin anh kể truyện thanh niên ấy rần thoát li từng giọt từng giọt một cái huyết thống nô lệ ra sao để một buổi sáng kia tỉnh dậy, thấy trong huyết quản mình không còn dòng máu nô lệ nữa, mà có dòng máu của con người."

Đó là cả một chương trình hành động; muốn thực hiện được phải tự chủ, tu thân, làm việc không ngừng suốt ngày suốt đêm, vì phải tự mình vượt lên chứ không nhờ cậy ai được. Ngay từ khi lên Moscou, Tchékhov đã quyết tâm vừa thực hiện chương trình ấy, vừa giúp đỡ gia đình. Chàng vừa học y khoa vừa viết báo. Souvorine kể bước đầu vô làng văn của chàng như sau:

"Anh bắt đầu viết khi còn là sinh viên. Song thân anh sống nghèo khổ lắm vì còn phải nuôi nhiều con, trai và gái. Ngày sinh nhật thân mẫu, Anton buồn rằng không có tiền mua một chiếc bánh biếu mẹ. Anh bèn viết một truyện ngắn. Truyện được đăng, anh được lãnh vài đồng, thế là có tiền làm lễ sinh nhật cho mẹ rồi. Từ đó, anh thành người chu cấp cho gia đình."

Truyện đầu tiên ấy nhan đề là *Thư một diễn chủ miền sông Don gửi cho ông láng giềng thông thái*, đăng trên tờ *Ve sầu*, kí bút hiệu Antocha Tchekhonte, không có giá trị gì cả. Thấy kiếm được tiền, Anton hăng hái viết, nhưng chỉ một số ít bài được đăng, đa số bị từ chối một cách tàn nhẫn. Người ta quá coi thường sinh viên ăn bận lôi thôi, điệu bộ khúm núm, tự nhận là vô tài đó. Có khi đọc xong người ta trả lại, chê là dài quá, vô vị, rồi mắng vào mặt Anton:

- "Không có óc phê phán, tự đánh giá tác phẩm của mình thì đừng nên viết."

Chàng không nản lòng, xé bỏ, viết truyện khác. Lần lần quen thị hiếu của độc giả, truyện được đăng nhiều hơn, mới đầu kiếm được vài chục đồng mỗi tháng, sau được gấp đôi gấp ba. Năm 1880 chín truyện được đăng, năm sau, mười ba truyện, năm 1885 lên tới mức cao nhất: trăm hai mươi chín bài vừa truyện ngắn vừa tạp luận, phê bình kịch. Chàng viết thật dễ dàng: "Tôi viết như chim hót. Ngồi vào bàn là bắt đầu viết liền, chẳng hề nghĩ trước sẽ viết cách nào, về cái gì. Cứ viết rồi tự nhiên nó ra. Viết không khó nhọc chút gì cả, dù là một tiểu luận, một truyện ngắn hoặc một kịch ngắn. Ý như một con bê hoặc một con ngựa tơ thả vô một cánh đồng xanh mướt, sáng chói, tôi nhảy nhót, đổ mồ hôi, vẫy đuôi, lắc lư cái đầu một cách kì khôi. Tôi cười và làm cho người chung quanh cười".

Viết trong những hoàn cảnh thật bất tiện: trong phòng, bạn học nói chuyện về y khoa, tiếng trẻ con vang lên từ phòng bên cạnh.

Chàng ngạc nhiên rằng sao có nhà văn lại thấy thiếu đề tài được: "Cái gì cũng có thể là đề tài, nhiều vô số đấy, tha hồ mà xúc! Anh nhìn bức tường này, bề ngoài có vẻ không có gì để tả. Nhưng anh cứ nhìn kĩ nó đi, sẽ thấy nó có một cái gì đặc biệt; chưa ai nhận ra. Anh tả cái đó đi. Tôi cam đoan với anh rằng anh sẽ viết được một truyện rất hay... Còn cái kia nữa - Tchekhov vừa nói vừa nhìn qua cửa kính bắn thủy mà ánh bình minh bắt đầu dọi vào - còn cái kia nữa, chẳng phải là một đề tài đấy ư? Anh nhìn kia, có thấy vị tu sĩ đi quyên tiền để mua cái chuông mới cho tu viện đấy không? Anh không cảm thấy bấy nhiêu đủ dựng nên một truyện rất hay ư? Có cái gì bí hiểm trong màu áo đen của tu sĩ đó trên nền trời mờ mờ của hừng đông."

Nhưng chính chàng cũng nhận rằng mình viết dễ dàng quá, tác phẩm không có giá trị gì cả. Năm 1884, chàng viết cho Leikine: "Chủ nhật, tôi sẽ gởi cho ông thứ văn chương như cút của tôi". Hồi đó chàng viết chỉ để kiếm tiền. Máy tờ báo chàng hợp tác đều nghèo cả, trả nhuận bút không được đều. Có lần chàng dặt cả một bầy bạn bè, anh em lại tòa soạn đòi tiền. Người ta bảo họ đợi. Họ đợi một giờ, rồi hai giờ; bức mình quá, họ đập tường, đập cửa. Một người ra bảo:

"Ông chủ lên về cửa sau từ lâu rồi và dặn tôi bảo các cậu hôm khác trở lại."

Lần khác chủ báo thiếu chàng có ba đồng thôi mà cũng không xoay đâu được, đề nghị trả bằng một vé đi coi hát, hoặc bằng một chiếc quần: "Cậu cứ lại tiệm thợ may X, bảo họ cắt quần cho rồi ghi vào sổ của tôi".

Năm 1882, Anton làm quen được với Leikine, một nhà văn khá có danh, chủ bút tờ *Tiếng nổ*. Leikine mời chàng hợp tác. Chàng mừng rơn, khoe với Alexandre: "Tờ *Tiếng nổ* là tờ được hoan nghênh nhất hiện thời... Ai cũng đọc nó... Bây giờ em có quyền coi thường mấy tờ khác rồi."

Tiền nhuận bút cũng khá hơn: mỗi truyện ngắn khôi hài nhẹ nhàng, dài từ năm chục tới tám chục hàng được lãnh bốn, năm đồng⁽¹⁾.

Hai năm sau (1884) Anton tốt nghiệp y khoa, bắt đầu hành nghề, nhưng vì mấy năm lao lực quá, chàng thổ huyết. "Trong những lần thổ huyết đó, có cái gì rùng rợn, đáng lo, như ngọn lửa một đám cháy vậy". Chàng run sợ những chiếc khăn dính máu, nhưng rồi chẳng chạy chữa, cũng chẳng thay đổi lối sống, mà tự dối mình và người thân: "Tôi thổ huyết, nhưng không phải là lao phổi." Chàng như con lạc đà, trước cơn nguy thì rúc đầu vào cát. Có tác giả bảo thói đó là bản tính của dân tộc *slave* (Nga).

(1) Mỗi đồng rúp thời đó khoảng 500đ VN năm 1972.

Năm sau, 1885, nhờ hai truyện ngắn: *Người thợ săn* và *Rầu rĩ* đăng trên tờ *Pétersbourg*. Anton được danh sĩ Grigorovitch đề ý tới, viết thư khuyến khích:

Kính gửi ông Anton Pavlevitch,

*"Cách đây non một năm, tôi tình cờ được đọc một truyện ngắn của ông đăng trên tờ **Pétersbourg**; tôi quên mất nhan đề rồi, chỉ nhớ bài ấy có những nét rất độc đáo tả nhân vật và thiên nhiên rất đúng.*

*Từ đó, gặp bài nào kí tên Tchekhonte tôi cũng đọc mặc dầu trong lòng bất bình vì ông tự đánh giá mình quá thấp mà phải kí bằng bút hiệu... Sau khi đọc ông, tôi khuyên Souvorine và Bourénine [một nhà phê bình văn học] đề ý tới ông. Họ nghe lời tôi và bây giờ, cũng như tôi, không còn nghi ngờ về **chân tài** của ông: ông đáng đứng vào hàng đầu các văn sĩ thế hệ mới... Tôi tin chắc rằng ông có tài. Năm nay tôi đã sáu mươi lăm tuổi nhưng vẫn yêu văn chương, vẫn hăng hái theo dõi những tiến bộ về văn chương, và khi gặp được một cây bút linh động, có chân tài thì tôi mừng lắm, không thể giữ kín trong lòng được - như ông thấy đấy, và tôi xin chìa hai tay cho ông bắt đây! Nhưng chưa hết, tôi còn muốn thêm điều này nữa: tài của ông có nhiều vẻ, ông phân tích nội tâm rất đúng, ông tả cảnh rất hay (...) chỉ trong vài hàng mà vẽ được một đám mây tắt lần trên nền trời lúc*

hoàng hôn như tro trên những cục than hồng đương tàn. Có những tài đó thường có thể viết được những tác phẩm hay, thực có nghệ thuật, Tôi tin chắc vậy. Nếu ông không đáp được những ước mong đó của độc giả thì ông rất có tội về tinh thần. Đây, ông cần điều này trước hết: tôn trọng cái tài hiếm có của mình. Ông nên bỏ mọi công việc hấp tấp đi!"

Và Grigorovitch khuyên Tchekhov đừng viết báo nữa, mà để hết thì giờ, tâm trí viết một tác phẩm lớn, bỏ biệt hiệu đi mà kí bằng tên thật.

Tchekhov rất cảm động, hồi âm liền:

"Bức thư của cụ như một tiếng sét đối với tôi. Tôi suýt khóc, tôi xúc động mạnh, và bây giờ tôi cảm thấy nó để lại trong tâm hồn tôi một vết rất sâu... Tôi như say rượu. Tôi không đủ sức tự xét mình có xứng đáng nhận phần thưởng lớn lao cụ ban cho tôi không. Tôi chỉ xin thưa lại: bức thư đã làm tôi xúc động mạnh.

"Nếu tôi có một chút tài nào đó phải tôn trọng thì tôi phải thú thực với tấm lòng thanh khiết của cụ rằng từ trước tới nay tôi không hề tôn trọng nó. Tôi cảm thấy tôi có cái tài ấy nhưng từ trước tôi vẫn quen coi nó là tầm thường. Trong năm năm lang thang từ báo này qua báo khác, tôi quen khinh thường các công trình của tôi và tôi viết sao cho thật mau! Đó là lí do đầu tiên. Lí do thứ hai là tôi làm y sĩ, công việc ngập tới cổ (...) Tôi không nhớ có truyện nào mà tôi viết

quá một ngày, và truyện *Người thợ săn* mà cụ thích ấy, tôi đã nằm dài trong những tấm ván trong một nhà tắm công cộng để viết. (...) Bức thư của cụ như trên trời rớt xuống... Tôi thấy cần phải ra khỏi ngay cái rãnh bánh xe tôi đã sa lầy trong đó. Có lẽ tôi còn đủ thì giờ để làm được một cái gì mặc dầu thời gian trôi mau quá."

(31 tháng 3 năm 1886)

Từ đó Tchekhov quyết tâm "bỏ nghỉ ngơi, bỏ rượu, từ đàn bà để lập sự nghiệp". Cũng từ đó ông nổi danh. Đi đâu cũng có người chỉ trỏ ông, muốn làm quen với ông. Một nhà báo ở Pétersbourg mời ông lên Pétersbourg chơi; tại đây ông được mọi người ca tụng, được tiếp đãi rất trang trọng, ăn ngon, ở nhà đẹp, đi coi hát không mất tiền rồi khi về còn được tặng ba trăm đồng với một vé xe lửa hạng nhất nữa!

Ông tự vạch qui tắc sáng tác: phải khách quan, tả đúng sự thực, viết cho gọn, độc đáo, làm cho độc giả cảm động. Máy điểm đó tôi sẽ phân tích trong chương I. *Nghệ thuật của Tchekhov*. Ông lại định rõ phép tu thân xử thế để cố theo cho đúng. Trong một bức thư cho anh là Nicolas (tháng 3.1886) ông bảo:

"Theo ý em, con người có học phải có những điều kiện dưới đây:

1. Họ tôn trọng con người cho nên luôn luôn tốt bụng dịu dàng lễ độ và sẵn sàng nhường nhịn kẻ khác. Họ không la om xòm vì mất một

chiếc búa hoặc một cục gôm⁽¹⁾. Sống chung với ai, họ không vênh vênh cho như vậy là vinh dự cho người, do đó không bảo: "Không ai có thể sống chung với anh được!" Dù nhà ồn ào quá, thịt nhừ quá⁽²⁾, dù bị lạnh hay bị người khác chế giễu, dù có người lạ ở trong nhà, họ cũng không phàn nàn, mà bỏ qua cho hết.

2. Họ thương mọi người chứ không phải chỉ thương bọn ăn mày và loài mèo mà thôi. Dù không trông thấy tận mắt những cảnh thương tâm thì lòng họ cũng xót xa.

3. Họ tôn trọng tài sản của người khác, cho nên có nợ thì nhớ trả.

4. Họ thành thực, sợ sự nói dối như sợ lửa. Họ không bao giờ nói dối, cả trong những việc vặt. Nói dối ai là nhục mạ người đó, cho người đó là tầm thường hơn mình. Họ không làm điều làm bộ, ra ngoài cũng như ở trong nhà, không khoe khoang làm chói mắt những kẻ thấp kém hơn mình. Họ không nói nhiều, không bắt người khác nghe họ kể lể tâm sự.

5. Họ không tự hạ mình để mong được người ta thương hại. Họ không bảo: "Chẳng ai hiểu tôi cả!" hoặc "Tôi thành hạng tầm thường"⁽³⁾ vì như

(1) Có sách Pháp dịch là *cục cao su*

(2) Có sách dịch là *thịt đóng hộp*.

(3) Có sách dịch là: "*Tôi đã phí tài năng mà công toi*". Có nhiều bản tiếng Nga khác nhau chẳng?

vậy là cần một lòng thương rẻ tiền, vừa dẽ tiền, giả dối, vừa lỗi thời.

6. Họ không khoe khoang, không ưa những hột xoàn giả, như được quen một danh nhân này, được bắt tay một ông lớn nọ. Bức họa của họ chỉ đáng một xu thì họ không bảo nó đáng giá trăm đồng; không khoe rằng được mời vào những nơi mà người khác bị gạt ra. Chân tài thì luôn luôn ở trong bóng tối, lẫn trong đám đông, xa mọi cái rực rỡ bề ngoài.

7. Nếu họ có tài thì họ trọng tài của họ (...)"

Năm ấy Tchekhov mới hai mươi sáu tuổi, chí hướng đã rõ rệt. Mà thời kì tập viết của ông cũng chấm dứt. Sở dĩ vậy, phần lớn là nhờ bức thư của một tri kỉ, một bạn vong niên, hơn ông gần bốn chục tuổi. Điều kiện thúc đẩy ở trên là ý kiến của Grigorovitch.

Năm sau ông nghe lời Grigorovitch, bỏ truyện ngắn mà viết thử một truyện hơi dài (khoảng trăm trang): *Đồng cỏ hoang* mà ở trên tôi đã giới thiệu. Thực ra truyện này cũng chỉ gồm nhiều truyện ngắn nối tiếp nhau nhưng giữ được tính cách nhất trí vì đề tài rất giản dị: Cảm tưởng của một em nhỏ - nhân vật chính - trong một cuộc đi xa, qua một đồng cỏ hoang. Truyện có nhiều thi vị, sau này Gorki khen là trang nào cũng lấp lánh những hạt trân châu nho nhỏ.

Nhưng trong đời Tchekhov cơ hồ vui buồn, ngọt đắng lúc nào cũng xen nhau. *Đồng cỏ hoang*

được hoan nghênh thì đồng thời kịch *Ivanov* (tả một lớp thanh niên Nga chán nản sống một cuộc đời vô vị) bị khán giả la ó một cách bất công chỉ vì đào kép đóng dở quá.

Sau *Đồng cỏ hoang* ông lại trở về thể truyện ngắn; ông không sở trường về truyện dài. Trong truyện *Khủng hoảng* ông tả nhiên đến lạnh lùng tả những truy lạc trong một xóm điếm vào mùa tuyết đổ. Ông mượn tuyết trắng để tượng trưng sự trong sạch mà làm nổi bật sự dơ dáy trong xóm đó và cuối truyện ông kết: "*Làm sao tuyết có thể rơi xuống cái ngõ cụt đó được!*". Ai cũng khen truyện đó hay chỉ duy có cụ Grigorovitch là nhận ra dụng ý của ông khi ông tả cảnh tuyết rơi. Tchekhov phàn nàn với Souvorine như vậy và hỏi tại sao tờ báo của Souvorine không bao giờ nói tới tai họa ghê gớm, tức khu buôn thịt người đó.

Lúc này văn tuy già giặn hơn trước nhưng Tchekhov viết vẫn vội và nhiều. Grigorovitch bảo Souvorine: "Phải cấm Tchekhov viết nhiều. Để kiếm tiền ư? Hồi trước chúng tôi viết đâu có vì tiền". Cụ già đầu tóc bạc phơ đó thật dễ thương, Tchekhov quý cụ lắm nhưng chỉ mỉm cười: "Ba má cần ăn chứ" Cả gia đình gồm sáu bảy miệng ăn chỉ trông cậy nơi ông, ông dời chỗ đi đâu là dắt cả một đoàn theo.

Một phần vì gánh nặng gia đình, một phần vì chứng bệnh nan y (thỉnh thoảng ông vẫn thổ huyết) nên ngoài ba mươi tuổi ông vẫn ở độc thân: "Tôi sống như một thầy tu" - "Không có một mối tình chân thật thì buồn lắm". Ông thích đàn bà đẹp, thích nghe họ cười nói, nhí nhảnh. Mà cũng có nhiều cô mê nét mặt thông minh, hiền lành, câu chuyện dí dỏm có duyên của ông, quý cái danh của ông, nhưng ông không đi sâu vào mối tình nào cả. Hễ thấy họ có ý đòi ông phải dành cho họ trọn trái tim của ông, hi sinh trọn đời ông cho họ là ông lảng ra. Ông sợ bị họ "nuốt chửng" đời sống, sinh lực của ông mà ông đã quyết tâm dành cho nghệ thuật, sự nghiệp. Cho nên có lần (năm 1886) ông đã làm lễ hỏi một thiếu nữ Do Thái, cô Dounia Efros, rồi một tháng sau lại đoạn tuyệt.

Còn vài ba mối tình cũng chớm nở rồi vội tàn như vậy nữa, chỉ vì, như Henri Bordeaux nói, ông "sợ sống". Phải săn sóc, lo lắng cho một người đàn bà, ông thấy cực thân lắm. Một lần ông nửa đùa nửa thật bảo: "Tôi muốn cưới vợ lắm nhưng kiếm giùm cho tôi một cô nào như mặt trăng, dùng luôn luôn xuất hiện ở chân trời của tôi. Để cô ấy ở Moscou, còn tôi thì ở nhà quê..."

Rốt cuộc, Tchekhov lại chỉ "sống với cô vợ chính thức, y khoa, và cô tình nhân văn chương. Khi chán cô này thì ngủ với cô kia. Như vậy không hợp pháp, chung thủy đấy, nhưng đời sống

được thay đổi, với lại, thực ra chẳng thiệt gì cho hai nàng cả. Nếu không làm nghề y sĩ thì tôi khó dành cho văn chương những tư tưởng tự do, lãng mạn của tôi được. "(Thư cho Souvorine - 1888)

Có thể nói thêm rằng nếu ông không làm y sĩ, không có cơ hội tiếp xúc với mọi hạng người mà thấy những đau khổ thể chất và tinh thần của họ, lối sống vô lí của họ thì văn ông chắc kém phần sâu sắc. Ông chung tình với cả hai, cho tới chết vẫn vừa trị bệnh cho thiên hạ, vừa viết văn, không hề vì văn chương mà xao nhãng bốn phận một y sĩ; nhưng cũng như mọi người đàn ông khác, ông vẫn hơi thiên vị với cô tình nhân; ông coi văn chương mới là sự nghiệp của mình.



Năm 1890, Tchékhov đúng ba chục tuổi. Danh ông mỗi ngày mỗi tăng. Hai năm trước ông đã được giải Pouchkine của Hàn lâm viện khoa học. Ông ở ngôi nhà đầy tiện nghi tại Sadovaia - Koudrinskaia, được gia đình và bạn bè quý mến, chiều chuộng. Chưa bao giờ đời ông có vẻ đầy đủ, sung sướng như lúc đó. Chỉ có sức khỏe là kém: thổ huyết nhiều hơn, lại bị bệnh trĩ, bệnh nhức đầu hành hạ.

Rồi một hôm ông tuyên bố sẽ đi Sakhaline, khiến mọi người ngạc nhiên, Sakhaline là một đảo lớn thuộc Nga, ở bờ biển đông bắc châu Á,

chỉ cách Nhật Bản một eo biển. Nga dùng nơi đó để đày các tội nhân. Hồi đó chưa có đường xe lửa xuyên Sibérie, từ Moscou qua Sakhaline thật gian nan, mà Tchékhov đương bị lao phổi. Người thân cản, ông không nghe, đáp: "Cuộc hành trình đó mất sáu tháng gắng sức liên tiếp về cả thể chất lẫn tinh thần. Tôi là người phương Nam bắt đầu hóa ra làm biếng rồi, phải gắng sức một chuyến để tự bắt mình vào khuôn vào phép."

Đó là một lời nửa đùa nửa thật để giấu nỗi lòng của ông. Sự thực là danh ông đã lớn, ông cảm thấy quốc dân chờ đợi ông bày tỏ thái độ về tình hình xã hội. Nước Nga vào những năm 1880, sau vụ ám sát vua Alexandre II vào 1.3.1881, sống trong một không khí ngột thở. Sách báo bị kiểm duyệt một cách ngu xuẩn, chính quyền đàn áp các nhà cách mạng, phe cách mạng phản ứng, khủng bố lại, cả hai bên đều tàn nhẫn. Biết bao vụ đổ máu, biết bao nhiêu kẻ bị đày qua Sibérie, Sakhaline. Người ta tìm một lẽ sống và trong nước có ba khuynh hướng:

- An phận, làm hết bốn phận trong phạm vi của mình, phát chẩn cho người nghèo đói, xây cất trường học, đường, bấy nhiêu đủ rồi.

- Hưởng lạc, mặc xã hội muốn ra sao thì ra, cứ triệt để theo chủ nghĩa cá nhân và chủ trương nghệ thuật vì nghệ thuật.

- Tự tu tỉnh, sửa tâm luyện tính như Tolstoi.

Tchékhov phải tỏ một thái độ và ông tự cho mình cái nhiệm vụ đánh thức lương tâm đồng bào: "... chúng ta để cho hàng triệu người chết lần chết mòn, một cách vô ích, vô lí, dã man... chúng ta xích tay chân họ, đuổi họ ra xa mấy chục ngàn cây số, khiến họ mắc bệnh hoa liễu, hóa ra truy lạc; chúng ta đã tạo ra tội nhân rồi trút hết trách nhiệm cho bọn coi ngục mũi đỏ vì say rượu... Chúng ta phải hành hương tới những nơi như Sakhaline, như người Thổ Nhĩ Kỳ hành hương lại thánh địa La Mecque..."

Cuộc hành hương của ông kéo dài hơn bảy tháng, từ 21.4 đến 8.12.1890. Đường dài khoảng 4.500 cây số, đi non hai tháng mới tới, có khúc bằng xe lửa, có khúc bằng tàu thủy trên sông trên hồ - khổ nhất là bằng một thứ xe không mui, không nhíp, như chiếc xe bò - khúc cuối cùng bằng tàu biển mà ông lại đương ho, đương bị bệnh trĩ. Lạnh và đói: "Không có gì để ăn", "tôi đói như một con chó, trái lại rệp và gián thì nhiều vô kể."

Sau cùng ông cũng tới được Sakhaline, lại chào viên thống đốc đảo, được tiếp đãi niềm nở: "Ông được quyền muốn đi đâu thì đi. Chúng tôi không có gì giấu ông hết... Ở đây không có một tội nhân nào mất hết hi vọng trở về đời sống giữa xã hội. Không có lệ bị giam mãi đời. Nhiều lắm là hai chục năm. Không có xiềng xích, không có lính gác, không bị cạo đầu, công việc thì không nặng nhọc."

Ông thống đốc có vẻ khoan dung, thành thực; lỗi duy nhất của ông là chẳng biết một chút gì về những việc xảy ra cách dinh ông hai ba trăm thước.

Tchékhov điều tra một cách có hệ thống, đi thăm từng ngôi nhà, từng trại giam, từng khu mỏ, hỏi thăm 10.000 người dân, làm 10.000 cái thẻ (trung bình mỗi ngày 100 cái thẻ!) Nhờ vậy ông thấy những cảnh rớt nước mắt; đứa trẻ nào cũng xanh xao, thiếu ăn, rầu rĩ; một đứa con gái theo cha làm cỏ vê, cha nó bị xích vào một chiếc xe bù ệt, và suốt ngày nó níu lấy dây xích ấy, tối ngủ trong xe; một đứa con trai không biết tên cha, mẹ nó giết cha nó nên bị nhốt khám, sau sống với một người đàn ông khác.

Nữ tội nhân tới Sakhaline bị phân phát cho các hạng đàn ông: bọn công chức cao cấp giữ lại chị nào trẻ nhất, đẹp nhất, bọn thư kí, giám thị được những chị xấu xí hơn; còn bao nhiêu thì làm tì thiếp cho thực dân (bị đầy) giàu nhất. Bọn thực dân này để tì thiếp làm điểm đem tiền về cho họ. Cũng có một số đàn bà tự do, nghĩa là chồng bị đầy mà đi theo chồng. Họ chỉ lo kiếm tiền nuôi con, nhưng không có ai muốn, mà xin ăn cũng không ai cho, đành phải chia phần ăn của chồng. Như vậy cả vợ lẫn chồng đều đói, vợ chỉ còn cách bán dâm lấy năm hay mười xu. Chồng dĩ nhiên làm ngơ. Con cái mới mười bốn tuổi đã đem bán. Thành thử cả đảo Sakhaline là một lò mãi dâm vĩ đại, là một ổ bệnh phong

tình. Có đứa con gái mới chín tuổi đã làm điếm. Có người mẹ mở một nhà chứa, bắt con gái tiếp khách.

Cờ bạc, rượu chè, ăn cắp, ăn trộm, gian dối, mưu mô, điếm chỉ, tố cáo lẫn nhau... không thiếu một tật nào. Chín chục phần trăm phụ nữ, bảy mươi một phần trăm đàn ông không biết đọc biết viết. Cứ chín mươi chín người hư hỏng mới có một người lương thiện. Mà ông thống đốc không hay gì cả.

Đầu tháng chạp 1890 Tchekhov trở về Nga bằng đường biển, ghé Hương Cảng, ba tháng sau tới Moscou. Ông viết một tập báo cáo nhan đề là *Đảo Sakhaline*. Tập này có tính cách khoa học chứ không có tính cách văn chương như truyện *Địa ngục đầu tiên* của Dostoievski và truyện *Phục sinh* của Tolstoi, nhưng cũng làm cho người Nga xúc động.

Ông lại viết vài truyện ngắn nữa: *Sát nhân*, *Bị dày*, *Goussev* để tố cáo xã hội Nga đã làm sa đọa con người. Năm 1893, trong một truyện hơi dài, *Truyện một người vô danh*, ông phát biểu chủ trương của ông: "Bây giờ tôi đã thấy rõ bằng trí óc, bằng linh hồn đã đau khổ biết bao của tôi rằng loài người không có mục đích gì cả, hoặc nếu có thì mục đích ấy chỉ có thể là yêu và hi sinh cho đồng loại."

Năm 1891, ông cùng với Souvorine đi thăm Áo, Ý, Pháp lần đầu tiên. Thời đó người nào

trong giới thượng lưu Nga cũng biết một vài sinh ngữ Tây Âu như Đức, Anh, Ý, nhất là Pháp ngữ; họ muốn gia sư ngoại quốc để dạy những sinh ngữ ấy cho con ngay từ khi chúng còn nhỏ. Và suốt thế kỉ XIX, hạng trí thức Nga thắc mắc về vấn đề có nên Âu hóa không hay phải giữ truyền thống của dân tộc, phải tiến hóa theo một đường lối riêng. Những thắc mắc ấy xuất hiện trong tác phẩm của các văn nhân thi sĩ như Pouchkine, Dostoievski. Tourguinieiev, Tolstoi... Người ta thường phân biệt hai phái: phái theo Âu, phái giữ bản sắc của Nga. Nhưng sự thực thì dù rất ái quốc như Dostoievski, cũng nhận rằng phải Âu hóa (Dostoievski bảo: Người Nga nào cũng có hai tổ quốc: Nga và châu Âu); chỉ khác mức độ Âu hóa nhiều hay ít thôi, nhiều thì như Tourguenieiev, ít thì như Pouchkine. Tchekhov theo học y khoa nên biết trọng phương pháp làm việc của Âu; ông lại cương cường, muốn dân tộc ông thắng được bản tính biếng nhác, được sao hay vậy; nhưng ông rất yêu tổ quốc, không muốn Nga theo phong trào lãng mạn của Đức, Pháp, Ý; và tuy thích những thắng cảnh ở Ý, Pháp, lúc nào ông cũng nhớ Moscou.

Nước Ý để cho ông ấn tượng đẹp nhất: "Ý là một xứ thật dễ thương. Nếu tôi là một nghệ sĩ, không bận bịu về gia đình mà lại có tiền thì mùa đông nào tôi cũng lại xứ ấy. Không kể khí hậu ấm áp của nó, Ý là xứ duy nhất mà nghệ thuật thực sự làm vua."

Chương III

MELIKHOVO: 1892 – 1898

Nhà văn nào cũng vậy, hễ danh lớn quá rồi thì không thể ở giữa đô thị được nữa, phải về một nơi xa đô thị một chút để trốn bạn bè, độc giả, nhất là bọn tò mò. Từ khi ở Sakhaline về, Tchékhov bị mọi người tới quấy rầy suốt ngày, coi thì giờ của ông là thì giờ của họ. Ông không làm gì được cả mà cũng không được nghỉ thành thử sút cân, ho nhiều hơn. Sau cùng ông quyết định rời Moscou, mỗi năm về miền quê ở chín tháng, còn ba tháng thì ở khách sạn tại Moscou hoặc Pétersbourg.

Tháng hai năm 1892, ông kiếm mua được một cái trại ở Mélikhovo và đưa gia đình (song thân, cô Marie và cậu Michel) về đó.

Hai trăm ba mươi hai hec-ta đất, mà trên trăm héc ta là rừng, sân, vườn, lối đi đều thênh thang. Lại có một cái ao thả cá nữa. Ông mừng lắm: "Còn gì sướng bằng năm giờ sáng thức dậy và nghĩ rằng mình chẳng phải đi đâu cả, chẳng

phải tiếp ai cả! Còn gì thích bằng được nghe tiếng chim hót! Và còn gì thích bằng nhận được cả chồng nhật báo và tạp chí của thế giới bên ngoài gởi tới!"

Khỏi phải đi đâu: đúng, nhưng khỏi phải tiếp ai thì sai. Trại càng rộng càng mát thì mùa hè bạn bè tứ phương càng rủ nhau lại chơi; bạn văn, bạn họa sĩ, rồi cả bạn gái của họ nữa. Họ ở chơi hàng tuần. Rồi thêm bà con gần, và bạn bè của bà con. Sau cùng là các bệnh nhân trong miền, vì nông dân nghe nói ông là y sĩ, sáng sớm dắt nhau cả đám lại chờ "bác sĩ Tchekhov thức dậy, uống trà xong rồi coi mạch cho."

Thế là ông lại phải rút lui vào sâu nữa, cất một căn nhà mát bằng gỗ ở cuối khu vườn, để được yên tĩnh làm việc. Trong căn nhà ấy ông viết những truyện *Phòng số 6*, *Nông dân*, *Tu sĩ áo đen*, *Ba năm* và kịch *Hải âu*.

Nhưng sức khỏe của ông không khá hơn, ông gầy đi, già đi. "Tôi nhợt nhạt như người chết đuối". Vì ông không được nghỉ. Ông rất tận tâm với bệnh nhân. Bất kể mưa gió, đêm hôm, hễ có ai gọi, là ông lấy xe ra đi hằng mấy giờ trên những con đường xấu, lầy lội, tới những căn chòi hôi hám. "Tôi là bác sĩ khổ nhất của xứ này: ngựa xe của tôi tồi tệ, tôi không biết đường, tôi mau mệt, và đây mới là điều cốt yếu: không lúc nào tôi quên được rằng tôi phải viết, tôi muốn

bỏ mặc nạn dịch tả để ngồi viết... Tôi hoàn toàn vô liệu".

Dịch tả năm đó (1892) hoành hành trong miền Mélikhovo và hai mươi sáu làng chung quanh, vì năm trước có nạn đói, dân yếu sức, không chống lại nổi với bệnh. Họ đói tới nỗi đem bán ngựa lấy vài xu, ông quyên tiền mua hết ngựa cho họ, nuôi ngựa hết mùa đông rồi qua mùa xuân trả lại cho họ cày ruộng. Năm đó Tolstoi làm được một việc đáng phục: quyên được 14.000 đồng tặng phẩm, nuôi được 9.000 người.

Khi dịch tả phát, Tchekhov vội vàng tổ chức việc cứu tế trong hai mươi sáu làng bốn xưởng và một tu viện. Ông thăm bệnh, cho thuốc, diễn thuyết, đi quyên tiền: "Tôi xin tiền giỏi không ai bằng: nhờ tài hùng biện của tôi, mà quận tôi có được hai trạm phát thuốc đủ dụng cụ và năm trạm khác tồi hơn."

Ông lại quyên tiền và bỏ ra 10.000 đồng cất được ba ngôi trường cho nông dân, tặng sách cho thư viện của trường.

Nhờ tiếp xúc với nông dân, ông biết rõ họ hơn. Từ đầu thế kỷ, giới trí thức Nga có cái "mốt" đề cao nông dân, coi họ là hạng thánh, có đủ đức tốt và bị hiếp đáp đủ thứ. Ai không hát điệp khúc đó thì bị coi là lạc hậu. Tchekhov có huyết thống nông dân, tận tâm giúp đỡ họ, nhưng không theo thời, nhận rằng nông dân có những người rất hiền từ, an phận như nàng Lina trong truyện

Trong khe, hoặc nàng Olga trong truyện *Nông dân*, nhưng xét chung thì họ tàn bạo, biếng nhác, sống bẩn thỉu. Nhà cửa đầy ruồi, tường, cửa đổ nát họ không buồn sửa, họ đánh đập loài vật, đàn bà và trẻ con. Ăn chỉ có bánh mì đen nhúng nước. Có tiền thì uống rượu; nếu cần, thì ăn trộm, giết người, không từ một việc nào. Họ không biết thương người. Thờ Chúa đối với họ là làm dấu thánh giá, cử ăn; họ không biết đọc kinh vì mù chữ. Khi cha mẹ họ già mà đau yếu thì họ bảo: "Ba má sống nhiều rồi, tới lúc chết thôi."

Tóm lại, họ nghèo và dốt. Đó là hậu quả của chế độ phong kiến. Cần phải cải thiện đời sống và khai hóa họ đã, chứ chưa cần cho họ tự do vội. Ý đó trái hẳn với chủ trương của giới trí thức, nên nhiều người không ưa ông, mà truyện *Nông dân* của ông không được hoan nghênh.

Kịch *Hải âu* diễn lần đầu ở Pétersbourg bị la ó quá khiến ông phải bỏ rạp ra về khi đang diễn màn thứ ba, định bụng sẽ không bao giờ soạn kịch nữa. Đề tài là một thiếu nữ yêu một văn sĩ nổi danh, và muốn thành một đào hát. Nàng thực hiện được mộng ấy nhưng rốt cuộc nó chỉ làm cho nàng buồn rầu, đau khổ và người yêu của nàng chết. Giọng điệu dằng, buồn; bố cục mới mẻ, tựa như một tiểu thuyết, nên dù đọc cũng khó thấy thích. Nhưng nguyên nhân chính, cũng như kịch *Ivanov*, là đào kép đóng dở. Kịch

được diễn thêm bốn lần nữa. Ít lâu sau Tchekhov cho in thành sách. Tolstoi đọc xong bảo:

- Nó chẳng có chút giá trị gì cả... (ông mỉm cười, nói thêm). Ông Anton, ông biết rằng tôi không ưa Shakespeare, nhưng kịch của ông còn tệ hơn kịch của ông ấy nữa.

Trái lại, truyện của Tchekhov lại được Tolstoi rất tán thưởng, cho là đẹp, du dương như thơ của Pouchkine, mà lại mới mẻ: "Thật là một nghệ sĩ vô song. Ông ấy đã tạo được nhiều hình thức nghệ thuật mới, hoàn toàn mới cho cả thế giới."

Hai người gặp nhau lần đầu tiên năm 1895 ở Iasnaia Poliana, điền trang của Tolstoi. Tchekhov tới đó một buổi sáng, gặp lúc Tolstoi đang tắm dưới sông, cũng nhảy xuống tắm và họ nói chuyện nghiêm trang với nhau, khỏa thân, nước tới cổ. Tolstoi yêu Tchekhov vì tính tình "dễ thương, nhũn nhặn, ít nói như một thiếu nữ"; Tchekhov ngưỡng mộ Tolstoi như thần thánh: "con người vĩ đại, mệnh mông, thần Jupiter đó", "nói chuyện với cụ Léon thì hoàn toàn bị cụ thu hút; tôi chưa thấy người nào hấp dẫn bằng... cụ gần như một người hoàn toàn", "thử nghĩ chính cụ đã viết rằng nàng Anna có cảm tưởng trông thấy chính mắt nàng long lanh trong bóng tối; tôi sợ cụ ấy quá".

Sau đó họ còn gặp nhau nhiều lần nữa, luôn luôn Tchekhov cho Tolstoi là văn sĩ số một của Nga, văn của ông "như điện, nóng bỏng như đá hỏa sơn mới phun ra."

Tchékhov cũng rất phục tư cách Tolstoi, có lần bảo Ivan Boussine:

"- Khi Tolstoi mất rồi thì mọi sự sẽ hỏng hết.

"- Cả văn học ư?

"- Phải, cả văn học nữa."

Vì Tchékhov cho rằng có những người không dám làm bậy chỉ vì Tolstoi còn sống.

Nhưng từ 1894, ông không chấp nhận tư tưởng đạo đức của Tolstoi nữa vì Tolstoi về già mạt sát văn minh, khoa học, oán y thuật, bảo: "Khoa học thực nghiệm chỉ lo thỏa mãn óc tò mò của con người hoặc cải thiện về kỹ thuật, ... mà đáng lí ra nó phải giải quyết những vấn đề tôn giáo, luân lí, xã hội. Những vấn đề này chưa giải quyết xong thì tất cả những kiến thức về thiên nhiên của chúng ta chỉ có hại và vô ích."

Tchékhov trái lại, viết cho Souvorine (27.3.1894): "Óc lí luận và ý thức về công bằng khiến chúng ta thấy rằng điện lực và hơi nước giúp cho đồng loại của chúng ta hơn là sự trinh khiết và ăn chay."

Ai phải ai trái? Hễ còn khoa học thực nghiệm - mà dĩ nhiên nó sẽ còn hoài, thì vẫn còn một phái mạt sát nó, một phái đề cao nó. Thời nào, nước nào mà hậu quả của tiến bộ kỹ thuật làm cho con người điêu đứng thì phe mạt sát mạnh lên, rồi tới thời ổn định, phe đề cao lại thắng thế. Vấn đề là phải ngăn chặn hết cái hại của

kỹ thuật, mà việc đó chỉ có thể thực hiện được khi thế giới đại đồng. Qua thế kỉ XXI, may ra được chăng?

Khi còn chịu ảnh hưởng mạnh của Tolstoi, Tchekhov viết một số truyện theo lối Tolstoi: *Những người lương thiện*, *Lên đường* (1886), *Kẻ hành khất* (1887), *Gặp gỡ* (1887); những truyện ấy đều kém, hơi hợt, nhất là truyện *Một truyện vô vị*, rất giống *Cái chết của Ivan Iliitch* của Tolstoi và quả thật là vô vị. Trái lại, từ khi thoát khỏi ảnh hưởng về tư tưởng của Tolstoi thì nghệ thuật của Tchekhov sâu sắc hơn, như truyện *Phòng số 6* (1892).

Nhân vật chính trong truyện này là bác sĩ Raguine, một môn đồ của Tolstoi, hiền lành tế nhị, thích đọc các triết gia Marc Aurèle, Epictète, Sénèque, không làm hại ai, không tin y học, không để ý tới dưỡng đường mà ông ta cai quản, để cho một y tá say rượu, tàn nhẫn làm gì thì làm; đã vậy còn thuyết bệnh nhân rằng cái gì ở đời này cũng tương đối hết, kẻ giàu có cũng khổ như kẻ nghèo đói, ở trong khám cũng có thể có tự do như ở giữa cánh đồng, nằm trong dưỡng đường cũng có thể sướng như nằm trong một lâu đài. Nhưng rồi tới lúc bác sĩ đó đau, người ta bảo ông điên, nhốt ông vào phòng số 6, phòng các người điên, đánh đập ông, lúc đó ông mới hiểu rằng vì lỗi của ông mà bệnh nhân bị điều đúng, tội nhục. Nhưng trễ quá rồi, ông chết ngay sau đó.

Người ta bàn tán nhiều về ý nghĩa của truyện. Tchekhov chỉ muốn chỉ trích Tolstoi thôi hay còn muốn ám chỉ rằng phòng số 6 với những cửa sổ chấn song sắt kia là đế quốc Nga, viên y tá tàn bạo kia là triều đình Nga, còn viên y sĩ không có nghị lực kia là giới trí thức Nga? Hay sâu sắc hơn nữa, thân phận cả nhân loại ở trong phòng đó? Chính vì truyện ấy mà gần đây Nga Xô nhận ông là văn hào tiên phong của họ, bảo nếu ông còn sống tất đã theo Đảng. Cái danh cũng lạ thật. Bây giờ ở Nga người ta đọc Tchekhov nhiều hơn đọc Gorki. Điều đó, sinh thời Tchekhov tưởng tượng nổi không nhỉ?

*

Năm 1897, Tchekhov ra Moscou vài ngày, Souvorine mời lại tiệm ăn với các bạn văn. Ông vừa tới thì thổ huyết, nhớ lại anh là Nicolas cũng chết vì bệnh đó. Bạn bè đưa ông vào một dưỡng đường, bác sĩ coi bệnh xong bảo ông đau ruột! Ông không cãi, sau chỉ mỉm cười bảo bạn "Tôi biết máu từ phổi bên mặt tôi chảy ra". Lần đó là lần đầu tiên ông nhờ bạn đồng nghiệp khám bệnh.

Ít lâu sau ông qua Pháp nghỉ ở Nice. Nice thời đó như một trung tâm Nga, có nhiều biệt thự của người Nga, hai thư viện Nga, một tiệm bán đủ các sách Nga, và một dưỡng đường Nga ở Menton.

Cả nước Pháp sùng sục lên vì vụ Dreyfus, một sĩ quan bị kết án là phản quốc, mặc dầu không có đủ chứng cứ, chỉ vì ông ta gốc Do Thái (nhưng đã nhập Pháp tịch). Phong trào đó có tính cách kì thị Do Thái. Văn hào Pháp Zola can đảm bênh vực Dreyfus, Tchekhov khen: "Zola là một tâm hồn cao thượng", "Dù cho Dreyfus có tội đi nữa thì Zola cũng vẫn có lí, vì bốn phận của nhà văn không phải là tố cáo, ngược đãi mà là bênh vực cả những kẻ có tội khi họ bị hình phạt. Người ta sẽ hỏi tôi: Thế còn lí do chính trị? Còn quyền lợi quốc gia? Tôi cho rằng các văn hào và các đại nghệ sĩ có làm chính trị thì chỉ là để chống nhà cầm quyền thôi. Bọn tố cáo, bọn biện lí và công an nhiều quá rồi, văn nghệ sĩ khỏi phải tiếp tay họ"

Suốt đời Tchekhov giữ được tư cách nhà văn độc lập, tự do.

Ở Nice hết mùa đông⁽¹⁾, nhớ tổ quốc quá, ông lại về Moscou được nửa năm thì thân phụ ông mất, ông bán trại ở Melikihovo, cất nhà ở Yalta trên bán đảo Crimée, bờ biển Hắc hải mà khí hậu ấm áp, hợp với bệnh lao của ông.

(1) Tchekhov đi Tây Âu lần đó là lần thứ ba; lần thứ nhì đi du lịch Áo, Ý năm 1894.

Chương IV

YALTA: 1898 – 1904

Tchékhov mua một khu đất khô cằn đầy đá sỏi ở cuối thành phố Yalta, nhờ kiến trúc sư cất cho một ngôi nhà rồi ông trồng cây ở chung quanh, tính làm thành một ốc đảo xanh yên tĩnh để nghỉ ngơi. Phòng viết nhìn xuống một con đường thoai thoải đưa xuống bờ biển. Phía sau lưng và hai bên là núi.

Khi mới cất xong, ông dắt mẹ và em gái tới ở thì nạn đói lại xuất hiện ở miền sông Volga. Ông lại quyên tiền, viết báo để hô hào cứu tế. Ngoài ra, ông còn cất một nhà thương cho bệnh nhân nghèo lao phổi, đường đường Iaouzlar, chứa được hai chục giường. Ông quyên trong khắp nước Nga được bốn chục ngàn đồng, bỏ thêm vô năm ngàn, để mở rộng đường đường sau này mang tên ông.

Mặc dầu bận rộn suốt ngày, ông vẫn thấy buồn vì phải xa Moscou, xa các bạn văn. Chỉ có

ba nghệ sĩ trẻ là thỉnh thoảng lại thăm ông, trong số đó có Maxim Gorki và họa sĩ Bounine.

Gorki khi mới cầm bút đã nổi danh như cồn, cuối năm 1898 gửi tặng Tchekhov bộ *Truyện ngắn* với một bức thư rồi tháng ba năm sau lại Yalta. Gorki yêu ngay Tchekhov mà tính tình hai người thật khác nhau: Tchekhov dè dặt, tế nhị, ít nói còn Gorki thì nói nhiều, hăng hái, bạo miệng tới tàn nhẫn.

Nhưng họa sĩ trẻ tuổi Bounine mới là người thường tới chơi Tchekhov nhất và lưu lại nhiều trang hồi kí rất cảm động, nên thơ về ông:

"Tôi (Bounine) còn nhớ một đêm xuân. Đã khuya rồi. Chuông điện thoại reo, tôi nhận ra giọng khàn khàn của Tchekhov: - Anh kiếm một chiếc xe ngựa tốt rồi lại tôi. Chúng ta đi dạo mát. - Tôi ngạc nhiên hỏi: Dạo mát? Ban đêm? Có chuyện gì vậy, anh Anton? - Tôi tương tư đây - Vậy thì được. Nhưng gần mười giờ khuya rồi, có thể bị cảm vì lạnh đấy. - Thôi đừng nói gì nữa.

"Mười phút sau tôi lại Aoutka. Tchekhov ở một mình với bà cụ. Nhà lúc nào cũng yên lặng và tối như cõi âm... Bàn viết của Tchekhov chỉ có hai ngọn nến lẻ loi. Lần nào nhìn căn phòng yên lặng ấy tôi cũng se lòng: Tchekhov đã sống bao nhiêu buổi cô độc ở đó, có lẽ đây những ý nghĩa chua chát về số mạng vừa rất may mắn, vừa chua xót của mình.

"Anh tiến ra bọc cửa đón tôi, vui vẻ mà rầu rĩ, giọng anh vốn dịu dàng mà lần đó còn dịu dàng khác thường nữa: "Đêm lạnh thật! Chúng ta lại Orbanda đi. Tôi có bị cảm cũng mặc.

"Đêm đó êm đềm mà yên tĩnh, có ánh trăng và những cụm mây trắng nhẹ. Xe chạy trên con đường trắng, chúng tôi làm thỉnh nhìn mặt biển lấp lánh. Rồi tới khu rừng mờ mờ tối, rồi tới những hàng trắc bá đen, ngọn dừa thẳng lên đung các ngôi sao. Chúng tôi ngừng xe, tản bộ dưới hàng trắc bá dọc theo phế tích các lâu đài xanh mờ mờ dưới ánh trăng. Thành linh anh ngừng lại hỏi tôi: "Anh biết người ta còn đọc tôi bao lâu nữa không? Bảy năm. - Tôi hỏi: Tại sao lại bảy? - Thì cứ cho là bảy năm ruỗi đi - Nói bậy. Tho⁽¹⁾ thọ lắm và càng lâu càng sống mãnh liệt. Hôm nay anh buồn rồi, anh Anton." Tôi vừa nói vừa nhìn nét mặt giản dị, đẹp và hiền từ của anh, nhợt nhạt dưới ánh trăng.

"Anh cúi mặt xuống lấy đầu cây can cào cào những viên sỏi trên đường, vẻ suy tư. Khi tôi bảo anh buồn, anh quay ngó tôi và nói đùa để chọc tôi: "Chính anh mới buồn vì anh phải trả tiền xe". Rồi giọng anh nghiêm trang lại: "Vậy mà đúng đấy, người ta chỉ đọc tôi bảy năm nữa thôi; tôi thì còn sống ít hơn nữa, nhiều lắm là sáu năm. (Anh đã lắm, anh còn sống được ít hơn vậy nhiều.)"

(1) Bounine có ý khen văn Tchekhov không kém gì thơ.

Cuộc dạo mát ấy vào tháng 4 năm 1903. Tchekhov chỉ được sống thêm có 15 tháng nữa.

Bounine rất phục tinh thần can đảm, tự chủ của bạn; biết rằng mình sắp chết, cả những khi đau đớn nhất, cũng không bao giờ phàn nàn. Có lần bà cụ thấy ông ngồi trong ghế bành, mắt nhắm lại, bèn hỏi: "Con đau đấy ư?" Ông đáp: "Không sao, má, con chỉ nhức đầu một chút thôi."

Bệnh mỗi ngày một nặng, cơ thể ông không còn chút đề kháng nào nữa. Ông đợi cái chết nó tới lần lần, đợi trong sự cô độc, sự yên lặng của ngôi nhà mênh mông chỉ có ông với hai người đàn bà già. Những đêm dài vô tận, ông ngồi ở bàn viết mà nhìn ngọn hải đăng ở đầu đá, nhìn những vì sao trên nền trời đen. Trước kia hồi ở Moscou, độc giả và bạn bè tới đông quá, mất thì giờ của ông, ông bực mình, ước ao được thành một ông già yên ổn ngồi sau bàn viết; lúc đó ông đâu biết được cảnh cô độc ấy lại ghệt thở đến nỗi này. Rồi những buổi trưa, ông ngồi hàng giờ ở chiếc ghế dài ngoài sân, nhắm mắt lại, nghe tiếng sóng vỗ ở dưới chân đồi vọng lên; thỉnh thoảng ho khan vài tiếng.

Ông chỉ còn có mấy năm nữa để sống mà quãng đời cuối cùng và ngắn ngủi này lại rất quan trọng đối với ông, vì hai sự kiện: ông cưới vợ và soạn kịch.

*

Tchékhov gặp cô Olga Knipper lần đầu tiên ngày mùng 9 tháng 9 năm 1898 ở Moscou. Ông ngồi coi một đoàn diễn viên trẻ tập kịch *Hải âu* vì kịch này được diễn lại ở Moscou. Ông bất mãn về căn phòng tối tăm, lạnh lẽo, vì các diễn viên về cả vở kịch của mình nữa, nên không để ý tới một cô đào đóng vai Arkadina.

Nhưng ít bữa sau, ông coi cũng đoàn kịch ấy tập vở *Nga hoàng Fédor* của Alexis Tolstoi thì ông lại khen chính cô đào hôm trước là đóng vai nữ hoàng Irina rất khéo. Hôm sau ông viết thư cho Souvorine: "Tôi mà ở lại Moscou thì thế nào tôi cũng mê cô Irina ấy." Cô Irina ấy chính Olga Knipper. Sau đó ông phải về Yalta, không được coi diễn vở *Hải âu* lần này thành công rực rỡ.

Mùa xuân năm 1899, vào lúc các rạp hát nghỉ hết, đoàn vui vẻ diễn lại cho một mình ông coi khi ông từ Yalta lên Moscou. Cô Olga Knipper đã kết thân với cô Marie, em gái ông, nên ông thường gặp nàng, thấy nàng vui vẻ, thông minh, dí dỏm, tự nhiên, có tài hát, đóng kịch. Mắt sắc, môi mỏng, có vẻ nhiều nghị lực. Gia đình nề nếp: cha làm kĩ sư, mất sớm, mẹ ở vậy nuôi con.

Hai người yêu nhau liền và từ tháng 9.1899, họ viết thư cho nhau gần như hằng ngày. Tháng 3.1900, gánh hát của nàng lại miền Crimée diễn vở *Hải âu* và vở *Chú Vania*. Họ ở nhà Tchékhov,

có cả Gorki, Bounine nữa. Mấy tuần đó thật vui, nhưng mệt thêm cho ông.

Tháng 6 năm đó, Olga lại Yalta chơi với Tchékhov sáu tuần. Buổi tối, khi cả nhà ngủ rồi, họ thức nói chuyện với nhau. Nàng hát nho nhỏ một bản của Glinka cho ông nghe hoặc pha cà phê, làm bánh cho ông ăn. Nàng thấy đời sống của ông thiếu tiện nghi, buồn tẻ; không ai săn sóc cho ông cả, thức ăn không ngon, quần áo lôi thôi, khách khứa tới quấy rầy ông mà người nhà không dám cấm cửa. Khi nàng về Moscou rồi, ông rất buồn: "Suốt mấy bữa nay, lúc nào anh cũng có cảm tưởng rằng cửa mở ra và em sẽ vô. Nhưng rồi em không vô... Em ở xa Yalta, ở xa anh quá."

Ông lại tìm sự an ủi trong công việc trứ tác: soạn một vở kịch nhan đề là *Ba chị em* mà nhân vật chính là một thiếu phụ đẹp đa cảm, bất hạnh trong hôn nhân, (nàng Macha) và yêu một người lớn tuổi, mệt mỏi, đông con (Verchinine) và phải hi sinh cho gia đình. Còn hai nhân vật kia thì một người thành gái già, một người có vị hôn phu bị giết trong một cuộc quyết đấu⁽¹⁾ vô lí. Kịch thật buồn. Ông đem cả tâm trí vào việc soạn, cốt để người yêu đóng vai Macha. Macha là Olga mà Verchinine là Tchékhov. Ông mượn

(1) Duel: Khi danh dự của mình bị người khác xúc phạm thì người Âu thách người đó đấu gươm hay súng trước những chứng nhân của cả hai bên.

Verchinine để diễn ý chua chát này: "Chúng ta không sung sướng, không có hạnh phúc, chúng ta chỉ có thể ước ao nó được thôi."

Kịch viết xong, ông đi Moscou thăm Olga rồi cuối năm qua Pháp dưỡng bệnh ở Nice (lần này là lần thứ tư ông qua Tây Âu). Ở Nice hai tháng ông lại nhớ Nga trở về Yalta.

Cuối tháng ba, Olga lại Yalta, nhưng chỉ ở nửa tháng, rồi đi, ông cũng không giữ, và nhận rằng tình cảnh "già nhân ngãi, non vợ chồng" ấy làm cho nàng tủi nhục mà mọi người trong nhà cũng ngượng.

Nàng đã có lần thúc ông làm lễ cưới nhưng ông vẫn do dự, có lẽ vì không nỡ bắt nàng bỏ nghề đào hát để săn sóc một người chồng bệnh hoạn.

Sau cùng trung tuần tháng tư 1901 ông mới quyết định: "Nếu em hứa với anh giữ kín tin chúng ta cưới nhau cho tới khi hôn lễ cử hành xong thì anh sẽ lên và cưới em ngay khi tới Moscou. Không biết sao anh rất sợ những lễ cưới, những lời chúc mừng và sợ cầm li sấm banh mà mỉm cười với mọi người..."

Giữa tháng sau ông lên Moscou, các y sĩ thấy bệnh ông nặng lên, nhưng rồi ngày 25, ông cũng làm lễ cưới một cách hoàn toàn bí mật trong một giáo đường nhỏ ở Moscou, ngay những bà con thân nhất của ông cũng không hay.

Cuối xong, họ đi Oufa trên bờ sông Belaia để cho ông dưỡng bệnh, rồi trở về Yalta. Cuối tháng tám, mùa diễn kịch sắp bắt đầu, Olga phải lên Moscou, bỏ ông ở lại Yalta.

Từ đây đời sống của họ thật kì cục: họ rất yêu nhau nhưng vẫn sống xa cách nhau lâu lâu mới đoàn tụ; hi vọng rồi thất vọng, than thở, hiểu lầm nhau, trách móc nhau. Sáu năm trước Tchekhov nói với Souvorine "muốn có người vợ như mặt trăng, dùng ngày nào cũng xuất hiện bên chân trời của mình", thì bây giờ ông được người vợ như vậy. Ông còn sống được ba mươi tháng nữa, chỉ lâu lâu mới lên Moscou một lần mà lần nào về bệnh cũng tăng. Còn bà thì vì nghề nghiệp, cũng ít khi về Yalta. Ông không trách bà, chỉ thỉnh thoảng phàn nàn một cách tế nhị: "Vắng em, anh buồn lắm", "Bức thư thứ nhì của em đã ngắn hơn rồi, anh sợ rồi đây em sẽ lãnh đạm với anh, thì cũng quen sống xa anh mất."

Có khi ông còn an ủi bà nữa: "Anh ho quá, không còn chút sinh lực nào nữa... Em cứ nghĩ tới tương lai của em đi", "Kì lễ tới này, anh không đợi em đâu, đừng về nhé. Em cứ lo công việc của em đi, chúng ta còn nhiều thì giờ sống với nhau mà" (12.12.1901).

Bà trách ông sao không lên Moscou, ông nhẹ nhàng đáp: "Đừng nên bắt công, em... Anh hứa lên rồi không lên được vì sức khỏe xuống quá,

ho dữ dội, ăn không được. Không còn viết lách, đi đâu xa được nữa (6.9.1902).

Nhiều người trách Olga là không chăm sóc chồng. Quả thật bà ham vui, ham danh, muốn phát triển hết tài năng; nhưng không phải bà không yêu ông, chỉ tội một nỗi nếu bỏ nghề thì bà sẽ rất buồn. Tchekhov hiểu cho bà lắm: "Chúng ta không sống chung với nhau được, điều đó chẳng do lỗi của ai cả; lỗi tại con quỷ nó bắt anh phải mang vi trùng trong người và cho em lòng yêu nghệ thuật".

Và cứ như vậy, kẻ nam người bắc. Bà cũng đau khổ, rất thành thực khi viết cho ông: "Hôm nay không được thư anh, một ngày u ám. Anh thấy trong người ra sao? Em cần có anh lắm... Em muốn lại được quỳ trước mặt anh để anh nhìn thẳng vào mắt em và dịu dàng đưa ngón tay luồn vào mớ tóc của em." Chưa xót, Tchekhov ghi trong sổ tay: "Ai sợ sự cô độc thì đừng nên cưới vợ". Rốt cuộc ông lại tìm sự an ủi với tình nhân của ông: *văn chương*. Từ trước ông vẫn nghi ngờ giá trị các kịch của ông, mặc dầu được Gorki rất khen:

"Mới cách đây vài ngày tôi đi coi diễn vở *Chú Vania*. Tôi đã coi và đã khóc như một chị đàn bà và tôi về nhà, choáng váng, thẳng thốt... Không thể nói rõ được nó gọi cái gì trong đáy tâm hồn tôi, nhưng coi các nhân vật trên sân khấu, tôi có cảm tưởng bị một chiếc cưa cùn cưa

trộn thân thể tôi. Những răng của nó xẻ trái tim và trái tim co lại, rên rỉ, nát ra..."

Nhân vật chính, Vania gần tới ngũ tuần, muốn vót vát tuổi trẻ bằng cách yêu gấp rút một người đàn bà đã có chồng. Thất vọng vì mối tình ấy, Vania giận thân, muốn trả thù đời, và trong một lúc loạn trí, xách súng rượt bắn chồng người yêu. Một nhân vật nữa, tốt bụng nhưng xấu xí, cô Sonia, cũng thất vọng vì tình.

Bây giờ thui thủi một mình ở Yalta, Tchekhov lại bị kịch ám ảnh nữa. Năm 1903, ông bắt đầu soạn kịch cuối cùng: *Vườn anh đào*, để cho vợ diễn. Mới đầu ông muốn viết thành một kịch vui để quên cảnh buồn đi, nhưng không hiểu sao, rốt cuộc cũng thành một bi kịch, có không khí chết chóc, tàn phá. Tình tiết giản dị: chỉ là một hội nghị gia đình để quyết định có nên bán một vườn anh đào mà mọi người đều quyến luyến hay không. Mới đầu người ta nghĩ có lẽ phải bán mất, rồi sau vườn sắp phải bán, sau cùng phải bán thật.



Đầu năm 1904, ông viết xong, các y sĩ cho phép ông rời Yalta. Ông mừng như con nít lại được thấy cảnh Moscou, được thấy mùa đông và các rạp hát. Ngày 17.1.1904, nhân lễ sinh nhật ông, kịch *Vườn anh đào* được trình diễn lần đầu. Mặc dầu ông đã để rõ dưới nhan đề là hài kịch mà gánh hát vẫn quảng cáo là bi kịch. Ông cho

rằng tại họ không đọc rõ kịch của ông. Nhưng họ không lầm: Kịch rất được hoan nghênh và "khán giả lần này có thể khóc mà không chút ân hận", cho rằng vườn anh đào tượng trưng xã hội cũ, dù quyến luyến với nó thì cũng phải để cho nó cáo chung.

Định mạng lần đó đã chiều ý ông rất mực: ông được nghe khán giả nhiệt liệt khen kịch của ông, khen ông đã cứu nông dân trong lần đói kém vì bị dịch tả ở Mélikhovo, đã săn sóc các người lao phổi ở Yalta; người ta còn thì thầm với nhau về bức thư ông xin rút chân ra khỏi Hàn lâm viện để phản kháng thái độ Nga hoàng đã vì những lí do chính trị hủy bỏ sự đặc cử của Gorki (1902). Khi khán giả vỗ tay hoan hô ông, ông đứng dậy để chào và cảm ơn, nhưng họ la lớn: "Ngồi xuống đi, ông Anton Pavlovitch! Ngồi xuống cho khỏe!"

Suốt thời gian ở Moscou, họa sĩ Bounine tối nào cũng lại chơi với ông tới ba bốn giờ sáng, nghĩa là tới khi vãn hát, Olga về tới nhà. Có đêm Bounine muốn về, ông cố giữ lại. Olga bước vô, sức nức mùi rượu và dầu thơm, hỏi chồng: "Mình vẫn chưa ngủ sao? Hại cho bệnh mình lắm đấy. À, anh Bounine vẫn còn đó? Có anh thì nhà tôi khỏi buồn rồi!"

Đầu mùa hè, bệnh nặng hơn, Tchéchov cùng đi với vợ lại trị bệnh ở Badenweiler (Đức). Họ ghé Berlin ít ngày; các y sĩ thấy tim ông đã yếu

mà phổi thì lủng hết, may lắm thì sống được sáu bảy tháng nữa. Mặc dầu vậy bà vẫn còn hi vọng. Nhưng khi rời Berlin, ông viết thư bảo người ta giao tác quyền của ông cho bà. Một người bạn hỏi tại sao, ông nhún vai đáp: "Nhu vậy, có bề gì..."

Thần chết càng tới gần thì ông càng bình tĩnh, kiên nhẫn, âu yếm. Không những vậy, ông còn tỏ ra vui vẻ, tưởng tượng một chuyện vui, kể cho vợ nghe: "Tại một thị trấn có suối nóng để trị bệnh nọ, nhiều người sang trọng lại tắm, Anh, Mĩ, ông nào cũng hồng hào, khỏe mạnh, tắm xong trở về nhà ao ước được một bữa thật ngon... nhưng người làm bếp lại bỏ đi rồi. "Bọn sung sướng quen được nuông chiều ấy bây giờ mới tính sao đây?" Olga nghe và cười, không ngờ chút gì cả. Nửa đêm ông kêu mệt, đánh thức bà dậy. Trong khách sạn, mọi người đang ngủ. Bà nhờ hai sinh viên Nga ở gần đó đi kêu bác sĩ trong khi ấy, bà đập nước đá, đắp lên tim ông. Ông gạt nhẹ nhẹ ra: "không ai đắp nước đá lên một trái tim hết máu..." Ông thở khó khăn: Y sĩ chích một mũi thuốc vượng tim. Người ta đem rượu sâm banh tới. Ông ngồi dậy nghiêm trang nói bằng tiếng Đức với y sĩ: "Tôi sắp đi" rồi ông cầm lấy li rượu quay về phía vợ, mỉm cười rất tươi: "Đã lâu lắm, anh không được uống sâm banh", ông bình tĩnh uống hết rồi lặng lẽ nằm xuống.

Đúng lúc ấy, một con bướm đen rất lớn bay vào phòng, loạng quạng đập đầu vào tường, rồi sa vào ngọn đèn, cánh bị cháy sém, sau cùng tìm được cửa sổ bay ra. Tchékhov đã tắt thở.

Trước khi đi Đức ông bảo với Bounine: "Tôi đi lần này để chết đây." Vậy là ông biết trước rồi. Có lẽ ông không muốn cho mẹ, em thấy cảnh đau lòng khi ông hấp hối chẳng?

*

Tchékhov chết rồi, Nga thua Nhật và năm sau (1905) có một cuộc cách mạng: Năm 1914 lại có đại chiến, Nga lại thua, lại sắp có một cuộc cách mạng nữa. Gorki đau, đương ở Finlande, một hôm nhớ Tchékhov viết:

"Nếu anh ấy không mất mười năm trước thì chiến tranh này cũng làm cho anh ấy chết thôi, mà chết với một lòng oán hận loài người. Tôi còn nhớ đám táng anh ấy.

Quan tài chở trong một toa sơn xanh, cửa có viết chữ: "*Sò tươi*" thật lớn. Một số người không đông ra ga tiễn biệt anh lần cuối, lắm, đi sau quan tài tướng Keller từ Mãn Châu đưa về, ngạc nhiên tại sao đám táng Tchékhov mà lại trởi nhạc nhà binh. Khi hiểu rằng mình lắm, vài người bắt đầu mỉm cười và cười hô hố. Tôi nhớ nhất hai luật sư đều đi giày mới, thắt cà vạt rực rỡ y như đi hỏi vợ. Tôi đi phía sau họ, nghe thấy một người tên là Vassili A. Maklakov nói về sự thông minh của loài chó; một người nữa

tôi không biết là ai khoe biệt thự của mình đủ tiện nghi mà phong cảnh ở chung quanh lại đẹp..."

Thật đáng là đoạn kết một truyện ngắn của Tchékhov.

Đoạn kết này của truyện ngắn "Bữa tiệc" của Tchékhov là một ví dụ điển hình cho phong cách kết thúc truyện ngắn của ông. Ông không đưa ra một kết thúc rõ ràng, mà để lại cho người đọc một cảm giác mơ hồ, không chắc chắn. Điều này thể hiện rõ nét trong câu chuyện về một bữa tiệc, nơi mọi người đều cảm thấy buồn chán và cô đơn, nhưng không ai muốn rời đi. Đoạn kết này không chỉ là một ví dụ điển hình cho phong cách kết thúc truyện ngắn của ông, mà còn là một bài học cho các nhà văn trẻ về cách kết thúc một tác phẩm văn học. Ông đã cho thấy rằng, đôi khi, việc để lại một cảm giác mơ hồ, không chắc chắn, lại là cách kết thúc hay nhất cho một truyện ngắn.

Chương V

NGHỆ THUẬT CỦA TCHÉKHOV

Trước năm 1886, Tchékhov viết chỉ để kiếm tiền giúp gia đình, nên coi thường sáng tác của mình. Từ 1886, khi được Souvorine mời hợp tác và được Grigorovitch khuyên đừng viết vội nữa mà phí tài, ông mới trau dồi nghệ thuật và định năm tiêu chuẩn dưới đây về cái đẹp:

"1. Hoàn toàn khách quan; 2. Tả người và vật phải cho đúng sự thực; 3. Hết sức ngắn gọn; 4. Can đảm tạo ra cái gì độc đáo; 5. Dịu dàng, cảm động" (Thư cho Alexandre - 10-5-1886).

Mười ba năm sau ông bảo mô tả phải bình dị thì mới đẹp (đó là tiêu chuẩn thứ 6)

Hai tiêu chuẩn 1 và 2 có thể gom làm một. Tchékhov là một y sĩ, một nhà khoa học, quen nhận xét theo tinh thần khoa học và muốn áp dụng tinh thần ấy vào văn chương. Ông bảo "nhà văn cũng phải khách quan như nhà hóa học" chỉ được ngồi viết khi thấy mình lạnh như nước đá", khi nhận ra rằng "một đồng phân cũng có một

địa vị quan trọng trong cảnh mình tả", rằng "những thị dục xấu xa cũng thuộc về đời sống như những thị dục cao đẹp". Muốn vậy, nhà văn phải tập nhận xét cho sâu sắc, không lúc nào ngừng, để thành một thói quen, một bản tính thứ nhì".

Vì vậy mà "trong các truyện ngắn của Tchekhov không cái gì là không có trong đời thực. Sức mạnh ghê gớm của thiên tài ông là ông không bịa ra một điều nào hết" (Lời của Gorki). Nhận xét loài người, ông thấy ai cũng đau khổ và nhiều kẻ đê tiện bỉ ổi, không khác gì loài vật. Ông đã nhận xét một nông dân bị đâm lòi ruột bằng một cái chĩa, một người đàn bà nhúng nước sôi đứa con của một tình địch, một con gái cha mẹ nó để nó sống dơ dáy tới nỗi đòi lúc nhúc trong tai. Và ông ghi: "Sống ở nhà, trong cảnh yên ổn, chúng ta thấy đời sống bình thường; nhưng chỉ cần ra ngoài đường hỏi các mẹ đàn bà chẳng hạn là thấy đời sống thật ghê tởm."

Trong phần tuyển dịch, tôi sẽ giới thiệu với độc giả truyện *Bị dày* và truyện *Người cha* để độc giả thấy một phần nhỏ những cái xấu xa trong mắt Tchekhov.

✱

Tiêu chuẩn thứ ba được ông mấy lần nhấn mạnh:

"Càng ngắn càng tốt... không cần viết cho hay bằng cần bôi bỏ những đoạn viết dở".

Lần khác ông bảo Bounine: "Tôi cho rằng khi viết xong một truyện ngắn rồi phải bỏ bỏ đoạn đầu và đoạn cuối đi; bọn viết văn chúng ta thường nói láo nhiều nhất trong hai đoạn ấy... Và phải viết cho gọn, ngắn, càng ngắn càng tốt."

Một lần nữa ông tự xét: "Thật kì cục. Tôi như mắc cái tật viết gọn. Đọc bất kì tác phẩm nào của tôi hay của người khác, tôi cũng thấy dài quá."

Tả một bà trí thức, hóm của trong một thị trấn, lúc cao hứng thì viết chơi một tiểu thuyết, Tchekhov viết như sau:

"Bác sĩ Startsev hỏi bà Tourkine:

- Bà có xuất bản những tác phẩm của bà không?

Bà Tourkine đáp:

- Không. Tôi chẳng xuất bản gì cả. Tôi viết xong rồi cất bản thảo trong tủ. Xuất bản làm gì kia chứ? *Chúng mình giàu có rồi mà.*"

Tả một thiếu nữ quê mùa, tin dị đoan tên là Natacha, ông cho nàng bận một chiếc áo đỏ rực rỡ, thắt một dây lưng xanh lá cây. Một thiếu nữ khác lịch sự, có óc nghệ thuật, khuyên đừng nên thắt dây lưng màu xanh đỏ, thì Natacha hỏi lại: "*Màu đỏ phải là một điềm gở không?*"

Ông chỉ muốn gợi thôi rồi để độc giả tự ý thêm ý kiến, cảm tưởng của họ vào. Tả một nhóm sĩ quan, ông chỉ giới thiệu mỗi người bằng một câu. Một chi tiết nhỏ cũng đủ gợi một cảnh

trắng: "trên cái đập của nhà máy xay bột, một mảnh ve chai lấp lánh như một ngôi sao nhỏ."

Mặc dầu vậy, cũng có chỗ ông phải dùng những đoạn tả cảnh khá dài; và ông ghi tất cả những màu sắc, thanh âm, hương thơm: "Dưới ánh trăng, những cây bồ đề lớn (tillicul) chiếu bóng vào nhà, thành thử các cửa chìm trong bóng tối. Từ những cửa ấy phát ra tiếng thì thầm, tiếng ngậm cười của phụ nữ; và có tiếng đờn Balalaika rất nhỏ, rất nhỏ của một người nào đó. Phảng phất có hương bồ đề và hương dẻ gai (faine)".

*

Tiêu chuẩn thứ tư là độc đáo.

Tchékhov xuất hiện trên văn đàn Nga vào thời mà bút pháp của Tourgueniev⁽¹⁾ rất được nhiều người thưởng thức. Ông cho rằng lời văn bóng bẩy, hơi thiếu sinh khí của Tourgueniev đã lỗi thời, rằng lối tả cảnh thiên nhiên của Tourgueniev đẹp thì có đẹp, nhưng hơi nhàm. Và ông muốn tìm một bút pháp khác gọn hơn (như trên chúng tôi đã xét), mạnh hơn, tự nhiên hơn (coi đoạn dưới). Về điểm ấy Tolstoi nhận xét rất đúng:

"Về phương diện nghệ thuật, Tchékhov khác hẳn các văn sĩ Nga trước ông như Tourgueniev, Dostoievski hoặc chính tôi. Như các nhà trong phái ấn tượng, văn ông có một hình thức riêng.

(1) Coi cuốn *Tourgueniev* của tôi cũng trong loại sách này.

Người ta thấy ông có vẻ như lơ đãng gặp được màu nào cũng quệt đại xuống tấm vải và người ta tưởng rằng những vết sơn đó chẳng liên quan gì với nhau cả. Nhưng đứng xa mà ngó thì ấn tượng thật lạ lùng: bức tranh thật rục rỡ, gọi cảm".

Tchékhov đọc đáo cả về đề tài, truyện nào cũng gần như không có truyện: Điểm này chúng tôi sẽ xét kĩ hơn ở đoạn về tiêu chuẩn thứ sáu.

Độc đáo nhất là kịch của ông: không có hoặc có rất ít những xen gay cấn, nhân vật toàn là hạng người thường như chúng ta, sống một cuộc đời buồn chán, dờ dang trong một xã hội sắp sụp đổ; những kẻ tốt thì thất bại như Vania, Sonia trong kịch *Chú Vania*, những kẻ xấu lại thành công, nội tâm của họ được tả nhiều hơn hành động; những chỗ im lặng trong kịch lại có nhiều ý nghĩa hơn những đoạn đối thoại, mà đối thoại thì rất tự nhiên: ông không đặt và giải quyết một vấn đề nào cả, chính vì vậy mà Tolstoi chê kịch ông, nhưng Gorki lại rất thích. Nếu đào kép diễn khéo, nhạc đệm êm đềm mà thích hợp thì kịch gây được một cảm tưởng dịu dàng, nên thơ mà rất buồn.

Trong cuốn này chúng tôi chỉ tuyển một số truyện ngắn của Tchékhov, không thể dịch trọn một kịch nào cả, nên ở đây tôi xin giới thiệu một đoạn ngắn trong kịch *Chú Vania* mà Gorki và André Maurois bảo không lần nào coi diễn mà không khóc. Sonia là một thiếu nữ tốt bụng

nhưng xấu xí nên bị hắt hủi, thất tình, Vania cũng đau khổ vì tình yêu đặt không đúng chỗ.

"Voinitski (tức Vania) vuốt tóc Sonia, nói: Chú đau khổ quá, cháu ơi. A, nếu cháu biết được chú đau khổ ra sao!

Sonia - Làm sao được, đau khổ gì thì cũng phải rán mà sống (Ngừng một chút). Chú Vania, chú cháu mình sẽ sống một chuỗi ngày và đêm dài, dài mãi; chúng mình sẽ kiên nhẫn chịu những nỗi gian nan của số phận, chúng mình sẽ làm việc chỉ để giúp người khác thôi, làm từ hôm nay cho tới khi già, không lúc nào ngừng, và khi Chúa không cho sống nữa thì chúng mình sẽ thuận mệnh, thản nhiên chết, và ở thế giới bên kia chúng mình sẽ kể rằng chúng mình đã đau khổ, đã khóc lóc, đã bị nhiều nỗi chua chát, và Chúa sẽ thương chú cháu mình... Chú ạ, chú cháu mình, cả hai chú cháu mình, chú ạ, sẽ được thấy một đời rực rỡ, đẹp đẽ, êm ái, và chúng mình sẽ vui, sẽ mỉm cười cảm động mà nghĩ đến nỗi khổ hiện nay - và chú cháu mình sẽ nghỉ ngơi. Cháu tin như vậy chú ạ, nhiệt liệt tin... (Nàng quì xuống trước mặt Vania, gục đầu vào hai bàn tay Vania; giọng mệt mỏi). Chú cháu mình sẽ nghỉ ngơi.

(Có tiếng đàn guitare nho nhỏ của Télégúine)

Sonia - Chúng mình sẽ nghỉ ngơi! Chúng mình sẽ nghe thiên thần ca hát, chúng mình sẽ nhìn thấy tất cả những đau khổ trên cõi trần

của chúng mình chìm trong lòng thương xót nó sẽ tràn ngập vũ trụ, và đời sống sẽ êm đềm, dịu dàng, dễ chịu như vuốt ve: Cháu tin như vậy, tin như vậy... (*Nàng lấy khăn mùi xoa chùi nước mắt cho Vania*) Trong đời chú, chú không được hưởng vui, nhưng xin chú chịu khó kiên nhẫn một chút, kiên nhẫn... Chú cháu mình sẽ nghỉ ngơi... (*Nàng quàng tay ôm Vania*) Chú cháu mình sẽ nghỉ ngơi.

(Người phu tuần gõ mấy tiếng trống - Có tiếng đàn guitare nho nhỏ của Télégaine)

Những chỗ lặng thinh ngập ngừng, thút thít trong đoạn trên làm cho khán giả cảm động nhất. Và thông thường, khi màn hạ rồi, khán giả bàng hoàng, ngồi yên không nhúc nhích, rạp hát thực lặng lẽ, rồi thỉnh thoảng cùng vỗ tay một loạt như nước vỡ bờ.

*

Tiêu chuẩn thứ năm là dịu dàng, cảm động. Những kịch chính của Tchekhov đều có những đoạn cảm động như đoạn trên. Mà đa số truyện ngắn của ông, ngay cả truyện tương đối dài *Đồng cỏ hoang* cũng vậy.

Khi Tchekhov còn sống, nhiều nhà phê bình Nga đã so sánh ông với tiểu thuyết gia Pháp Guy de Maupassant, tưởng như vậy là làm vui lòng ông. Maupassant rất có tài nhận xét miêu tả và kể chuyện; chính Maugham cũng trọng Maupassant ngang với Tchekhov, coi cả hai nhà

là bức thầy về truyện ngắn. Nhưng nghệ thuật của hai nhà khác nhau.

Edmond Jaloux đã nhận xét rất đáng rằng những truyện hay nhất của Maupassant cũng có một chút khuyết điểm vì hơi bi đát hóa, nét đậm quá, nhằm tạo một ấn tượng mạnh cho độc giả, nên kém tự nhiên; điển hình là truyện *Boule de suif* mà tôi đã dịch trong cuốn *Mua*.⁽¹⁾ Bút pháp của Maupassant, Mérimée và nhiều nhà khác nữa là làm nổi bật một biến cố, một tính tình, một dục vọng. Bao nhiêu chi tiết đều dọi cả vào một khía cạnh ấy, còn những khía cạnh khác đều gạt ra ngoài. Chẳng hạn nhân vật trong truyện *Chiếc dây chuyền* của Maupassant (cũng trong tập *Mua*) chỉ là một thiếu phụ hay làm đom; Falcone, một nhân vật của Mérimée, chỉ là một người Corse biết tự trọng, ngoài ra truyện không cho ta biết thêm gì khác.

Tchékhov trái lại, tả nhiều khía cạnh của tâm hồn mỗi nhân vật, ghi nhiều chi tiết phụ hơn, chú trọng đến đời sống nội tâm hơn. Như bọn ăn cắp ngựa trong truyện *Ăn cắp* có cá tính phức tạp, sâu sắc, do đó đúng sự thực hơn. Hoặc như truyện *Sợ* (coi phần tuyển dịch), tâm lí ba nhân vật thật tế nhị: Dmitri người chồng thiết tha yêu vợ mà không được vợ yêu lại; Marie người vợ không yêu chồng nhưng rán giữ lời hứa

(1) Xuất bản trước năm 1975, Sài Gòn.

thủy chung với chồng, rốt cuộc cũng không tránh được tội lỗi, yêu đắm đuối một người bạn của chồng mà người này chỉ muốn mối tình của nàng "xẹt qua trong đời mình như một ngôi sao đổi ngôi thôi". Kẻ yêu thì thờ ơ, mà kẻ thờ ơ thì bị đeo đuổi. Đời sống có những cái vô lí không sao hiểu nổi, đáng sợ. Tại sao cặp vợ chồng ấy lại phải khổ sở, cay đắng, dở dang như vậy? Nỗi sợ tưởng như vô lí của Dmitri được Tchékhov tả rất khéo: chàng linh cảm rằng tai nạn sẽ xảy ra, cố tránh mà không được; lời tâm sự chàng thổ lộ với bạn thật chua xót, như một lời năn nỉ. Tâm lí của Marie cũng đặc biệt: yêu bạn chồng hơn một năm mà không dám lộ ra, thấy bạn chồng không hiểu nỗi lòng mình thì bực tức, vùng vằng. Còn người bạn biết ngượng về mối tình đó, nên do dự mãi, sau cùng nhân một cảnh trăng mà sa ngã, gây hại cho cả ba.

Maupassant luôn luôn bi quan (về cuối đời ông ta hóa điên), Tchékhov trái lại có lúc lạc quan ở chỗ ông tin ở sự tiến bộ, ở tương lai: vài nhân vật trong truyện ông tuyên bố rằng "trong hai, ba trăm năm nữa, đời sống sẽ tuyệt hảo". Một phần vì lí do ấy mà hiện nay ông được đề cao ở Nga Xô.

Nhưng đại đa số những truyện ông viết sau năm 1886 đều buồn. Những nhân vật của Maupassant đau khổ vì họ nghèo, già hoặc đau yếu, nghĩa là vì những nguyên nhân ngoại lệ; nhân vật của Tchékhov khác hẳn, buồn nhiều hơn là

đau khổ. Chính Tchékhov cũng mang nặng cái buồn thiên cổ, buồn vì thấy cuộc sống không ý nghĩa gì cả. (Mãi tới gần cuối đời ông mới vui một chút).

Một người đàn bà yêu ông, hỏi ông:

- Đâu là ý nghĩa của đời sống?

Ông mệt mỏi đáp:

- Em hỏi anh ý nghĩa của đời sống ư? Thì cũng không khác gì em hỏi anh: củ cà rốt là cái gì? Củ cà rốt là củ cà rốt, thế thôi.

Một nhân vật trong kịch *Ba chị em*, Tousembach, cũng nói:

"- Trong một triệu năm nữa, đời sống cũng vẫn vậy: nó không thay đổi, nó cứ bất di bất dịch; nó theo những luật riêng của nó mà chúng ta chẳng làm gì được hoặc ít nhất là không sao biết được. Các con chim, con cò chẳng hạn, bay và bay, và trong đầu chúng có nghĩ vơ vẩn gì không thì chúng cũng cứ tiếp tục bay mà không biết tại sao lại phải bay và bay về đâu. Chúng bay và sẽ bay hoài nữa, dù có con biết suy diễn triết lí này triết lí nọ; cứ để cho những con vật tha hồ làm triết lí, miễn là chúng bay.

Macha: Nhưng dù sao thì cũng có một ý nghĩa chứ?

Tousembach: Một ý nghĩa... Coi tuyết rơi kìa, có ý nghĩa gì không?"

Đại khái truyện của Tchékhov gây cho chúng ta nỗi buồn như vậy. Cho nên Gorki đã bảo ông:

"Nhờ các truyện ngắn của anh mà anh làm được một công việc rất lớn lao: anh gọi cho độc giả thêm cuộc sống thêm thiếp, hấp hối này".

Giọng văn rất du dương của ông cũng là một yếu tố giúp cho truyện thêm êm đềm, rất cảm động. Các nhà phê bình Nga khen văn của ông như thơ, là thơ. Ông rất trọng nhạc, viết xong rồi thường đọc lại, sửa cho văn có nhạc, nên nhiều câu có thể ngâm được, hát được. Ông rất ưa kĩ thuật "ba vế nhỏ" như: "Ở thế giới bên kia, chúng mình đã kể rằng chúng mình đã đau khổ, đã khóc lóc, đã khóc nhiều nỗi chua chát... Nàng có vẻ đẹp hơn, trẻ hơn, dịu dàng hơn... Chúng ta nói với Cléopâtre, với người cháu gái của nàng về nỗi buồn của cuộc đời". Thuật ấy có lẽ do thời nhỏ ông hát ở giáo đường những bài có ba âm điệu trong các lễ truy điệu.

✱

Sau cùng đặc điểm nổi bật nhất trong câu truyện của Tchekhov là rất giản dị. Từ đề tài tới lời văn. Càng về sau Tchekhov càng chủ trương phải dùng những tiếng bình dị như lời nói thường ngày, nhất thiết tránh cái thói "đại ngôn", tránh dùng những tiếng như: mệnh mông, bát ngát, rực rỡ, diễm lệ... mà cứ viết là rộng, sáng. Mặt trời lặn thì cứ nói là lặn, trăng lên thì cứ nói là trăng lên, dùng mất công kiếm những hình ảnh cho thật mới mẻ. Ông cho rằng

cái gì mới là cái đó mau cũ nhất. Và một hôm ông bảo Bounine:

- Tả biển là một việc rất khó. Tôi mới đọc trong tập vở một học sinh. Em ấy tả biển ra sao anh biết không? "Biển lớn". Thế thôi. Tôi cho tả như vậy là hay.

Nhất là đề tài, Tchekhov chỉ lựa những truyện không có truyện, nghĩa là ông lựa việc khó nhất để làm - đây mới chính là nét độc đáo nhất của ông.

Đề tài luôn luôn bình dị, toàn là những chuyện xảy ra hàng ngày bất cứ ở đâu. Truyện *Đặc phái* kể lại một đêm thức trong một cái chòi, bên cạnh thấy một kẻ tự tử, rồi qua ngủ một phòng ấm áp, đủ tiện nghi trong khi đông tuyết thổi ở ngoài. Người đọc tưởng như đứng giữa hai cái cửa: một cửa thì vào một thế giới vui vẻ, vô tư, một cửa trông ra một vũ trụ ghê rợn, bẩn thỉu. Không khen không chê. Chỉ có vậy thôi. Và như vậy mới chính sự thực.

Vagnka, truyện một em trai chín tuổi học việc ở nhà một người thợ đóng giày viết thư cho ông nội ở làng, kể một ngày làm ở tiệm và xin ông nội cho về nhà. Em không bị hành hạ gì quá mức, cũng chỉ như hầu hết các đứa ở khác thôi, nhưng có lẽ vì vậy mà thư cảm động.

Cảm động nhất là truyện một chú xà ích mới mất người con trai, kể nỗi lòng của mình cho các người đi xa, nhưng chẳng ai buồn nghe,

sau cùng phải kể với con ngựa. Chẳng có tình tiết, sự việc gì cả mà thật náo lòng (*Rầu rĩ*).

Một giáo sư biết rằng mình bị một bệnh không sao trị được, chép nhật kí mấy tháng cuối cùng trong đời (*Một truyện vô vị*). Cái hay của truyện là sự tương phản giữa cái bi thảm của sự chết nó tới sát bên rồi và cái vô vị của những hành động cuối cùng của con bệnh.

Một đề tài khác: Một người bị xe lửa cán đứt một ống chân mà lo lắng không biết số tiền 21 đồng giấu trong ống giày chân đó còn hay mất.

Một nhóm sĩ quan tập trận được mời dự tiệc trong một ngôi nhà có nhiều phụ nữ. Trong bóng tối, một người trong số phụ nữ ấy hôn lầm một sĩ quan, sĩ quan này cố tìm xem phụ nữ ấy là ai mà không được (*Chiếc hôn*).

Từ Tolstoi tới Maugham, Maurois, các tiểu thuyết gia, phê bình gia đều phục Tchekhov ở điểm kể những truyện không có truyện như vậy mà làm cho người đọc xúc động. Muốn tìm một nhà văn Việt Nam để so sánh với Tchekhov tôi nghĩ có lẽ Thạch Lam gần giống ông hơn cả: cũng những đề tài giản dị, cũng giọng văn dịu dàng, cũng những nét tế nhị, cũng cái không khí buồn buồn trong truyện; mà Thạch Lam cũng chết yểu như Tchekhov (Thạch Lam chết năm 33 tuổi, Tchekhov năm 44 tuổi) và cũng chết vì bệnh lao. Số phận con người cũng hiện trong văn chẳng?

Phần II

TRUYỆN NGẮN TUYỂN VÀ DỊCH

Tchékhov viết được khoảng bốn trăm truyện ngắn, nhưng nhiều truyện viết trước năm 1886, không được ông giữ lại.

Chúng tôi kiểm được ba bản tuyển và dịch ra tiếng Pháp:

- Bản J'ai lu (1963) gồm 12 truyện ngắn không kể 2 kịch: Chú Vania, Ba chị em, và một truyện dài Đồng cỏ hoang.

- Bản Marabout (1964) gồm 20 truyện ngắn.

- Bản Albin Michel (1954) gồm 20 truyện ngắn lựa cho thanh niên đọc.

Trong số non 50 truyện ấy (vì có một số truyện trùng) chúng tôi đã lựa lại 9 truyện theo những qui tắc dưới đây:

1. Vì phải hạn chế số trang nên chúng tôi đành bỏ những truyện hơi dài, như truyện Phòng số 6 (khoảng sáu chục trang) mặc dầu truyện hay và ghi được một giai đoạn trong tiến triển tư tưởng của Tchekhov (coi phần giới thiệu ở trên).

2. Giới thiệu được càng nhiều khía cạnh nghệ thuật của Tchekhov càng tốt, vì vậy, chúng tôi đã lựa một truyện dí dỏm, châm biếm nhẹ nhàng

(Chiếc chong chóng), một truyện về trẻ em, viết cho trẻ em (Bức thư), một truyện hoàn toàn là hồi kí (Đẹp), một truyện hoàn toàn tưởng tượng và có tính cách triết lí (Đánh cuộc), một truyện lãng mạn nhẹ nhàng (Cái hôn), một truyện tâm lí hơi phức tạp (Sợ) v.v...

3. Không dịch lại những truyện đã có người dịch rồi như truyện Rầu rĩ, rất cảm động ông Trần Phong Giao đã dịch trong tạp chí Văn Sài Gòn số 53 ngày 1.3.1966 nhan đề là Nát lòng. Độc giả nên kiếm truyện ấy mà đọc và có thể đọc thêm ba truyện khác cũng trong số Văn ấy: Những trái dâu, Vào thu, Cây hồ cầm.



Khi biết tôi viết về Tchékhov, ông bạn thân, Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm cũng là người ngưỡng mộ Tchékhov, cho tôi mượn nhiều tài liệu, lại cho hay đã dịch từ lâu năm sáu truyện ngắn của Tchékhov mà chưa in. Ông đã vui lòng cho tôi dùng hai truyện: Chiếc chong chóng và Đánh cuộc. Tôi xin ghi ơn ông.

TÙI NHỤC

*K*hi Tchékhov chết rồi, Gorki nhớ bạn, viết: "một vĩ nhân thông minh, chú ý tới mọi vật, đã đi ngang qua đám đông ử rữ, bất lực ấy. Ông đã nhận xét tất cả các đồng bào tham lam của ông và bằng một giọng vô tư, với một nụ cười rầu rầu, trách móc nhẹ nhàng mà sâu sắc, với một niềm thất vọng trên nét mặt và trong trái tim, ông bảo họ: Chư vị sống xấu xa quá".

Trong truyện này và hai truyện sau: Người cha, Chiếc chong chóng, chúng ta được biết vài nét về xã hội xấu xa của Nga thời đó.



Xưa kia, khi nàng còn trẻ đẹp, giọng tốt hơn bây giờ thì Nicolai Petrovitch Kolpakov mê nàng và ngày đêm sống tại nhà nàng ở thôn quê.

Hôm nay trời rất nóng và âm u. Kolpakov mới ăn xong, vì đã uống cả một chai rượu porto hạng dở, nên thấy khó chịu, bực mình. Nàng và chàng buồn chán, đợi trời bớt nóng để đi dạo mát. Thành linh có ai nhấn chuông. Kolpakov chỉ mặc chiếc sơ mi và đi giày băng - túp, giật mình, chăm chú ngó Pacha⁽¹⁾.

(1) Tên ca nữ - Chính là Prascovia, gọi tắt như vậy.

Nàng bảo:

- Chắc là chú đưa thư hoặc một chị bạn.

Chú đưa thư hay bạn gái của Pacha thì Kolpakov coi thường, có thể tự nhiên được; nhưng lần này chàng quơ vội y phục, lánh mặt qua phòng bên. Pacha chạy ra mở cửa.

Nàng rất ngạc nhiên thấy ở bậc cửa không phải chú đưa thư hay một chị bạn, mà một bà không quen, trẻ, đẹp, ăn mặc lịch sự, ra vẻ đàng hoàng lắm. Mặt tái mét, bà ta hồn hển như mới leo một cầu thang dài.

Pacha hỏi:

- Bà có chuyện gì?

Bà ta không trả lời ngay, tiến vô vài bước, ngó kĩ khắp một lượt rồi ngồi xuống như thể mệt hay đau, đứng không nổi. Rồi bà mấp máy môi một lát, gắng sức muốn nói điều gì. Sau cùng bà ngược cặp mắt lớn, đỏ vì khóc nhiều lên nhìn Pacha, bảo:

- chồng tôi hiện ở đây!

Pacha lầm bầm:

- chồng nào?

Rồi bỗng nhiên nàng hoảng sợ tới nỗi tay chân lạnh ngắt. Nàng lặp lại, giọng run run:

- chồng nào?

- chồng tôi... Nicolas Petrovitch Kolpakov.

- Khô... Không, thưa bà... Tôi... tôi không biết một ông chồng nào cả.

Hai người làm thình trợn một phút. Bà lạ mặt mấy lần đưa mũi xoa lên chùi cặp môi lợt lạt, và nín thở cho khỏi run run. Pacha đứng tro tro trước mặt bà ta, nhìn bà ta trân trân, sợ sệt, không biết tính sao.

Bà lạ mặt mỉm cười kì dị, giọng dã cương quyết hơn, hỏi:

- Vậy cô bảo chồng tôi không có ở đây ư?

- Tôi... tôi không biết bà muốn hỏi ai.

Bà lạ mặt vừa cảm hận vừa ghê tởm ngó Pacha, bảo:

- Cô thật xấu xa, hèn nhát, khả ố... Phải, phải... cô thật xấu xa! Tôi nói thẳng với cô như vậy mà không ân hận đâu.

Pacha cảm thấy mình gây cho bà mặc áo đen, mặt có vẻ giận dữ, ngón tay búp măng trắng muốt ấy một ấn tượng ghê tởm về mình, rồi xấu hổ rằng mình có cặp má phính bôi đỏ, chiếc mũi đỏ lấm tẩm vì bệnh đậu, mớ tóc lò xo trên trán, không sao lật ra phía sau được. Nàng nghĩ nếu thân mình mảnh mai hơn, mặt không trát phấn, tóc vấn một cách khác thì không ai biết mình là con người không lương thiện; như vậy đứng trước bà lạ mặt bí mật này, đỡ sợ, đỡ xấu hổ hơn.

Bà kia hỏi tiếp:

- Chồng tôi đâu?... Mà anh ấy ở đây hay ở nơi khác thì cũng vậy... Tôi chỉ cần cho cô hay rằng người ta đã phát giác một vụ gian lận trong

sổ sách và người ta đương lòng bắt Nicolas Petrovitch. Vụ đó, do cô gây ra hết!

Bà lạ mặt đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng, tâm hồn rối loạn. Pacha sợ hãi ngó bà ta mà không hiểu gì cả.

- Ngay hôm nay người ta kiếm bắt anh ấy - bà ấy khóc ầm ức, tức giận - Tôi biết kẻ nào đã lôi kéo anh ấy vào cái vụ ê chệ này. Đồ đàn bà xấu xa, khả ố, ghê tởm, hèn hạ!... (Môi bà ta mím chặt, mũi cau lại). Tôi yếu ớt. Này nghe tôi, con người đê tiện kia!... Tôi yếu ớt, cô mạnh hơn tôi, nhưng sẽ có người bênh vực tôi và các con tôi. Chúa không gì không trông thấy! Ngài công bằng! Mỗi giọt lệ của tôi, mỗi đêm không ngủ của tôi, Ngài sẽ bắt cô phải trả đủ! Một ngày kia cô sẽ nhớ tới tôi!...

Phòng lại im lặng. Bà lạ mặt vắn tay, đi đi lại lại; Pacha vẫn thộn mặt ra ngó bà ta, hoang mang, đợi một sự ghê gớm xảy ra. Nàng lấp bắp:

- Tôi không biết gì hết, thưa bà.

Rồi thỉnh lình nàng òa lên khóc.

Bà kia, mắt long lanh, giận dữ ngó nàng, la lớn:

- Cô nói dối. Tôi biết hết rồi! Tôi biết cô từ lâu. Tôi biết rằng cả tháng nay, ngày nào chồng tôi cũng lại đây.

- Phải, nhưng điều đó chứng tỏ gì đâu? Tôi tiếp nhiều người lắm, nhưng tôi không ép buộc ai ở lại đây, ai cũng tự do mà.

- Tôi bảo cô rằng người ta khám phá ra một vụ thụt két. Anh ấy lấy tiền két mà tiêu. Cho một người đàn bà... như cô... vì cô mà anh ấy phạm tội! Bà ta đứng lại trước mặt ca nữ, giọng quả quyết: Này, cô chẳng có lẽ nghĩa, liêm sỉ gì hết; cô sống chỉ để làm điều ác thôi, mục đích đời cô như vậy; nhưng không ai ngờ được rằng cô lại sa đọa tới cái mức không còn chút tình người nữa! Anh Nicolas Petrovitch có vợ, có con... Nếu anh ấy bị xử tội, bị đuổi thì mẹ con tôi sẽ chết đói... Cô hiểu vậy cho! Và có một cách cứu anh ấy, cứu gia đình tôi khỏi bị nghèo khổ, nhục nhã. Nếu hôm nay tôi nộp được chín trăm đồng rúp thì người ta để yên anh. Chỉ chín trăm đồng thôi!

Pacha nhỏ nhẹ hỏi:

- Bà nói chín trăm đồng nào? Tôi... Tôi không biết. Tôi có lấy chín trăm đồng nào đâu...

- Tôi không đòi cô chín trăm đồng... Cô không có tiền và tôi không cần tiền của cô. Tôi đòi cái khác... Đàn ông thường tặng đồ trang sức cho hạng đàn bà như cô. Cô chỉ trả cho tôi những món mà nhà tôi tặng cho cô thôi!

Pacha bắt đầu hiểu rồi, cất tiếng the the đáp:

- Thưa bà, ông ấy không bao giờ cho tôi một món nào hết!

- Thế thì tiền đi đâu? Anh ấy tiêu tiền của anh, của tôi, của người khác... Tất cả những tiền

ấy đi đâu hết?... Xin cô nghe tôi này! Tôi đã không nén được giận, thốt ra những lời bất nhã với cô, tôi xin lỗi. Chắc cô ghét tôi lắm, tôi biết vậy, nhưng nếu cô còn chút lòng thương người thì xin tự đặt vào địa vị tôi! Tôi van cô đấy, trả tôi những đồ trang sức đi!

Pacha nhún vai:

- Hừ, tôi sẵn sàng lắm, nhưng có Chúa chúng giám, ông chồng của bà có bao giờ cho tôi một món nào đâu. Bà tin lời tôi đi. À, bà nói đúng đấy - nàng hóa luống cuống - có, có một lần ông ấy cho tôi hai vật nhỏ, để tôi trả lại bà...

Pacha mở một cái hộp ở bàn trang điểm, lấy ra một chiếc vòng vàng và một chiếc nhẫn mỏng nhận hồng ngọc, chìa cho bà khách:

- Đây, xin bà cầm lấy!

Bà kia thấy bị xúc phạm, mặt đỏ bừng lên, run run:

- Cô đưa tôi những đồ gì đó? Tôi có xin của bố thí đâu, tôi chỉ đòi cô cái gì không phải của cô... cái gì mà cô đã rút rĩa của chồng tôi.. Con người nhu nhược, khốn khổ đó... Cô lợi dụng tình thế của cô... Hôm thứ năm tôi thấy cô đi với chồng tôi ở bến tàu, đeo những vòng và trâm đất tiền kia mà. Tại sao cô lại coi tôi là con cừ non ngây thơ mà định gạt tôi như vậy? Tôi xin hỏi cô lần chót này: cô có trả tôi những đồ trang sức hay không?

Pacha bắt đầu nổi giận, bảo:

- Bà này kì cục thật chứ!... Tôi đã bảo tôi không nhận được một món gì của chồng bà ngoài chiếc vòng và chiếc nhẫn nhỏ này. Ông ấy chỉ đem cho tôi bánh ngọt thôi.

Bà khách cười ngạo:

- Bánh ngọt!... Ở nhà tụi trẻ không có gì ăn, mà ở đây có bánh ngọt!... Cô nhất định không chịu trả tôi các đồ trang sức phải không?

Pacha không đáp, bà ta ngồi xuống, ngó dăm dăm phía trước ra vẻ suy tư, rồi lẩm bầm:

- Biết làm gì bây giờ? Nếu mình không kiếm được chín trăm đồng thì nguy cho ảnh, cho mình, cho các con nữa. Giết con khốn nạn này đi, hay quì xuống năn nỉ nó?...

Bà ta lấy khăn mùi xoa che mặt, khóc rung rúc, bảo:

- Tôi van cô. Cô đã làm hại chồng tôi, bây giờ xin cô cứu ảnh!... Cô không thương hại ảnh thì xin cô thương bầy nhỏ... bầy nhỏ!... Chúng có tội tình gì đâu?

Pacha tưởng tượng bọn trẻ lang thang ngoài đường, khóc lóc vì đói, và nằng thút thít:

- Thưa bà, tôi có thể làm gì được bây giờ? Bà bảo tôi là một con khốn nạn đã làm hại anh Nicolas Petrovitch; và tôi thưa với bà, như trước mặt Chúa vậy... tôi thưa với bà rằng tôi chẳng được ảnh giúp gì cả..., Trong bọn chúng tôi, chỉ có chị Motia là có tình nhân giàu; còn hết thấy may lắm là khỏi đói. Tôi tiếp anh Nicolas vì ảnh

là người có học, nhã nhặn. Chúng tôi không thể không tiếp những người đàn ông tới đây được.

- Tôi đòi những món trang sức! Cô trả cho tôi đi! Tôi khóc lóc... Tôi chịu tự hạ mình... Cô muốn tôi quì xuống van lạy cô không? Cô muốn không?

Pacha hoảng hốt đưa tay ra ngoài. Nàng cảm thấy người đàn bà xinh đẹp mà xanh xao, ăn nói thanh nhã như trên sân khấu ấy, rất có thể vì cao quý, tự tôn mà quì xuống trước mặt nàng thật để hạ mình xuống, nàng hạng ca nữ, và làm cho bà càng cao quý hơn lên.

Pacha chùi mắt vội nói:

- Được, tôi sẽ đưa những đồ trang sức cho bà. Bà cứ việc cầm lấy! Có điều là những món ấy không phải của anh Nicolas Petrovitch mà của người khác tặng tôi... Nếu bà nhất định...

Pacha kéo hộp thứ nhất của chiếc tủ com-mốt ra, lấy một cây trâm nhận kim cương, một chuỗi san hô, vài cái nhẫn, một chiếc vòng rồi đưa cho bà khách:

- Nếu bà muốn thì bà cầm lấy những món này đi, nhưng tôi chẳng rút rĩa được của chồng bà chút gì đâu - Bực mình vì bà kia dọa quì xuống, nàng nói tiếp: Bà cầm lấy, đem về mà làm giàu. Nhưng nếu bà cao quý... nếu bà là vợ chính thức của ông thì bà phải giữ lấy chồng bà chứ. Tôi không dụ dỗ ông lại đây mà, tự ông tới...

Bà khách nhìn qua làn nước mắt những món Pacha đưa cho, bảo:

- Chưa hết... chỗ đó chưa được năm trăm đồng.

Pacha vội vàng lấy trong tủ ra một chiếc đồng hồ bằng vàng, một cái ống cắm xì gà và mấy cái khuy măng-sét rồi dang hai tay, bảo:

- Không còn gì hết... Bà lục mà coi!

Bà khách thở dài, tay run run gói các món ấy trong chiếc mùi xoa rồi không nói một tiếng, cũng không gật đầu, lặng lẽ bước ra.

*

Cửa phòng bên cạnh mở ra và Kolpakov bước vô. Mặt ông ta tái mét, ông lắc đầu lia lịa như mới uống phải thứ gì đắng lắm, mắt rung rung. Pacha chạy tới gần, hỏi:

- Ông đã cho tôi những đồ trang sức nào? Cho hồi nào? Ông cho phép tôi hỏi ông vậy.

Kolpakov lắc đầu:

- Đồ trang sức... không nói tới cái đó! Chúa ơi, nàng đã khóc trước mặt này, nàng đã tự hạ mình...

Pacha la lớn:

- Tôi hỏi ông, ông đã cho tôi những đồ trang sức nào?

- Chúa ơi, nàng, một người đàn bà lương thiện, tự ái, trong sạch, mà muốn quì xuống trước... trước mặt con diêm này!... Và tôi đã bắt buộc nàng như vậy! Tôi đã khiến cho nàng phải làm như vậy!

Ông ta đưa hai tay lên đầu, khổ sở:

- Không, không khi nào tao tha thứ điều đó. Lùi ra, con khốn nạn kia! - Ông ta ghê tởm la lớn như vậy, lùi lại, tay run run đẩy Pacha ra - ... Nàng muốn quì xuống... mà trước mặt ai? Trước mặt mày! Chúa ơi!

Ông ta vội vàng mặc áo, ghê tởm tránh xa Pacha, bước ra cửa, đi về.

Pacha nằm trên giường, khóc òa lên. Nàng tiếc những đồ tư trang đã đại dột cho mà chẳng suy nghĩ gì cả, nàng cảm thấy bị lãng nhục. Nàng nhớ lại ba năm trước, một thương gia đã vô cớ đánh đập nàng; và nàng lại khóc lớn hơn nữa.

(Dịch theo bản *Marabout*)

NGƯỜI CHA

*N*gười cha trong truyện này không phải là thân phụ của Tchékhov vì Paul Egorovitch tuy nghiêm khắc gần như tới mức tàn bạo, rồi sau làm ăn thất bại, trút hết gánh nặng gia đình cho Tchékhov, nhưng không bao giờ trụy lạc và luôn luôn giữ được chút nhân cách.

Tuy nhiên cái hang của ông già Moussatov trong truyện làm ta nhớ tới ổ chuột của gia đình Tchékhov những năm đầu ở Moscou, mà tính tình của Borenka, người con cũng giống tính tình Anton: suốt đời không thoát ra một lời nào trách cha, cứ làm thinh, nhẫn nhục chịu đựng hết mà sống trong cảnh cô độc.

*

- Ba thú thực đã làm một chầu rồi... Xin lỗi con nhé, đi ngang quán rượu, ba đã vô rồi vì trời nóng quá. Ba đã nốc hai chai lave. Nóng quá chừng!

Ông già Moussatov móc trong túi ra một thứ giẻ rách, chùi mặt đã cạo nhẵn và đầy những nếp nhăn sâu. Lão nói tiếp mà không ngó người con trai:

- Borenka, con quý của ba, ba ghé thăm con một phút thôi. Có một việc rất quan trọng. Xin lỗi con nhé, có lẽ ba làm phiền con chẳng... Này con, con cho ba mượn mười đồng tới thứ ba được không? Con hiểu chứ, hôm qua ba lại phải trả tiền nhà, mà tiền thì... con hiểu chứ, khi họ của cổ ba...

Người con, Borenka, làm thỉnh bước ra, nói nhỏ nhỏ điều gì sau cánh cửa với bà chủ nhà và mấy người bạn cùng muốn chung căn nhà. Ba phút sau chàng trở vô, cũng vẫn làm thỉnh, chìa tám giấy mười đồng cho ba.

Lão già không nhìn tám giấy, hững hờ nhét nó vô túi, bảo:

- Cảm ơn. Sao, hồi này con ra sao? Đã lâu rồi, cha con mình không gặp nhau.

- Vâng, đã lâu, từ lễ Phục sinh.

- Bốn năm lần ba đã tính lại thăm con nhưng không rảnh. Lần thì mắc việc này, lần thì mắc việc nọ. Bực muốn chết đi! Nhưng ba nói dối đấy!... Tất cả những cái đó toàn là nói láo hết. Đừng tin ba, Borenka. Ba bảo thứ ba, ba sẽ trả con số tiền này, con cũng đừng tin nữa. Ba có mắc việc gì đâu. Sở dĩ không tới thăm con chỉ là vì làm biếng, vì say rượu, và vì ăn mặc như vậy mà ra đường thì xấu hổ lắm. Bỏ qua cho ba đi, Borenka. Có lẽ ba đã ba lần sai một đứa con gái nhỏ lại hỏi tiền con và đã viết cho con những bức thư lâm li. Tiền, ba cảm ơn con, còn

thư từ của ba thì con đừng nên tin; ba nói lão đấy. Bóc lột con như vậy, ba cũng thấy ngượng; ba biết con phải dè xẻn lắm mới đủ tiêu, con phải sống bằng châu chấu như thánh Jean trong sa mạc, nhưng ba chúng nào tật nấy, cứ mặt dày mày dạn, trâng tráo tới mức có thể đem đầu xảo được! Thôi, bỏ qua cho ba, Borenka. Ba phải thú thực hết với con vì thấy nét mặt hiền hậu, nhân từ của con, ba không thể nhẫn nại được.

Họ làm thinh suốt một phút. Rồi lão Moussatov thở dài, hỏi:

- Con có lave không, cho ba một li.

Người con lặng lẽ bước ra; lại nghe thấy tiếng thì thầm sau cánh cửa. Một lát sau thấy người ta đem mấy chai lave vào, lão Moussatov như hồi sinh, thình lình đổi giọng:

- Này con, hôm nọ ba lại trường đua - mất lão lão liên, hốt hoảng - Ba người chung nhau mua một vé ba đồng đánh cá con Choustry. Phải cảm ơn con Choustry ấy! Một đồng mà nó cho mình lại ba mươi hai đồng. Ba không thể nhịn đi trường đua. Thích lạ lùng. "Mụ la sát" của ba cấm cản, đập ba hoài, nhưng ba vẫn đi. Ba mê cá ngựa như điên!

Boris (tức Borenka) còn trẻ, tóc vàng hoe, vẻ mặt rầu rầu, nhẹ nhàng đi đi lại lại trong phòng, bình thản nghe mà không nói một tiếng. Khi lão Moussatov đằng hắng cho trong tiếng, ngừng nói, thì chàng lại gần, bảo:

- Cách đây mấy ngày, con mua một đôi giày có cổ, mà chật quá. Ba có muốn dùng không, con để lại giá rẻ cho ba đấy.

Lão nheo mắt, gật đầu:

- Tùy ý con. Nhưng phải để ba trả theo đúng giá mua, không bớt nhen!

- Vâng, con để ba thiếu chịu.

Người con tìm ở dưới gầm giường và lấy ra một đôi giày mới. Người cha lột bỏ đôi giày không thành hình dáng gì cả, rõ ràng là mua ở tiệm đồ cũ, và thử giày mới.

- Vừa chân lắm. Được, ba giữ để đi. Thứ ba, lãnh hưu bổng, ba sẽ sai người đem tiền trả con.

- Bỗng nhiên lão lại có giọng như khóc lúc đầu: Nhưng ba nói láo đấy. Không có gì đúng cả. Toàn là láo khoét, chuyện cá ngựa cũng như chuyện hưu bổng. Mà con cũng nói gạt ba nữa Borenka... Ba nhận thấy con thực rộng rãi một cách tế nhị. Giày con đâu phải chật quá, chính lòng con rất quảng đại đấy. A, Borenka, Borenka, ba hiểu hết, ba cảm thấy hết.

Người con ngắt lời, nói qua chuyện khác:

- Ba đã dời chỗ ở?

- Phải, ba đã dời chỗ. Tháng nào ba cũng dời chỗ. Mụ la sát của ba đâu chịu ở lâu một chỗ.

- Hôm lại chỗ ở cũ của ba, con muốn mời ba lại đây ở với con. Sức khỏe của ba kém, cần ở chỗ thoáng khí.

Người cha đưa tay gạt gạt:

- Không! Con có mời thì mẹ la sát cũng không cho ba đi, chính ba cũng không muốn. Con đã ráng kéo ba lên khỏi hố thẳm và chính ba cũng đã gắng sức, nhưng chẳng đi tới đâu. Thôi bỏ đi con! Số phận của ba là phải ở trong ổ dơ dáy đó cho tới chết! Chẳng hạn lúc này ngồi đây với con, nhìn nét mặt hiền hậu, nhân từ của con mà vẫn có cái gì nó kéo ba về cái ổ của ba. Chắc là số phận. Làm sao mà dụ một con bọ hung tới gần một bông hồng được. Không. Thôi, tới lúc ba phải về rồi, con. Trời bắt đầu tối rồi.

- Ba đợi con một chút, con sẽ đưa ba về. Hôm nay con cũng có việc ra phố.

Hai cha con bận áo khoác ngoài rồi đi ra. Một lát sau, họ lên ngồi trên một chiếc xe ngựa cho thuê thì trời đã tối, các cửa sổ đã lấp lánh ánh đèn.

Người cha lầm bầm:

- Ba đã bóc lột con. Tội nghiệp các con! Có một người cha như ba thật là vô phúc. Borenka à, hể nhìn nét mặt phúc hậu nhân từ của con thì ba không sao nói dối được.... Chúa ơi, còn mặt dày mày dạn tới mức nào nữa đây! Mới lúc nãy ba rút rĩa tiền bạc của con, làm cho con xấu hổ vì vẻ say rượu của ba; ba cũng cướp giật của mấy đứa kia nữa, và làm cho chúng xấu hổ. Nếu con thấy ba hôm qua. Ba sẽ kể hết, không giấu gì con cả, Borenka. Hôm qua mấy người

hàng xóm và một đám vô lại khác nữa lại thăm mộ phù thủy của ba; ba với họ uống say bí tỉ, và ba đã mạt sát các con ra sao, tội nghiệp! Ba nguyên rửa các con, phàn nàn rằng các con bỏ bê ba. Ba muốn đóng cái vai người cha khốn khổ để gọi lòng thương hại của bọn đàn bà say rượu đấy mà. Ba có cái thói đó, con biết chứ: khi nào muốn che giấu tật xấu của mình thì ba trút tất cả lên đầu các con vô tội của ba. Ba không thể nói dối, không thể giấu giếm con được. Ba đến nhà con, định tâm sẽ vênh vang, khoe khoang đấy, nhưng thấy con hiền lành, tốt bụng, lưỡi ba cứng lại, không nói được nữa, và lương tâm đã trở lại.

- Thôi ba, nói chuyện khác đi.

Người cha không nghe lời con, cứ nói tiếp:

- Thánh Mẫu ơi! Các con tôi tốt bụng làm sao! Chúa đã ban phúc cho tôi biết bao! Tôi, một kẻ vô tích sự, đâu có đáng được những đứa con như vậy, phúc đó phải dành cho một người thực xứng đáng, có tâm hồn, có tình cảm kia. Tôi không xứng đáng chút nào cả!

Lão lột chiếc mũ cát kết có nút bấm ra, làm dấu thánh giá mấy lần, rồi thở dài ngó chung quanh như tìm một hình thánh⁽¹⁾.

(1) Gia đình Nga nào cũng có một bàn thờ nhỏ treo hình thánh và lúc nào cũng đốt đèn.

- Đội ơn Chúa, các con tôi thật tài giỏi, siêu quần! Tôi có ba đứa con trai, cả ba y hệt nhau. Sống đăm đạc, biết điều, siêng năng và thông minh tuyệt trần. Thông minh tuyệt trần, nghe không, xà ích? Một mình thằng Grigory thông minh bằng mười người. Nó biết tiếng Pháp, tiếng Đức, và nó nói thì ai nghe cũng phải mê, tất cả các luật sư đều phục lắm! Các con, các con à, ba không sao tin được rằng các con là con của ba! Không làm sao tin được. Borenka, con phải chịu hết nỗi khốn khổ. Ba phá hoại của con mà còn tiếp tục làm cho con khuynh bại nữa... Con cho ba tiền hoài, mặc dầu biết rằng ba chỉ đem tiêu bậy. Hôm nọ ba gởi cho con một bức thư để gọi lòng thương hại của con, kể lể rằng ba đau, ba nói láo đấy; ba xin tiền con để mua rượu *rum* đấy. Và con đã cho ba tiền vì ngại từ chối thì ba tủi thân. Cái đó ba biết lắm chứ. Thằng Gricha (tức Grigory) khốn khổ vì ba. Hôm thứ năm ba lại thăm nó, say mèm mà bắn thủ, quần áo rách rưới... mùi rượu *vodka*⁽¹⁾ xông ra, cách một dặm cũng ngửi thấy. Ba tới để quấy rầy nó, kể bậy bạ những chuyện dè tiện trong khi chung quanh nó có đông đảo nào là bạn đồng sự, thượng cấp, nào là người lại xin xỏ việc này việc nọ. Ba làm nó mất thể diện cho tới suốt đời nó. Mà nó cũng không tỏ vẻ xấu hổ, chỉ hơi tái mặt một chút rồi mỉm cười, lại gần ba như chẳng có gì

(1) Thứ rượu thông dụng nhất ở Nga.

xảy ra cả, lại giới thiệu ba với bạn đồng sự của nó nữa. Sau nó đưa ba về tận nhà ba, mà không hề trách ba đến một lời! Ba còn bóc lột nó hơn là bóc lột con nữa. Bây giờ ba kể tới anh con, thằng Sacha, nó cũng điều đúng vì ba! Con biết rồi, vợ nó là con một đại tá trong giới quý phái, lại có hồi môn... Ai mà chẳng tưởng rằng nó chẳng kể gì tới ba nữa. Vậy mà không, con; mới làm lễ cưới xong, nó dắt vợ lại chào ba trước hết, trong cái ổ chuột của ba... vậy đó!

Lão nức nở khóc, rồi lại cười liến.

- Và hôm đó, sao lại nhằm ngày bữa ăn có củ cải nạo, rượu *kwass*⁽¹⁾ và cá rán, tanh thôi là tanh! Quỷ ngửi thấy cũng buồn nôn! Ba đương nằm, say rượu. Mụ phù thủy của ba mặt đỏ gay, chạy ra đón vợ chồng nó... thật xấu hổ! Nhưng Sacha vẫn bình tĩnh, không ngượng.

Boris bảo:

- Vâng, anh Sacha là người tốt.

- Rất tốt! Các con đều là thứ vàng ròng: con, Gricha, Sacha và Sonia. Ba quấy rầy các con, hành hạ các con, làm mất thể diện các con và bóc lột các con, mà trong đời ba, ba chưa hề nghe thấy các con trách ba lấy một lời, chưa hề thấy các con lườm, nguýt ba nữa. Nếu ba là con người đàng hoàng thì cũng đáng, nhưng sự thực, các con chỉ thấy ba đầy tật xấu. Ba là con người

(1) Một thứ rượu xấu.

xấu xa, phóng dăng... Bây giờ ba ít rầy la, không còn chút nghị lực nào cả; nhưng hồi các con còn nhỏ, ba đầy khí phách, cương quyết. Thời đó, dù làm việc gì, nói câu gì, ba cũng cho rằng ba có lí. Có khi ở câu lạc bộ về khuya, say rượu, xấu tính, ba trách má các con là tiêu pha vung phí. Ba rầy la má con suốt đêm, và ba cho rằng ba phải. Buổi sáng khi các con dậy đi học, ba vẫn chưa tha cho má các con. Trời, ba đã hành hạ má ra sao! Rồi ở trường về, ba còn ngủ, các con phải đợi ba thức dậy rồi mới dám ăn. Bữa tối, cái tuồng đó diễn lại. Chắc con còn nhớ những buổi đó chứ. Ba cầu cho đừng ai bị cái cảnh có một người cha như ba. Thượng Đế đã bắt tội các con làm con ba để thử thách các con đấy. Đúng vậy, để thử thách. Các con ráng chịu đựng tới cùng đi. Cứ tôn kính cha thì Thượng Đế sẽ cho các con được thọ để bù đắp lại. Xà ích ngừng lại!

Lão nhảy xuống đường và chạy vào một quán rượu. Nửa giờ sau lão trở ra, đờng hững như một người say rượu và leo lên xe ngồi bên cạnh con, hỏi con:

- Con biết con Sonia bây giờ ở đâu không? Còn ở kí túc xá không?

- Không, thôi từ tháng năm rồi, bây giờ em ấy ở nhà bà nhạc anh Sacha.

- Tốt, tốt lắm. Nó có vẽ noi gương các anh nó. Borenka, vì nó không còn mẹ, không có ai

để an ủi. Này, Borenka... nó có... nó có biết lối sống bê bối của ba không?

Boris không đáp. Năm phút trôi qua mà không ai nói một lời. Lão già khóc, lấy cái giẻ ra chùi mắt, bảo:

- Ba yêu nó lắm, Borenka! Nó là con gái duy nhất của ba, và về già không có gì an ủi bằng có một đứa con gái. Ba muốn gặp nó lắm. Được không con, Borenka?

- Được lắm chứ. Lúc nào cũng được.

- Thật không? Nó sẽ không nói gì ư?

- Ba đừng nghĩ bấy nữa, chính em ấy đã tìm cách thăm ba.

- Vậy ư? Các con tôi sao mà dễ thương thế! Phải không, xà ích? Con thu xếp việc đó cho ba đi, Borenka ạ! Bây giờ nó là một tiểu thư rồi, "thanh nhã", "hoàn toàn", đủ cả, theo cách quý phái, mà ăn mặc tồi tàn như vậy, ba nguợng không muốn gặp nó. Chúng ta bàn tính kĩ xem phải chuẩn bị rồi tiến hành ra sao, Borenka. Trong ba ngày ba sẽ nhịn rượu cho cái mồm lành của ba bớt hôi, rồi ba sẽ lại nhà con và con cho ba mượn bộ đồ, ba sẽ cạo râu, hớt tóc, rồi con lại kiếm nó, đưa nó về nhà con. Đồng ý?

- Dạ.

- Xà ích, ngừng lại.

Lão già lại nhảy xuống đường, chạy vào một quán rượu.

Trong khi Boris đưa cha về nhà, lão nhảy xuống như vậy hai lần nữa, mà chàng vẫn không nói gì cả, kiên nhẫn ngồi chờ. Khi trả xe rồi, hai người đi qua một cái sân bắn vào chỗ ở của mẹ "la sát", lão làm ra vẻ xấu hổ, tội lỗi rất mực, căn môi không dám ho lớn. Lão nhỏ nhẹ bảo:

- Borenka, con, mẹ già có nói gì, con cũng đừng để ý tới, ghen, nghĩa là ba muốn nói... con nên cư xử nhã nhặn với mẹ. Mẹ dốt nát và lỗ mãng, mặc dầu vậy, mẹ cũng trung hậu, có lòng tốt và nhân từ!

Đi hết cái sân dài rồi Boris vô một hành lang tối om. Một cánh cửa kêu kèn kẹt, mùi bếp và hơi một ấm lò đun nước⁽¹⁾ xông ra; vắng vắng có tiếng nói cộc cằn. Đi ngang qua bếp Boris chỉ thấy khói mù mịt, một cái dây thùng mắc quần áo và một cái ống ấm lò có tia lửa vàng từ trong kẽ bay ra.

Lão già bảo:

- Ổ của ba đây.

Rồi cúi đầu xuống, bước vô một phòng nhỏ trần thấp, không khí khó thở vì ở ngay bên cạnh bếp.

Ba người đàn bà đương ngồi ăn ở bàn, thấy khách vô, đưa mắt nhìn nhau và ngừng ăn. Một người, chắc là mẹ "la sát" lãnh đạm hỏi:

(1) Samovar - thứ ấm lớn có vòi mà đồng thời cũng là lò than, lúc nào cũng chứa nước hoặc trà nóng.

- Sao, có không?

Lão già lâm bâm:

- Có. Này Boris, ngồi xuống con. Ở nhà ba thì cứ tự nhiên... Vợ chồng ba sống giản dị.

Lão lằng xằng không biết để làm gì. Trước mặt con trai, lão xấu hổ nhưng đồng thời lão rõ ràng có vẻ muốn vênh vênh với mấy người đàn bà và đóng vai người cha khốn khổ, bị con cái bỏ bê.

Lão lấp bắp:

- Đây, con thấy không, vợ chồng ba sống giản dị, không rắc rối gì cả. Toàn là hạng người chất phác... không như con, không muốn làm chóa mắt ai cả. Phải... Uống một li *vodka* nhé?

Một người đàn bà ngượng vì uống rượu trước mặt người lạ, thở dài, bảo:

- Vì có món nấm này, tôi phải uống một li nữa. Ivan Guerassimytsch, rót cho cậu ấy một li đi, có lẽ cậu ấy uống một chút được mà.

Mụ ấy làm điệu làm bộ, kéo dài tiếng cuối cùng ra. Lão già không ngó con, bảo:

- Uống đi con, nhà ba không có rượu vang, rượu mùi gì cả, ba sống giản dị.

Mụ "la sát" cầu nhàu:

- Người ta sang trọng mà, đâu thích cái nhà này.

- Nói bậy, nói bậy, nó sẽ uống mà.

Để khỏi phạt ý cha, Boris nâng một li nhỏ, lẳng lẽ uống. Khi người ta đem ấm trà lên, cũng để làm vui lòng cha, chàng rầu rầu, làm thỉnh uống hai tách trà hơi hám, rồi cũng không nói một tiếng. Chàng nghe mưa la sát nói bóng nói gió rằng trên đời có những đứa con tàn nhẫn, bất hiếu, bỏ bê cha mẹ.

Lão già đã ngà ngà say rồi, và tửu nhập thì ngôn xuất:

- Tao biết mày đương nghĩ gì! Mày tưởng rằng tao đã đời bại, sa lầy, đáng thương hại, nhưng tao thì tao cho rằng đời sống giản dị này hợp lí hơn, bình thường hơn đời sống của mày. Tao chẳng cần ai hết, và... tao không có ý tự hạ đâu. Tao không muốn thấy một thằng nhãi ranh nào ngó tao mà tỏ vẻ thương hại...

Uống trà xong, lão rửa một con cá mòi, đặt một củ hành lên con cá mà cắt, cảm động tới nỗi rung rung nước mắt. Rồi lão lại nói về cá ngựa, có những lần ăn được bao nhiêu, khoe hôm trước đã mua được một chiếc mũ rom Panama mười sáu đồng. Lão háng hái nói láo, nhồm nhoàm ăn và uống. Người con ngồi một giờ mà không nói một tiếng rồi cáo từ ra về.

Người cha giọng hách dịch bảo:

- Tao không muốn giữ mày lại. Tao không sống như tụi thanh niên chúng mày đâu. Đừng phiền lòng nhé!

Rồi sùng sộ, mũi thở phì phì ra về ta đây, lão nháy mắt với mấy mẹ đàn bà. Lão đưa con ra cửa, bảo:

- Ừ, về đi... Khoan, hãy khoan đã.

Ra tới phòng ngoài tối om, lão thành linh áp mặt vào cổ tay áo của con, khóc òa lên, nói thủ thỉ:

- Ba muốn gặp con Sonia lắm! Con thu xếp vụ đó cho ba nhé. Borenka. Ba sẽ cạo râu, sẽ bận bộ đồ của con... làm ra vẻ nghiêm trang... Ba sẽ không nói gì bậy bạ trước mặt nó đâu. Ba hứa với con như vậy, không nói bậy bạ đâu.

Lão rút rè quay lại chỗ cái cửa có tiếng nói của đàn bà vọng ra, nín khóc và nói lớn tiếng:

- Ừ về đi! Hãy khoan đã!

(Dịch theo bản *J'ai lu*)

CHIẾC CHONG CHÓNG

Viên thanh tra Otchoumelov, trên người khoác chiếc măng tô đồng phục mới toanh, tay cầm một bọc nhỏ, đi ngang qua công trường chợ. Theo sau là một thầy đội tóc đỏ hoe, tay bung một met đầy trái cây tịch thu. Bốn bề im lặng... Không một bóng người ở công trường... Các tiệm và quán rượu đều mở toang cửa, buồn rầu nhìn ánh bình minh, coi y như một chiếc mồm dói. Ở chung quanh, không một ai qua lại, đến cả một gã ăn mày cũng không.

Giữa bầu không khí im lặng ấy, Otchoumelov bỗng nghe có tiếng la hét:

- Ô, con chó trời đánh này, mày cắn tao ư? Anh em ơi, bắt lấy nó cho tôi. Ngày nay cấm không được cắn kia mà. Bắt lấy nó cho tôi, anh em ơi.

Người ta nghe có tiếng chó kêu ăng ăng. Otchoumelov đưa mắt nhìn chung quanh và thấy từ phía khe gỗ của bác lái buôn Pitchougine một con chó chạy ra, một chân khập khiễng, vừa chạy vừa ngoái cổ về phía sau. Sau nó là một gã bạn một chiếc sơ mi bằng vải hồ, áo gi-lê tuột cả cúc, cầm đầu đuôi, nhào người ra đằng trước, té nhào xuống đất và vớ được hai cẳng sau con chó.

Có tiếng kêu ăng ẳng thứ hai, và một tiếng quát tháo:

- Dừng để nó chạy.

Những bộ mặt còn ngái ngủ từ trong cửa tiệm ló ra, và chỉ trong nháy mắt, đã có một đám đông bu lại bên kho gỗ, như ở dưới đất chui lên. Thầy đội cất tiếng nói:

- Bấm quan, thật là loạn.

Otchoumelov quay nửa vòng qua bên trái, tiến về phía người tụ tập. Gã mặc gi-lê tuột cúc đứng sát bên cạnh cửa kho gỗ, tay mặt giơ lên để mọi người nhìn thấy một ngón tay của hắn đầm đìa máu. Mặt hắn hơi đỏ và ra vẻ đắc thắng, dường như muốn nói: Phèn này thì tao phải xé xác mày ra, đồ khốn kiếp. Ngay cả ngón tay của hắn cũng có vẻ đắc thắng.

Otchoumelov nhận được ngay là bác thợ kim hoàn Khrioukhine. Giữa đám đông, con chó ngồi xổm dưới đất, hai cẳng trước giăng ra, còn mình thì run bần bật. Con chó này còn nhỏ, thuộc loại chó săn, mõm nhọn, trên cổ có một đốm vàng. Nhìn con mắt ướt của nó, ai cũng biết ngay là nó sợ lắm.

Otchoumelov len vào giữa đám đông rồi cất tiếng hỏi:

- Có chuyện gì thế? Ngón tay kia là nghĩa làm sao? Ai đã lớn tiếng kêu như vậy?

Khrioukhine vừa đưa tay che miệng để ho, vừa kể:

- Bẩm quan... Con đương nói chuyện với anh Mitri về gỗ. Con chẳng trêu ghẹo ai cả, bỗng dung con vật trời đánh này chồm lên cắn ngón tay con... Xin lỗi quan, con là người làm ăn, có nghề nghiệp hẳn hoi. Và nghề của con cần phải tinh vi. Họ phải bồi thường cho con mới được, vì phải ít nhất là một tuần lễ con mới cử động được ngón tay... Có luật nào cho phép súc vật gây thương tích bao giờ? Nếu tất cả giống chó gặp ai cũng cắn thì còn sống làm sao được?

- Hừ... được rồi... Otchoumelov vừa cau mày vừa cố lấy giọng trang nghiêm nói. Thôi được... Con chó này của ai? Việc này không thể bỏ qua được. Ta sẽ cho những kẻ để chó chạy rong biết tay. Đã đến lúc phải cho thiên hạ một bài học nếu họ không tuân luật. Khi nào tên vô lại đó bị phạt vạ, nó mới nhớ rằng không được thả chó hay súc vật ra đường. Ta sẽ cho nó một bài học... Đoạn, quay về phía thầy đội, Ông ta nói:

- Đây Eldyrine, thầy điều tra xem ai là chủ con chó này rồi lập biên bản. Còn con chó ghẻ này thì phải đem đập chết đi. Đập chết cho mau đấy. Chắc chắn nó là chó dại... Thế nào bà con, con chó này của ai?

Trong đám đông có tiếng trả lời:

- Hình như nó ở trong đàn chó của đại tướng Jigalov ấy.

- Của đại tướng Jigalov? Hừ... Eldyrine, thầy cởi chiếc áo măng tô giùm ta... Sao trời ời thế

nhỉ? Chắc sắp mưa... Nhưng có một điều ta không hiểu - Otchoumelov vừa nói vừa quay về phía Khrioukhine - làm sao nó lại có thể cắn mày được? Làm sao nó lại có thể tấp ngón tay của mày? Nó bé nhỏ thế kia mà mày thì to như con tượng. Chắc mày dùng ngón tay vào một cái đinh, nên suốt da... rồi đổ vạ cho con chó chứ gì? Ai còn lạ tụi bây nữa... Tụi bây vẫn có tiếng xưa nay là vô lại.

- Bẩm quan, con thấy anh ấy thọc điều thuốc lá vào mồm nó để đùa... không ngờ con chó khôn quá, tấp liền. Bẩm quan, hấn chơi ác ôn lắm.

- Mày nói láo, thằng chột. Mày có thấy gì đâu mà sao bịa đặt ra như vậy? Quan đây là người thông minh, biết ai gian ai ngay... Và nếu quan xét con là kẻ nói dối thì xin quan cứ đưa con ra tòa. Đã có pháp luật chứ?... Ngày nay mọi người đều bình đẳng... Em ruột con hiện nay làm quân cảnh, nếu quan muốn biết...

- Thôi, đừng lý sự nữa.

- Thưa, không phải chó của đại tướng đâu... viên đội cảnh sát sau một hồi suy nghĩ, cất tiếng nói. Đại tướng không nuôi loại chó này. Ngài chỉ nuôi chó "đánh hơi"⁽¹⁾ thôi.

- Thầy có chắc không?

- Bẩm quan chắc ạ.

(1) Chó đánh hơi thấy có hơi con mồi là ngừng lại, cho thợ săn biết.

- Ta biết điều đó. Đại tướng chỉ nuôi loại chó đất tiền, loại chó săn, còn như con này chỉ là đồ chó hoang... ai hoài công nuôi của nợ ấy? Tụi bây biết không? Nếu con chó này ở Pétersbourg hay ở Moscou thì chẳng cần phải gỡ luật pháp ra, người ta cũng giết tức khắc. Khrioukhine, trong vụ này, mày là nạn nhân và tao sẽ làm cho tới cùng, chứ không thể làm ngơ được... Đã đến lúc phải cho họ một bài học mới được.

- Nhưng cũng rất có thể là chó của Đại tướng a, viên đội cảnh sát vừa suy nghĩ vừa lăm bắm. Hôm nọ con có trông thấy trong sân nhà Đại tướng một con y hệt con này.

Trong đám đông có tiếng nói:

- Dích thị là chó của Đại tướng.

- Hừ... Eldyrine oi. Thấy khoác mạng tồ lên hộ ta. Hình như trời đã bắt đầu nổi gió... Ta thấy lành lạnh... Thấy đất con chó này lại nhà Đại tướng rồi hỏi xem. Bảo là tao tìm thấy nó và đem trả lại... Và cũng nhấn họ từ rầy đừng để nó chạy rong ngoài đường nữa nhé... Có lẽ nó là một con chó quý, thế mà có đứa tinh nghịch đem thuốc lá gí vào mõm nó, làm sao nó không đau được, chó là một con vật yếu ớt... Còn cái thằng kia, mày là thằng ngu xuẩn, hạ cái tay xuống, cứ giơ mãi ngón tay lên trời mà không thấy lỗ bịch sao? Lỗi tại mày chứ tại ai?

- Đây rồi, có chú bép của Đại tướng... Chúng mình hỏi chú ta thì biết... Ê, chú Prokhor, lại

đây cho hỏi một chút chú ơi. Chú nhìn con chó này xem... có phải của chú không?

- Chỉ tầm bảy thôi. Đời thừa nào nhà tôi lại nuôi cái của nợ này.

- Bất tất phải nhiều lời, Otchoumelov nói. Đó là một con chó chạy rong. Không còn danh từ nào khác nữa. Ta đã bảo là nó chạy rong thì đích thị là nó chạy rong... Đập chết nó đi là xong chuyện.

Prokhor nói tiếp:

- Nó không phải của nhà tôi, nó là của ông anh Đại tướng mới tới đây. Đại tướng không thích nuôi chó săn nhưng anh của ngài trái lại, rất thích.

- Ủa, anh của Đại tướng ở đây à? Có phải hoàng thân Vladimir không? Otchoumelov vừa hỏi xong thì nét mặt tươi lên và trên môi ông ta nở một nụ cười khoan khoái. Trời ơi, ngài tới đây mà tôi không hay chứ. Ngài định ở đây lâu không?

- Vâng, ngài đi thăm Đại tướng...

- Trời... ngài đi thăm em ngài mà tôi, các anh xem, tôi chẳng hay biết gì cả... Thế ra con chó này là của ông anh Đại tướng? Tôi mừng không để đâu cho hết... Dắt nó đi... Con chó con đẹp đấy chứ... lại lanh lẹ nữa... nó đã đớp ngón tay thẳng kia... Ha, ha, ha... Ủa, tại sao chú mình run như vậy? Chú mình giận ư? Con chó dễ thương quá...

Prokhor gọi con chó. Con vật theo hắn ra khỏi kho gỗ. Mọi người xúm nhau lại bên anh thợ kim hoàn Khrioukhine và cười rộ, chế nhạo anh ta. Còn Otchoumelov cài lại chiếc măng tô và sau khi dọa hắn: "Rồi mày sẽ biết tay tao", tiếp tục đi qua phố chợ.⁽¹⁾

Nguyễn Hữu Phiếm dịch

(1) Truyện viết năm 1884 để đăng trên tờ Tiếng nổ. Hồi đó chưa gặp Grigorovitch, Tchekhov ưa viết những truyện dí dỏm và chưa cho viết văn là quan trọng.

BỊ ĐÀY

Năm 1890, trên đường qua đảo Sakhaline, Tchekhov gặp ở Sibérie nhiều người bị đày. Năm sau ông về Nga, viết truyện này, tỏ thái độ chống triết lí của Tolstoi (cũng như truyện Phòng số 6)



Ông già Semione biệt danh là Finaud và gã thanh niên Thát Đất⁽¹⁾ mà không ai biết tên, cùng ngồi với nhau gần một đám lửa trại trên bờ sông; ba người đưa đồ khác ở trong chòi. Semione khoảng lục tuần, gầy, móm, nhưng vai rộng, vẻ còn khỏe mạnh, lúc đó say rượu, đáng lẽ vô chòi ngủ từ lâu rồi, nhưng trong túi còn non hai lít rượu vodka, sợ vô chòi thì tụi kia xin.

Gã Thát Đất bị bệnh, đau đốn, co ro trong bộ áo quần tồi tàn, kể lại cuộc đời sung sướng trước kia của gã ở miền Simbresk, khoe vợ để lại ở quê nhà vừa đẹp vừa thông minh. Gã chưa tới hai mươi lăm tuổi lúc này ngồi trong ánh lửa

(1) Tartare: tiếng này trở nhiều giống người như Thổ Nhĩ Kỳ, Mông Cổ sống rải rác ở Sibérie.

nét mặt buồn rầu, bệnh hoạn, xanh xao, trông có vẻ như con nít.

Sémion bảo:

- Cố nhiên đây không phải là cảnh thiên đường. Cháu trông thấy đó: nước thì như vậy, bờ sông hoang vắng, bốn bề chỉ một màu đất sét, không có gì khác... Lễ phục sinh qua đã lâu mà dòng sông còn băng, và sáng nay trời đã đổ tuyết.

Gã Thát Đất nói: "Xấu quá, xấu quá", rồi hoảng sợ ngó chung quanh. Con sông lạnh và đen chảy cách chỗ đó mười bước, nó lầm bầm, róc rách vỗ vào những hang đất sét ở bờ rồi chảy băng băng tới một biển xa nào đó. Ngay sát bờ, người ta thấy bóng đen của một chiếc thuyền lớn⁽¹⁾ mà mấy người chèo đò gọi là chiếc "thuyền chở hàng". Ở xa xa, trên bờ bên kia, có những đám lửa nhỏ ngoằn ngoèo, chỗ thì lấp lánh, chỗ thì gần tắt: người ta đốt cỏ năm trước. Phía sau nữa, lại là bóng tối. Có những cục băng nhỏ đung vào thuyền. Trời lạnh và ẩm thấp.

Gã Thát Đất ngó lên trời. Ở đây có nhiều sao như ở quê hán; chung quanh cũng tối tăm như vậy, nhưng thiếu một cái gì. Ở quê hán, miền Simbirsk, các vì sao không giống ở đây mà nền trời cũng khác. Hấn lặp lại:

- Xấu quá, xấu quá.

(1) Nước lớn thì dùng thuyền năm người chèo; nước rút thì dùng đò ngang một người chèo.

Semione bảo:

- Rồi cháu sẽ quen (Lão cười). Cháu hãy còn nhỏ và khờ; miệng còn hôi sữa và cháu tưởng không có ai khở hơn cháu. Nhưng sẽ tới một lúc chính cháu sẽ cầu nguyện: "Xin Chúa cho ai nấy cũng được một cuộc đời như vậy!". Coi bác này. Trong một tuần nữa, nước sẽ rút, hết lụt, chiếc dờ ngang lại qua lại; bọn cháu lại đi khắp xứ Sibérie, còn bác thì ở lại đây, đưa dờ qua sông đi đi về về. Bác làm công việc ấy đã hai mươi hai năm rồi, đêm cũng như ngày. Nhờ ơn Chúa, bác chẳng cầu gì cả. Chúa không thiên vị ai, đời sống của ai cũng như nhau.

Gã Thát Đất đặt thêm mấy cành nhỏ lên đống lửa, nằm dài xích lại gần lửa hơn nữa và nói:

- Ba cháu đau yếu. Khi người qui tiên rồi, má cháu và vợ cháu sẽ lại đây. Đã hứa vậy rồi.

Semione hỏi:

- Cháu mong hai người đó lại đây làm gì? Thật là đại đột. Quỷ nó làm cho cháu mất khôn rồi xin Chúa đày nó xuống địa ngục đi. Đừng nghe nó. Đừng để nó quấy phá về vấn đề đàn bà ấy, la mắng nó đi: "Tao không muốn!" Nó kêu gọi cho cháu những ý nghĩ về tự do, cháu thách đố nó đi: "Tao không muốn đấy! Tao chẳng cần cái gì hết! Không cha, không mẹ, không vợ, không tự do, không sân, không nọc! Tao chẳng cần cái gì hết. Quỷ, mày đừng đem ra nhử tao nữa!"

Sémione tu một hớp rượu rồi nói tiếp:

- Cháu nè, bác không phải là một nông dân, gia đình không phải hèn hạ đâu, ông thân của bác làm trợ tế, và khi bác còn sống tự do ở Koursk, bác cũng có lễ phục như ai, nhưng bây giờ bác tới cái nông nổi ngủ trần ngay trên mặt đất và ăn thì ăn cỏ. Mà bác không chúc cho người khác một đời sống hơn vậy đâu. Bác không cần gì hết, không sợ ai hết, và theo bác, không ai giàu có hơn bác, được tự do hơn bác. Khi người ta đày bác từ Nga lại đây, ngay ngày đầu bác đã xung đột với con Quỷ: "Tao không muốn gì hết". Con Quỷ quấy nhiễu bác, gọi cho bác nhớ vợ nhớ quê, nhớ đời sống tự do, nhưng bác bảo nó: "Tao chẳng cần gì hết!" Bác ương ngạnh chống nó và cháu thấy không, bác sống sung sướng, không phàn nàn gì cả. Nhưng kẻ nào nhu nhược với con Quỷ, nghe lời nó dù chỉ một lần thôi thì cũng vô phương cứu: sẽ lún trong đầm lầy tới đỉnh đầu không thoát ra được nữa. Mà không phải chỉ hạng nông dân vô học như cháu là sa ngã đâu, hạng quý phái có học cũng chìm lỉm.

Khoảng mười lăm năm trước, một lãnh chúa bị đày tới đây vì ngụy tạo một tờ di chúc để khỏi chia gia tài với anh em. Người ta bảo ông ta là một vương hầu hay nam tước gì đó, nhưng có lẽ chỉ là một công chức thôi - làm sao biết được? Và ông quý tộc ấy lại đây, mua ngay một căn nhà và một khoảnh đất ở Moukhortinskoe. Ông ta bảo: Tôi phải làm việc để tự nuôi sống, phải đổ mồ hôi ra mà làm vì tôi không còn là

một lãnh chúa nữa mà chỉ là một kẻ khần hoang." Bác bảo: "Ông tính như vậy phải lắm. Cậu Chúa phù hộ ông." Hồi đó ông ta trẻ, mạo hiểm, chú ý tới mọi việc, có khi ông ta cắt cỏ lấy, đi câu cá, cưỡi ngựa chạy một mạch hơn sáu chục cây số. Nhưng khổ một nỗi là ngay năm đầu ông ta đã đều đều lại Sở Buu chính ở Guirino. Đứng bên cạnh bác trên chiếc đò, ông ta thở vắn than dài: "Chú Semione à, đã lâu lắm rồi, gia đình tôi không gởi tiền cho tôi." Bác bảo: Ông Vassili Sergreévitch này, đừng thèm cần tiền. Tiền dùng vào việc gì? Bỏ dĩ vãng đi, quên nó đi như không có nó, coi nó như một giấc mộng và bắt đầu một đời sống mới đi. Đừng nghe lời con Quỷ, nó chẳng đem lại được cái gì tốt cho ông đâu, nó dụ ông vào bẫy của nó đấy. Bây giờ ông muốn có tiền, chẳng bao lâu nữa, ông muốn có cái gì khác rồi mỗi ngày ước vọng mỗi tăng". Bác bảo ông ta: "Muốn sung sướng thì điều thứ nhất là đừng thèm muốn cái gì hết. Phải... số phận đã tàn nhẫn ngược đãi chúng ta, ông và tôi, thì đừng thèm quì dưới chân nó, năn nỉ nó tha cho mình, phải khinh nó, ngạo nó. Nếu không thì nó sẽ ngạo mình". Đó bác bảo ông ta như vậy.⁽¹⁾

Hai năm sau bác đưa đò ông ta qua bờ bên này; ông ta xoa tay, vừa cười vừa bảo: "Tôi lại Guirino đón nhà tôi đây. Nhà tôi thương hại tôi, lại ở với tôi. Thật là một người vợ hiền." Ông

(1) Sémione trong truyện này diễn những tư tưởng của Tolstoi.

ta nói vậy, mừng thôi là mừng. Hai hôm sau ông ta trở về với bà vợ. Một phu nhân trẻ đẹp, đầu đội nón, tay bồng một đứa bé gái. Và cả một đồng hành lí. Và Vassili Sergreévitch cứ xum xoe chung quanh vợ, nhìn vợ không chớp mắt, luôn miệng ca tụng vợ. Ông ta bảo: "Này, chú Semione, đúng vậy, ngay ở Sibérie cũng có thể sống được" Bác nghĩ bụng: Để coi! Đừng vội mừng, khoan đã. Từ lúc đó, gần như mỗi tuần ông ta đi Guirino một lần hỏi thăm có tiền ở Nga gửi tới không. Ông cần tiền sao mà nhiều thế, kinh khủng. Ông ta bảo: "Vì tôi mà nhà tôi chôn tuổi thanh xuân và sắc đẹp ở cứ Sibérie này, chia chung số phận cực khổ với tôi. Để đáp lại, tôi phải ráng hết sức làm cho nàng vui..." Để cho đời của bà vợ vui lên, ông chồng phải giao du với các công chức và với đủ các hạng bông lơn. Và dĩ nhiên, phải đãi đằng cả cái giới lịch sự ấy, phải có một cây đàn piano, phải có một con chó xù bé nhỏ trên chiếc đi-văng - cái của ấy, cho nó chết quách đi!... Sống xa hoa, xài lớn cho sang trọng mà. Nhưng bà vợ đâu có ở lâu với ông ta. Ở đây mà có cái gì cho bà thích được! Đất sét, nước ngập, lạnh lẽo, không kiếm đâu được một trái cây, một ngọn rau, chung quanh toàn là hạng người vô học và say rượu, thô lỗ, mà bà ta được nuông chiều, quen với đời sống ở các thủ đô rồi... Bà ta rầu rĩ, héo hắt, cái đó ai cũng đoán trước được. Lại thêm ông chồng, muốn nói sao thì nói,

cũng không còn là một lãnh chúa nữa, mà là một kẻ bị đày, danh vọng gì nữa.

"Bác nhớ, được ba năm, đầu trước ngày lễ Thăng Thiên, có ai gọi dò ở bên kia sông. Bác chèo dò qua. Ừa, ai đây? Thì chính là bà ta, áo che kín hết, giả trang, có một người đàn ông trẻ, một công chức đi theo... Đi xe ba ngựa. Bác đưa họ qua sông, họ lên xe, và vĩnh biệt. Họ biến rất mau. Gần sáng, Vassili Sergreévitch ngồi một chiếc xe song mã phi tới, hỏi bác: "Chú Semione, nhà tôi có qua đây với ông đeo kính không?" Bác đáp: "Có, chim trời cá nước, cứ đi mà tìm⁽¹⁾", Ông ta phi ngựa đuổi theo trong năm ngày. Rồi khi bác đưa ông ta qua bờ bên kia, ông ta ngã quì xuống lòng dò, vừa gào hét, vừa đập đầu vào ván dò. Bác bảo: "Việc ấy xảy ra rồi đấy nhé". Bác cười, lặp lại lời ông ta: "Ngay ở Sibérie cũng có thể sống được!" Nghe vậy, ông ta còn đập đầu mạnh hơn nữa.

"Sau đó, ông bắt đầu ao ước được trả lại tự do. Bà vợ đã trốn về Nga, ông chỉ nghĩ tới việc về Nga thấy mặt vợ, bắt vợ bỏ tình nhân. Và cháu ơi, gần như ngày nào ông ta cũng lại sở Bưu chính hoặc ra thị trấn để gặp mặt các nhà cầm quyền. Ông viết và gửi không biết bao nhiêu đơn xin ân xá để được trở về quê. Ông ta thú thực nội phí tổn đánh điện tín cũng đã tới hai

(1) Trong bản tiếng Pháp (tủ sách J'ai lu): Ông đi mà tìm gió trong cánh đồng.

trăm đồng. Phải bán đất, cầm nhà cho tụi Do Thái. Tóc đã bạc, lưng đã khòm, nước da nhợt nhạt như bị ho lao. Trong khi nói chuyện, ông ta ho khèc, khèc, khèc!... mà rung rung nước mắt.

"Suốt tám năm ông ta kiệt lực vì chạy chọt xin ân xá như vậy, nhưng bây giờ vui vẻ, hăng hái lại rồi, vì đã mắc một chứng điên mới. Đứa con gái của ông ta đã lớn. Ông ta săn sóc nó, quý nó hơn chính con người của ông nữa. Nói cho ngay, nó dễ thương, đẹp, lông mày đen, tính tình vui vẻ. Chủ nhật nào ông cũng dắt nó lại giáo đường ở Guirino. Hai cha con đứng cạnh nhau trên đồ; nó cười, ông ta nhìn nó không chớp mắt. Ông ta bảo: "Phải, chú Sémione à, ngay ở Sibérie người ta cũng có thể sống được. Ngay ở Sibérie người ta cũng có thể sung sướng được. Coi con gái tôi nè. Ngàn cây số⁽¹⁾ ở quanh đây cũng không sao kiếm được một thiếu nữ như nó." Bác bảo: "Quả thực cô em đẹp đấy..." Nhưng bác nghĩ trong bụng: Hãy khoan đã, nó còn trẻ, máu sùng sục trong huyết quản, ham sống lắm, mà ở đây đời sống còn thú gì đâu! Thế là cháu ơi, nó bắt đầu tiêu tụy... Nó héo hắt, héo hắt đi, hoàn toàn suy yếu, nó đau và bây giờ nó lết đi không nổi. Chúng ốm o gầy mòn. Đó thứ hạnh phúc ở Sibérie đó, Quỷ bắt nó đi; đó, người ta có thể sống được ra sao, ngay cả ở Sibérie... Thế là ông ta ngày nào cũng chạy đi kiếm y sĩ rước

(1) Nguyên văn là *Verste*, bằng 1,067 cây số.

về nhà. Hễ nghe tiếng một y sỹ hay một lang vườn nào, dù cách hai ba trăm cây số, cũng đi rước về. Thật kinh khủng số tiền ông ta tiêu vào việc đón bác sĩ ấy, và bác nghĩ để số tiền ấy mua rượu còn hơn... Làm gì thì làm, con bé ấy cũng sẽ chết... Chắc chắn vậy. Và khi nó chết rồi thì ông ta sẽ thành con người hoàn toàn bỏ đi. Sẽ rầu rĩ mà chết, hoặc sẽ trốn qua Nga - nhất định vậy. Ông ta sẽ trốn, người ta sẽ bắt lại được, đem xử, hoặc bị nhốt khám, hoặc bị quất..."

Gã Thát Đất lạnh run lên, thì thầm: Tốt.

Sémione hỏi:

- Cái gì tốt?

- Vợ, con gái... Thì cho ông ấy bị nhốt khám đi, cho ông ấy rầu rĩ đi, nhưng ông ấy đã được thấy vợ và con... Bác bảo không cần gì hết! Nhưng không có gì hết, cái đó xấu. Vợ ông ta đã ở với ông ta ba năm. Chúa đã ban ân huệ ấy cho ông ta. Không có gì hết - xấu, nhưng ba năm - tốt⁽¹⁾. Cái đó có gì đâu mà không hiểu?

Rồi run lấy bẫy, ngập ngừng, khó nhọc lắm mới lựa được những tiếng Nga mà hần biết rất ít, gã Thát Đất kể lể tâm sự: nếu đau ở xứ lạ này, chết rồi bị chôn trong lòng đất lạnh lẽo màu như sắt rỉ này thì ghê gớm quá, xin Chúa đừng bắt hần chịu nông nỗi ấy. Nhưng nếu vợ hần lại

(1) Gã Thát Đất nói tiếng Nga chưa rành.

thăm hấn, dù chỉ một ngày hay một giờ thôi thì hấn cũng sẽ chịu bất kì nỗi thống khổ nào để bù lại, mà còn mang ơn Chúa nữa. Một ngày hạnh phúc còn hơn ba ngày chẳng được gì.

Rồi hấn kể lại lần nữa vợ hấn ở quê nhà đẹp đẽ, thông minh ra sao; bỗng hai bàn tay ôm đầu, hấn khóc rung rức, cam đoan với Semione rõ rằng hấn vô tội, người ta đã nghe lời vu oan mà xử hấn. Hai người anh với ông chú hấn đã ăn cắp ngựa của một lão nông dân, đánh đập ông ta gần chết rồi bỏ đi. Cộng đồng nông dân đã xử một cách thiếu lương tâm, đày ba anh em hấn đi Sibérie, còn người chú, giàu có thì được ở nhà.

Sémione bảo:

- Rồi cháu sẽ quen đi!

Gã Thát Đất làm thỉnh, cặp mắt đỏ lên vì khóc, dăm dăm nhìn ngọn lửa; vẻ mặt vừa sợ hãi vừa ngây thơ, như vẫn chưa hiểu tại sao lại ở đây, trong cảnh đêm tối, ảm thấp, bên những người lạ này, chứ không ở tỉnh Simbirsk. Semione nằm dài bên cạnh đống lửa mỉm cười một cách chua chát và bắt đầu hát nho nhỏ. Một lát sau nói tiếp:

- Nó ở với ba nó thì vui thú gì? Ông ta yêu nó, nó làm niềm an ủi của ông, đúng; nhưng đừng hòng nhõng nhẽo và nhòn với ông. Ông ta cứng rắn, nghiêm khắc. Mà bọn thiếu nữ đâu có cần sự nghiêm khắc... Chúng cần được âu yếm, ha ha ha, hô hô hô, cần dầu thơm, kem xoa mặt kia. Phải... đời sống, đời sống! Semione thở dài,

nặng nề đứng dậy. Hết rượu vodka rồi; tới lúc đi ngủ rồi. Ê! chú bé, bác vô chòi đây...

Còn lại một mình, gã Thát Đất đặt thêm mấy cành nhỏ lên đồng lửa rồi ngồi ngắm ngọn lửa mà nhớ quê, nhớ vợ. Ước gì nàng có thể tới đây được, chỉ một tháng thôi, chỉ một ngày thôi, rồi lại trở về nhà nếu nàng muốn! Một tháng hay chỉ một ngày thôi cũng còn hơn chẳng có gì cả! Nhưng nếu vợ hấn giữ lời hứa, tới đây với hấn, thì lấy gì nuôi vợ, cho vợ ở đâu?

Gã hỏi lớn tiếng:

- Không có gì ăn thì làm sao nàng sống được?

Chèo đò cả ngày lẫn đêm mà hấn chỉ được có mười xu, khách qua sông cho thêm ít tiền đấy, nhưng mấy bạn của hấn chia nhau hết, không chia cho hấn đồng nào mà còn chế nhạo hấn nữa. Thật khốn khổ cho hấn: đói, rét, sợ...

Bây giờ toàn thân hấn đau nhức, run lẩy bẩy, đáng lí hấn vô chòi ngủ rồi chứ nhưng trong đó chẳng có mảnh chăn nào để đắp, còn lạnh hơn ở trên bờ sông này nữa, ở đây cũng không có chăn, nhưng ít nhất còn có thể khêu lửa lên được...

Một tuần lễ nữa, nước sông rút hấn rồi, lại dùng đến chiếc đò, mấy người đưa đò kia sẽ hóa ra vô ích, chỉ trừ mỗi lão Sémione; lúc đó gã Thát Đất sẽ đi từ làng này tới làng khác xin ăn hoặc kiếm việc. Vợ hấn mới mười bảy tuổi, đẹp, được cung, e lệ. Cũng bắt nó để hở mặt, không

trùm khăn voan⁽¹⁾ đi ăn xin từng làng sao? Không, chỉ nghĩ tới điều ấy cũng thấy ghê gớm quá rồi...

Trời đã hùng đông, đã trông thấy rõ hình thù chiếc thuyền, những bụi liễu trên nước và những gợn sóng trên lòng sông. Nhìn về phía sau lưng, có thể thấy một khoảng dốc hiểm trở bằng đất sét; dưới xa là cái chòi lợp rạ màu nâu lợt; trên cao hơn, nhà trong xóm dính chùm nhau. Gà trong xóm đã gáy.

Cái khe đất sét đỏ hoe này, chiếc thuyền, con sông, những người lạ không có chút từ tâm nào kia, đói, lạnh, bệnh tật, có lẽ tất cả những cái đó không có thực chẳng, là mộng chẳng? Gã Thát Đát nghĩ vậy. Hắn cảm thấy hắn ngủ, nghe thấy tiếng ngáy của hắn... Rõ ràng là hắn ở tỉnh Simbirsk; chỉ cần gọi tên vợ lên là vợ sẽ đáp. Trong phòng bên cạnh có mẹ hắn... Vậy mà là mộng; mộng gì ghê gớm như vậy? Mà mộng có ích gì không? Hắn mỉm cười, mở mắt. Con sông này là sông gì? Sông Volga?

Tuyệt rồi.

Ở bờ bên kia có ai kêu:

- Đò ò ò! Qua ma-au!

Gã tỉnh hẳn, đi đánh thức bạn để chèo thuyền qua sông. Vừa khoác những áo da cừu rách bươm, vừa chửi thề, giọng còn ngái ngủ, mấy người đưa

(1) Người Thát Đát theo Hồi giáo; tục Hồi giáo bắt đàn bà ra khỏi phòng the là phải che mặt.

dò run lập cập, chạy lại bờ sông. Bị đánh thức dậy, ra đây gặp gió lạnh buốt, họ thấy con sông thật thê thảm, đáng tử. Họ thủng thẳng bước xuống thuyền... Gã Thát Đát và ba người chèo dò nắm những cây chèo dài mái rộng, trong bóng tối y hệt cang một con cua, còn lão Semione đề cả bụng lên trên cái cần bánh lái dài. Trên bờ bên kia vẫn còn tiếng gọi dò và hai lần có tiếng súng lục, chắc họ ngờ bọn chèo dò còn ngủ hoặc đã vô xóm, lại quán rượu.

Semione hỏi:

- Nghe rồi! Đi đâu mà gấp!

Giọng lão bình tĩnh, giọng của một người tin rằng ở đời này vợi vàng chẳng có lợi gì cả. Chiếc thuyền nặng nề, vụng về rời bờ, tiến vô bụi liễu, và chỉ nhìn thấy liễu hơi chạy chạy, người ta mới biết là chiếc thuyền đi. Máy người kia cùng đưa mái chèo lên một lúc rồi hạ xuống nhịp nhàng, còn Semione thì đứng dính vào chiếc bánh lái và vụng tay bề lái thành một vòng cung trên không, từ bờ này tới bờ kia. Trong bóng tối, nhìn họ không khác gì đương ngồi trên một con vật thời thái cổ, chân lêu nghêu đưa lên trời, lưng lênh đênh trên mặt nước, tiến tới một xứ băng tuyết ảm đạm mà đôi khi người ta thấy trong ác mộng.

Vượt khỏi đám liễu, họ ra tới giữa sông. Ở bờ bên kia, đã nghe được tiếng chèo đập nước, lao xao đều đều. Có người la: Mau lên! Mau lên!

Khoảng mười phút sau, chiếc thuyền dừng mạnh vào cầu bến.

Sémione vừa chùi tuyết trên mặt, vừa lầm bầm:

- Đồ hoài, đồ hoài! Đâu mà nhiều thế, chỉ Chúa mới biết được.

Trên bờ, một người đàn ông đã có tuổi, nhỏ con, bận một chiếc áo cầu ngắn bằng da chồn và đội chiếc mũ chụp trắng bằng da cừu non. Ông ta đứng yên, hơi cách xa mấy con ngựa, vẻ dăm dăm buồn rầu như ráng nhớ ra điều gì mà giận rằng trí nhớ kém quá. Khi lão Semione lại gần ông ta, lột mũ chụp ra mỉm cười thì ông ta bảo:

- Tôi phải đi gấp lại Anastasyerka. Con gái tôi lại đau nặng hơn và người ta mách tại đó có một y sĩ mới.

Họ kéo chiếc xe xuống thuyền rồi chèo qua sông. Người đàn ông mà lão Sémione gọi là Vassili Sergreévitch, đứng không nhúc nhích, môi dày mím chặt, mắt dăm dăm ngó vào một chỗ, như vậy suốt lúc qua đò. Khi người xà ích của ông ta xin phép được hút thuốc trước mặt ông, ông làm thinh, cơ hồ như không nghe thấy. Còn lão Semione thì bụng đề vào bánh lái, ngó ông ta, vẻ mỉa mai, bảo:

- Ngay ở Sibérie người ta cũng có thể sống được! Có thể sống được!

Nét mặt lão có vẻ đắc ý như đã chứng thực được điều gì, mừng rằng mọi sự xảy ra đúng

như mình đã dự đoán. Hiển nhiên là lão nhìn về đau khổ, bất lực của ông bạn áo cầu kia mà khoan khoái trong lòng. Trong khi người ta thắng ngựa vào xe ở trên bờ, lão bảo:

- Đường lúc này dơ lắm, ông Vassili Sergreévitch ạ. Ông nên đợi một hai tuần nữa rồi hãy đi cho nó khô ráo hơn. Hoặc tốt nhất là đừng đi nữa... Đi đi lại lại như vậy, giá có ích lợi chút gì thì... nhưng ông thấy đấy, thiên hạ đi luôn, bất tận, suốt ngày đêm mà có được việc gì đâu. Sự thực như vậy!

Vassili Sergreévitch làm thỉnh, thưởng cho lão một số tiền, leo lên xe đi.

Semione co ro vì lạnh, bảo:

- Hấn phi ngựa đi kiếm y sĩ đấy! Ừ, đi kiếm một lương y, chú mày, cứ đuổi gió trong cánh đồng, ráng chụp lấy đuôi con Quỷ đi, và quan ôn bắt chú mày đi! Thiên hạ kì cục thật! Xin Chúa xá tội cho con!

Gã Thát Đát lại gần Semione, hần học, ghé tòm nhìn lão rồi run run, xen lẫn tiếng Thát Đát và tiếng Nga ngọng nghịu của hấn, bảo:

- Ông ấy tốt... tốt! Còn bác xấu! Bác xấu! Ông quý tộc ấy có một tâm hồn tốt, rất tốt! Còn bác là một con thú rừng, bác xấu! Ông quý tộc còn sống, còn bác chết rồi... Chúa sinh ra loài người để cho sống, có vui, có buồn, có đau khổ, còn bác, bác không muốn gì hết; như vậy là bác không sống, bác chỉ là một phiến đá, một cục

đất sét. Một phiến đá không cần gì hết, bác cũng không cần gì hết... Bác là một phiến đá, và Chúa không yêu bác mà yêu ông quí tộc!

Mọi người cười rộ; Gã Thát Đất bấu môi tỏ vẻ ghê tởm, khoa tay một cách bất lực, rồi co ro trong bộ áo rách, lại gần đóng lửa. Semione và mấy người chèo đò lết chân trở về chòi.

Một người chèo đò vừa nằm dài trên lớp rom phủ lên mặt đất sét ẩm thấp, vừa càu nhàu:

- Lạnh quá!

Một người khác nói theo:

- Ừ lạnh thật! Thân phận con chó!

Mọi người nằm xuống. Gió thổi tung cánh cửa, tuyết bay vô chòi. Không ai buồn đứng dậy khép cửa lại; họ lạnh và ngại lắm.

Lão Semione sắp thiu thiu, bảo:

- Tôi thì tôi thấy ấm. Chúa không thiên vị ai, đời ai cũng như nhau!

- Bác thì ai mà chẳng biết, cứ trơ trơ ra mà! Quỉ nó cũng chạy bác.

Ở ngoài có tiếng vọng vào như tiếng chó sủa.

- Cái gì vậy? Ai đó?

- Thằng Thát Đất nó khóc đấy.

- Thằng đó cũng kì cục nữa!

Lão Semione bảo:

- Rồi nó sẽ quen.

Chẳng bao lâu mấy người kia cũng ngủ. Và cửa vẫn để ngỏ.

(Dịch theo bản *J'ai lu*)

BỨC THU

Vagnka Joukov chín tuổi, học nghề từ ba tháng nay ở tiệm giày của chú Aliakhine. Đêm Noel em không ngủ. Em đợi cho chủ và các bạn học nghề đi làm lễ rồi mới lấy trong hộp tủ của chủ ra một bình mực nhỏ, một cây viết ngòi đã sét và bắt đầu viết. Trước khi nắn nét viết chữ đầu, em lén ngó ra cửa và cửa sổ mấy lần, liếc nhìn hình thánh tối tăm chen vào giữa những ngăn chạy theo tường, nơi để những cái nong giày. Vaynka quì trước một chiếc ghế dài trên đặt một tờ giấy trắng. Em viết:

"Thưa ông nội Constantin Makarytch. Con viết thư cho nội. Con chúc nội một lễ Noel vui vẻ và cầu Chúa ban thật nhiều phúc cho nội. Con không còn cha, không còn mẹ, chỉ còn có một mình nội!"

Vagnka ngó lên tấm đá vuông tối tối, có ánh nến chập chờn chiếu vào, mà nhớ lại rõ hình ảnh linh động của ông nội em, Constantin Makarytch, gác đàn cho ông bà Jivarev, một ông lão mảnh khảnh sáu mươi lăm tuổi mà lanh lẹn hoạt động lạ thường. Nét mặt lúc nào cũng cười

cười, cặp mắt như người say rượu. Ban ngày ông ngủ trong bếp của gia nhân hoặc đùa bỡn với mấy chị bếp; ban đêm ông khoác một chiếc áo cầu rộng, bằng da cừu, đi chung quanh điền trang và gõ một thứ mõ.

Con chó cái già "Củ ấu" và con chó đực "Con lươn" đi theo ông; người ta đặt tên cho chúng như vậy. Vì con trước lông đen, con sau mình dài. "Con lươn" bản tính rất dễ dạy và âu yếm; nó ngó người trong nhà cũng như người lạ một cách cảm động, nhưng không ai tin nó cả. Bề ngoài khúm núm, nhu thuận mà bề trong thì thâm hiểm, giả dối vô cùng. Nó len lén lại gần rồi tấp vào bắp chân ta lúc nào không hay; nó có tài len lỏi vào hòm chứa đồ ăn, hoặc bắt trộm một con gà giò của một nông dân, quỉ quyết không ai bằng. Đã mấy lần nó đã bị người ta dùng chày đánh gãy hai chân sau; đã hai lần nó bị treo cổ, và không có tuần nào nó không bị đánh tàn nhẫn, tưởng chết, vậy mà lần nào nó cũng hồi sinh.

Vào giờ này đây chắc ông nội nó đương đứng trước cổng, nheo nheo mắt nhìn các cửa kính đỏ chói của giáo đường trong làng. Ông nện gót giày trên các gia nhân. Chiếc mõ đeo vào dây lưng. Ông khoa tay, vắn vẹo mình vì lạnh, cười cười, vể già nua, khi thì véo chị bồi phòng, khi thì véo chị bếp. Ông chìa hộp thuốc lá cho họ:

- Này, các cháu có hít một chút không?

Họ hít và hắt hơi, thế là ông phá lên cười, sướng vô cùng... Ông cũng cho chó hít thuốc nữa. Con "Củ ấu" hắt hơi, quay cái mũi to và tròn như cái nắm giận dữ quay đi. "Con lươn" vẫn khúm núm, không hắt hơi nhưng vẫy đuôi. Trời thật đẹp! Không khí yên lặng, trong trẻo, mát mẻ. Tuy đêm tối nhưng cũng thấy được các nóc trắng trong làng, những tia khói đưa lên, những cây đóng giá lấp lánh như bạc và những đồng tuyết. Vòm trời lác đác những ngôi sao nhấp nháy như nhảy múa, và dải Ngân hà nổi bật lên như được chùi rửa bằng tuyết trước ngày lễ...

Vaynka thở dài, nhúng ngòi bút vào bình mực, viết tiếp:

"Hôm qua con bị một trận đòn. Ông chủ đã nắm tóc con lôi ra tới sân quất con vì khi ru đứa bé của ông bà, con vô ý ngủ gục. Rồi hôm nọ trong tuần này, bà chủ sai con đánh vầy một con cá mèi và con đã bắt đầu đánh vầy từ đuôi lên, thì bà chộp lấy con cá nhét vào miệng con. Các thầy kí sai con đủ chuyện: lại quán mua rượu mạnh cho họ, bắt con lấy lén dưa chuột của chủ, và ông bắt gặp con tại trận, thế là vớ được cái gì ông lấy cái đó đập con. Mà không có gì để ăn cả! Sáng bánh mì, trưa sữa quấy bột, tối lại bánh mì; còn cà phê và xúp nấu cải thì ông chủ bà chủ húp hết.

"Rồi người ta bắt con ngủ ở phòng ngoài và khi đứa bé khóc thì con không sao chợp mắt

được vì phải dỗ nó. Thưa nội, xin nội vì tình yêu Chúa mà ban cho con một ân huệ: cho con ra khỏi nhà này, cho con về nhà, về làng đi, con hết chịu nổi rồi. Con van lạy nội, con cầu Thượng Đế suốt đời ban phúc cho nội, nhưng nội đưa con về đi, không thì con chết mất..."

Vagnka nhắm mắt, đưa năm tay lem luốc lên dụi mắt, và khóc nức nở, viết tiếp:

"Con sẽ xát thuốc⁽¹⁾ cho nội, con sẽ cầu nguyện Thượng Đế, và con có làm cái gì bây thì xin nội cứ quất cho con nên thân đi. Và nếu nội nghĩ không có việc gì cho con làm thì con xin Chúa Kitô cho con đánh giày cho ông quản gia hoặc thay Fiecka mà giúp chú chăn cừu. Nội ơi, nội yêu quý của con, con hết chịu nổi rồi, chết mất thôi, nội ạ! Con muốn chạy một mạch về làng, nhưng con không có giày, con sợ lạnh lắm. Và sau này lớn lên, con sẽ nuôi nội để đáp ơn nội, con không để cho ai làm khổ nội, và khi nào nội chết, con sẽ cầu siêu cho nội, như đã cầu cho má con.

"Vói lại Moscou là một thành phố lớn. Nhà nào cũng là dinh thự cả, và có nhiều ngựa mà không có cừu, và chó thì không dữ.

"Ở đây con nít không rước đèn ngôi sao đêm Noel, người ta không cho chúng hát ở giáo đường, với lại nội ạ, có lần con thấy trong tủ kính một tiếm nọ, người ta bày bán lưỡi câu móc sẵn mỗi

(1) Xát thuốc lá cho thành bột để hút, chứ không phải để hút.

nữa, câu loại cá nào cũng được. Giá đắt lắm; có một cái lưỡi câu, kéo lên được cả một con cá nheo nặng mười lăm kí! Và thấy có vài tiệm bán đủ các thứ súng, như của các ông lớn, mỗi cây giá ít gì cũng cả trăm đồng... Và trong các tiệm bán thịt, người ta bán cả chim đa đa, gà rừng và thỏ, không rõ người ta giết chúng ở đâu. Người bán hàng không nói cho biết.

"Thưa nội, khi chủ nhà trang hoàng cây Noel bằng bánh, kẹo, nội xin cho con một trái hạt dẻ bọc giấy vàng và giấu kĩ nó trong cái rương xanh cho con nhé. Nội xin cô Olga Ignatievna, bảo cô: "Tôi xin cho thằng Vagnka".

Nó thở dài, lại dăm dăm ngó cửa sổ. Nó nhớ rằng ông nội nó năm nào cũng vô rừng chặt thông về làm cây Noel cho chủ và dắt nó theo. Thời đó vui làm sao! Ông nội nó kêu "cục, cục" như gà, và nghe những tiếng đó, nó cũng kêu "cục, cục". Có lần, trước khi chặt thông, ông nội nó vừa hút ống điếu hoặc hít thuốc, vừa chọc nó mà nó thì lạnh run lên. Những cây thông còn non, giá phủ kín, đứng im, lạnh cóng, như đợi: tới phiên cây nào bị chặt đây? Một con thỏ không biết từ đâu tới bỗng chạy vút như một mũi tên trên những đống tuyết. Ông nội vội la lên: "Bắt lấy, bắt lấy nó. A, con quỉ!"

Chặt xong rồi, ông nội kéo cây thông về nhà chủ để người ta trưng. Cô Olga Ignatievna mà Vagnka yêu nhất, lẳng xẵng hơn cả. Khi Pélagie,

mẹ của Vagnka còn sống, thím làm bồi phòng và cô Olga tặng cho Vagnka biết bao mạch nha rồi không có việc gì làm, cô dạy nó đọc, viết, đếm đến một trăm, dạy cả vũ điệu bốn người một bộ (quadrille) nữa. Nhưng khi thím Pélagie chết, người ta cho nó xuống ở bếp gia nhân, với ông nội nó, rồi ở bếp gia nhân tại Moscou, bây giờ ở với chú thợ giày Aliakhine.

Vagnka viết tiếp:

"Nội tới mau đi, vì tình thương Chúa Kitô, nội cho con ra khỏi nơi này đi, con van nội! Con mồ côi mồ cút, nội thương con với, vì ở đây ai cũng đánh đập con, con đói khiếp lắm, nội ơi, con buồn chán mà không biết kể sao cho nội nghe. Con khóc hoài. Rồi hôm nọ nữa, ông chủ cầm cái nong giày đập vào đầu con, mạnh tới nỗi con té xỉu, tưởng không tỉnh lại được nữa chớ. Đòi gì mà điều đúng, không bằng con chó nữa... Rồi con cũng xin gói lời chào Aliana, Igor - chó - săn, và chú xà ích, còn cái accordéon⁽¹⁾ của con, nội đừng cho ai nhé. Con là cháu của nội, Ivan⁽²⁾ Joukov. Nội tới đi, nội!"

Vagnka gấp bức thư làm bốn, cho vào một bao thư đã mua một xu hôm trước. Suy nghĩ một chút, nó nhúng ngòi bút vào bình mực và đề địa chỉ:

(1) Một thứ phong cầm nhỏ.

(2) Tức Vagnka.

Kính gọi ông nội con ở làng

Rồi nó gãi đầu, suy nghĩ viết thêm:

Kính gọi ông Constantin Makarytch

Mừng rằng trong khi viết không bị quấy phá, nó đội mũ cát két, rồi cũng chẳng buồn bận thêm chiếc áo ngoài xấu xí lót lông nũa, nó ra đường với mỗi chiếc sơ mi trên mình.

Các thầy kí ở hàng thịt nó hỏi hôm trước đã bảo nó rằng cứ liệng thư vào một thùng thư rồi sẽ có người trạm say rượu lại lấy để phân phát trên khắp địa cầu trong những chiếc xe ngựa (troika) có lục lạc của sở Bưu Chính.

Vagnka chạy tới thùng thư gần nhất, nhét bức thư quý báu ấy vào miệng thùng...

Một giờ sau, tràn trề hi vọng êm đềm, nó ngủ say như chết. Nó nằm mê thấy lò sưởi. Ông nội nó ngồi trên lò⁽¹⁾, hai chân trần bỏ thông xuống. Ông đọc thư cho các chị ở nghe... "Con lươn" ve vẩy đuôi chạy chung quanh lò.

Dịch theo bản *Albin Michel*

(1) Nông dân Nga không ngủ trên giường mà trên lò sưởi bằng gạch. Lò cũng dùng làm ghế nũa.

ĐẸP

Tchékhov kể cho Souvorine nghe rằng, hồi còn thiếu niên, một lần đương ngồi nhìn bóng mình trong một cái giếng hẻo lánh thì một thiếu nữ mười lăm tuổi lại múc nước. Thấy cô em đẹp quá, chàng ôm chăm lấy hôn; rồi hai người ngồi với nhau rất lâu, lặng lẽ nhìn nước giếng. Chàng không muốn về nhà mà cô em cũng quên việc múc nước.

Trong truyện Đẹp này, Tchékhov cho hay ông còn hai lần mê mẩn tâm thần vì sắc đẹp của phụ nữ, mà lần nào ông cũng buồn, một nỗi buồn kì dị, vô cớ mà dễ chịu. Tôi chỉ dịch một trong hai hồi kí ấy thôi.

Tôi nhớ hồi còn học năm thứ năm hay thứ sáu trung học, tôi theo ông nội tôi đi qua làng Bolchair Ksepkaia, tỉnh Don, để tới Rostov. Tháng tám, không khí nóng như thiêu, làm kiệt sức con người. Gió hanh hùng hực tạt vào mặt chúng tôi từng đám bụi cát, mắt chúng tôi díp lại mà miệng thì khô. Không còn muốn nhìn, nói hay suy nghĩ gì cả, và khi chú xà ích tên là Karpo, nửa thức nửa ngủ, quất ngựa, ngọn roi đập vào

chiếc mũ cát-két của tôi, tôi bưng tỉnh mà không phản kháng, không nói một tiếng, chỉ rầu rĩ, an phận nhìn xem xa xa có một làng nào hiện sau đám bụi mù không.

Để cho ngựa ăn, chúng tôi ghé vào nhà một phú gia Arménie⁽¹⁾, bạn của ông nội tôi, ở làng Baktchi-Sakakh (...)⁽²⁾

Trong nhà không có gió, không có bụi, nhưng không khí cũng khó chịu, ngột ngạt, bực bội như trong đồng cỏ hoang và trên đường cái. Tôi nhớ rõ tôi ngồi trên một cái ruong sơn xanh trong một góc phòng, mình đầy bụi, mệt đừ và nóng quá. Vách ván không sơn, đồ đạc và sàn sơn màu thổ hoàng, tiết ra một mùi gỗ khô cháy nằng. Ngó phía nào cũng chỉ thấy ruồi, ruồi, ruồi khắp nơi... Ông nội tôi và ông Arménie nói chuyện nho nhỏ với nhau về đồng cỏ, về đập lúa, về cừu... Tôi biết rằng ít nhất phải một giờ mới nấu xong trà, rồi ông nội tôi cũng uống trà ít nhất một giờ nữa, lại đánh một giấc hai ba giờ nữa, thế là tôi phải đợi mất năm sáu giờ, sau đó lại phải chịu cảnh nóng, bụi, xe nhồi lên nhồi xuống...

Một thôn nữ, khăn choàng lên vai theo kiểu Ukraine⁽³⁾, bung một chiếc khay có li, đĩa, rồi

(1) Một miền đồi cao, một phần thuộc về miền Transcaucasie của Nga, còn hai phần kia thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ và Ba Tư.

(2) Trong bài này tôi cắt bỏ vài đoạn ngắn. (N.D).

(3) Một miền ở Tây Nam nước Nga.

ấm nấu trà ra. Ông Arménie đứng đĩnh bước ra cửa, lớn tiếng gọi;

- Machia, lên hầu trà, con! Con ở đâu đó, Machia?

Có tiếng bước vội, rồi tôi thấy xuất hiện một thiếu nữ trạc mười sáu tuổi, chỉ bận một chiếc áo dài bằng vải bông có hoa và choàng một chiếc khăn trắng trên vai. Nàng đứng quay lưng lại phía tôi mà rửa li và rót trà, và tôi chỉ nhận thấy một thân hình mảnh mai, đi chân không, quần thả chùng, phủ hai gót chân nhỏ nhắn.

Chủ nhà mời tôi lại uống trà. Khi tôi ngồi vào bàn, thiếu nữ bưng một li trà mời tôi, tôi ngược mắt lên nhìn mặt nàng, và thành linh như có một cơn gió thổi vào tâm hồn tôi, quét đi bớt những bụi bặm cùng những ấn tượng bực bội hôm ấy: tôi đã được thấy những nét mê hồn của một khuôn mặt đẹp nhất mà tôi chưa từng được ngắm, dù trong cõi thực hay cõi mộng. Như một tia chớp, mới thoáng nhìn, tôi đã biết rằng một giai nhân đứng trước mặt tôi.

Tôi tin chắc rằng Macha - hoặc Machia như thân phụ nàng gọi - tuyệt đẹp, nhưng tôi không thể chỉ rõ ra nàng đẹp ở đâu. Đôi khi có những đám mây hiện lên lộn xộn ở chân trời, mặt trời lấp ló phía sau, làm cho trời mây nhuộm đủ màu: đỏ thắm, da cam, vàng, hoa cà, hồng hồng; cụm này giống một tu sĩ, cụm kia giống một con cá, cụm thứ ba giống một người Thổ chít khăn.

Ánh chiều đỏ thắm làm cho một phần ba vòm trời sáng rực lên, nó lấp lánh trên cây thánh giá một giáo đường, trên cửa kính một đền trang, trên mặt sông mặt hồ, nó chập chờn trên cành lá, và xa xa trên nền trời hoàng hôn, một đàn le le bay về tổ... Và người chần cừ thúc đàn cừu, thấy họa đồ ngôi xe đi dọc theo đập nước, các ông chủ đi dạo mát, hết thấy đều ngắm cảnh mặt trời lặn, đều thấy tuyệt đẹp mà không ai biết và có thể nói đẹp ở đâu.

Không phải một mình tôi thấy thiếu nữ đó đẹp. Ông nội tôi đã tám mươi tuổi, nghiêm khắc, thân nhiên với đàn bà và vẻ đẹp thiên nhiên, mà cũng cảm động ngắm nàng trong một phút rồi hỏi:

- Cháu đấy hả, bác Avet Nazarytch?

Chủ nhân đáp:

- Vâng, cháu đấy.

Ông nội tôi khen:

- Cô bé đẹp thật.

Vẻ đẹp của nàng là thứ mà họa sĩ gọi là cổ điển và nghiêm. Không hiểu hễ nhìn thấy thứ đẹp ấy thì ta tin chắc rằng từ nét mặt đều đặn tới tóc, mắt, mũi, miệng, cổ, ngực và mọi cử động của thân thể mon môn kia, hết thấy đều hòa hợp, ăn nhập với nhau và hóa công đã không hề lầm lẫn một chút, dù chỉ trong chi tiết. Ta bất giác có cảm tưởng rằng một phụ nữ tuyệt đẹp thì phải có cái mũi dọc dừa và tròn ở chóp ấy, phải có cặp mắt lớn và đen ấy, những lông mi

dài ấy, khỏe mắt tình tứ ấy; còn mớ tóc quăn và cặp lông mày đen kia hợp với nước da mịn màng trên trán, trên má, cũng như đám sây xanh hợp với một dòng nước lặng lẽ. Cổ trắng, ngực chưa hoàn toàn nở nang, nhưng ta có cảm tưởng rõ rằng nhà điêu khắc phải có thiên tài mới tạc được những hình như vậy. Ngắm nàng thì lần lần ta nảy ra ý muốn nói với nàng một câu nào đó cực kì dễ thương, thành thực, đẹp, đẹp ngang với nàng vậy.

Mới đầu tôi phiền lòng, giận nàng sao không chú ý chút gì tới tôi cả mà mắt cứ một mực ngó xuống. Cơ hồ như có một lần không khí vui vẻ, tự cao phân cách nàng với tôi, che chở nàng không cho mắt tôi xâm phạm. Tôi nghĩ bụng: "Vì mình đầy bụi, rám nắng và hầy còn là con nít".

Nhưng lần lần tôi không nghĩ tới nữa mà để hết tâm thần hưởng cảm giác đẹp. Tôi quên cảnh buồn chán trên đồng cỏ, bụi bặm trên đường cái, tôi không nghe thấy tiếng ruồi vo ve nữa, không thấy vị trà nữa, chỉ biết rằng một thiếu nữ đẹp đứng ở bên kia bàn.

Ấn tượng đẹp ấy gây cho tôi một tâm trạng kì dị. Ngắm Macha, tôi không có cảm giác ham muốn, hoan hỉ, bông bột, mà chỉ thấy buồn rầu, nhưng dễ chịu. Một thứ buồn mơ hồ như giấc mộng. Tôi lơ mơ thương hại cho tôi, ông nội tôi, cha nàng và cả nàng nữa; tôi có cảm tưởng rằng cả bốn chúng tôi đều mất một cái gì rất quan

trọng, cần thiết cho cuộc sống, không sao tìm lại được. Chính ông nội tôi cũng hóa ra buồn, không nói về việc đập lúa, nuôi cừ nữa, mà lặng lẽ nhìn Macha, về suy tư.

Uống trà xong, người đi nghỉ trưa, còn tôi ra ngồi ở bực thềm. Ngôi nhà này cũng như tất cả các nhà khác ở Bakhtchi Salakh, cất trên chỗ nắng chang chang, không có một gốc cây, một mái hiên, một bóng mát nào cả (...)

Bực thềm nóng bỏng và mặt trời dội xuống muốn cháy dầu, ngực và lưng tôi, nhưng tôi không nhận thấy, chỉ để ý tới tiếng chân không dẫm lên sàn, nhẹ nhàng, không vang động ở phía sau tôi.

Sau khi dọn bộ đồ trà rồi, Macha chạy vụt xuống các bực thềm, để lại phía sau một luồng không khí phất phất, rồi như một con chim, nàng bay vù tới một căn nhà nhỏ đen những khói - chắc là bếp - từ trong phát ra mùi thịt cừ quay và tiếng cười nói vui vẻ của mấy người Arménie. Nàng biến mất trong bóng tối sau cửa, một bà lão lưng khòm, mặt đỏ, bận quần phồng màu lục, lộ ra ở bực cửa, giận dữ mắng ai đó. Một lát sau, thiếu nữ trở ra, mặt đỏ vì lửa bếp, vác trên vai một ổ bánh đen lớn. Bánh nặng, nàng nghiêng mình một cách rất có duyên chạy lại phía sân đập lúa, trong nháy mắt nhảy qua hàng rào, rồi lại biến mất sau mấy chiếc xe.

Chú Ukraine dắt ngựa đánh rớt cây roi, làm thỉnh và lặng lẽ nhìn theo về phía các xe rồi khi thiếu nữ lại chạy vù tới gần mấy con ngựa, nhảy phóc một cái qua hàng rào thì chú ngó theo nàng, la mấy con ngựa, giọng xót xa như bị thương mà đứt da vậy:

- Quỷ bắt tụi bay đi, mấy con mắc dịch này!

Suốt ngày hôm ấy không lúc nào tôi không nghe thấy tiếng chân không của nàng và nhìn nàng lặng xặng trong sân, vẻ nghiêm trang, bận rộn. Khi thì nàng chạy lên thêm, để lại một luồng gió phía sau; khi thì vô bép, ra sân đập lúa hoặc ra khỏi cái cổng cho xe vô; tôi quay đầu muốn không kịp để theo dõi các cử động của nàng.

Nàng càng vụt qua vụt lại, đẹp dễ trước mắt thì tôi càng thấy buồn thắm thía. Tôi thương hại cho tôi, cho nàng, cho chú Ukraine rầu rĩ ngó theo nàng mỗi khi nàng chạy về phía để xe. Phải tôi ghen vẻ đẹp của nàng không? hay tiếc rằng tôi là người lạ đối với nàng, tiếc rằng nàng không bao giờ thuộc về tôi? Có lẽ tôi lơ mờ cảm thấy rằng cái vẻ đẹp hiếm có kia ngẫu nhiên mà vô ích, rồi cũng phù du như mọi sự ở đời này; hay đó là cảm tưởng đặc biệt của con người khi ngắm cái gì thật đẹp? Ai mà biết được?

Ba giờ chờ đợi trôi qua lúc nào tôi không hay. Tôi vẫn thấy chưa có đủ thì giờ ngắm Macha cho thỏa thích. Karpo dắt ngựa xuống sông tắm

rồi thắng nó vào xe. Con ngựa ướt hết mình, thở phì phì, thích lắm và gõ móng cào vào xe. Karpo la nó: "Lùi lại!". Ông nội tôi thức dậy. Macha ra mở cổng xe, có tiếng cọt két, chúng tôi lên ngồi trong xe, ra khỏi sân. Xe lăn trên đường, không ai nói với ai, như thể bực tức điều gì.

Hai ba giờ sau, chúng tôi thấy thị trấn Rostov và Nakhitchovan ở xa; Karpo suốt thời gian ấy làm thinh, bảy giờ mới quay phắt lại, bảo:

- Cô con gái ông Arménie đẹp quá trời.

Rồi chú quất ngựa.

Dịch theo bản *J'ai lu*

SỢ

(Do một người bạn kể lại)

Ở Đại học ra, Dmitri Petrovitch Siline mới đầu làm công chức ở Pétersbourg, nhưng năm ba mươi tuổi xin thôi việc để về nhà làm ruộng. Tuy anh thành công nhưng tôi cảm thấy rằng chỗ của anh không phải ở nơi đồng bãi này, giá trở về làm công chức ở Pétersbourg thì hơn.

Mỗi khi gặp anh, da sạm nắng, bụi đầy người, đứng ở cổng điền trang hay ở cửa nhà, rồi sau bữa tối, ráng chống với giấc ngủ, đợi theo vợ vô phòng như một em bé; hoặc những khi anh thắng được cơn buồn ngủ mà trình bày những tư tưởng nhân từ bằng một giọng dịu dàng như giọng đàn bà, thành thật, khẩn khoản, thì không còn thấy anh là một chủ điền, một nhà nông học nữa, mà chỉ thấy anh quá mệt mỏi thôi. Tôi tin chắc rằng những lúc ấy anh chẳng quan tâm gì tới canh nông cả mà chỉ cầu cho mau được về phòng ngủ; xong công việc trong ngày rồi, nóng quá.

Tôi thích lại anh chơi và có lần tôi ở luôn hai ba ngày. Tôi ưa ngôi nhà chung quanh có vườn rộng trồng hoa quả và một con rạch nhỏ

của anh; tôi cũng ưa lối anh nhìn đời hơi nhu nhược, trang nghiêm nhưng sáng suốt. Có thể tôi cũng yêu anh vì tính tình của anh nữa, nhưng điều ấy tôi không dám chắc vì ngay bây giờ tôi cũng vẫn không hiểu rõ tình cảm của tôi thời ấy. Anh là một người thông minh, nhân từ, dễ thương và hoàn toàn chân thành, điều ấy không còn ngờ gì nữa, nhưng tôi nhớ rõ khi anh kể lẽ tâm tình với tôi, bảo tôi là bạn thân của anh thì tôi thấy khó chịu, ngượng ngùng. Tôi không thích anh đối với tôi thân mật quá, cứ coi nhau như bạn thường thôi mà lại hơn.

Sự thực, chính vợ anh, chị Marie Serguieievna mới đặc biệt làm cho tôi vui. Tôi không mê chị, nhưng tôi yêu nét mặt, cặp mắt, giọng nói, dáng đi của chị và lâu không gặp thì tôi nhớ nhớ. Hồi đó nghĩ tới phụ nữ là tôi thích gọi lại trong trí hình ảnh thiếu phụ trẻ đẹp, lịch sự ấy hơn cả. Tôi không có một chủ ý rõ rệt gì về chị, không tưởng tượng gì hết, nhưng mỗi khi ngồi một mình với chị thì tôi bất giác nhớ lại rằng chồng chị coi tôi là bạn thân và tôi lấy vậy làm ngượng.

Khi chị đánh đàn piano, lựa những bản tôi ưa nhất, hoặc khi chị kể một chuyện vui thì tôi thích thú ngồi nghe, nhưng đồng thời tôi bất giác nhớ lại rằng chị yêu chồng và cả hai anh chị đều coi tôi là bạn thân của anh, thế là bỗng nhiên tôi rầu rầu nét mặt, mất tự nhiên, hết vui, chán chường. Thấy tôi thay đổi tính tình như vậy, chị thường bảo:

- Hễ không có nhà tôi thì anh buồn. Phải cho người ra ngoài ruộng gọi anh về mới được.

Và khi Dmitri Petrovitch về thì chị bảo tôi:

- Đấy, bạn thân của anh về đấy. Vui vẻ lên nào.

Một ngày chủ nhật tháng bảy, ở không, Dmitri và tôi ra chợ Klouchkine mua thêm mấy món ăn giặm cho bữa tối. Chúng tôi vô hết tiệm này đến tiệm khác trong khi mặt trời lặn, và có lẽ không bao giờ tôi quên được buổi chiều hôm ấy. Sau khi mua một thứ phô-mai cứng như xà bông và một ít dầu khô đét, hôi như hắc ín, chúng tôi tìm một quán rượu, uống la-ve. Chú xà ích đã đến một lò rèn thay móng ngựa. Khi nào xong sẽ lại đón chúng tôi ở gần giáo đường. Trong khi chúng tôi đứng đĩnh vừa đi vừa nói chuyện, đùa cợt về những món mới mua thì một người lặng lẽ theo chúng tôi, vẻ bí mật như dò thám.

Tên thực gã này là Gabriel Sévérov, hoặc thân mật hơn, Gavriouchka, nhưng trong miền ai cũng gọi hắn bằng một tên hơi kì cục: Bốn-mươi-khổ-nhục. Hắn đã làm bồi phòng cho tôi trong một thời gian, rồi tôi phải cho thôi vì tật say rượu. Hắn cũng giúp việc cho Dmitri, rồi cũng bị đuổi vì lí do ấy. Nghiện rượu thâm căn cố đế rồi. Cả cuộc đời cũng như bản thân hắn, hư hỏng chỉ vì rượu. Cha làm mục sư, mẹ dòng dõi quý phái, hắn thuộc vào giai cấp thượng lưu được hưởng nhiều đặc quyền. Nhưng tôi nhìn kĩ

cái mặt xanh xao, khúm núm, lúc nào cũng nhể nhãi mồ hôi, bộ râu hoe hoe hoa râm, chiếc áo vét-tông tồi tàn, rách rưới và chiếc sơ mi đỏ, lòng thùng, phát phơ của hắn, tôi không thấy chút dấu vết gì đáng gọi là "đặc quyền" cả. Hắn khoe có học thức, học ở chủng viện, chưa ra trường thì bị đuổi vì tội hút thuốc. Rồi sau, cũng theo hắn nói, hắn ở trong ca đội thuộc quyền trưởng giáo chủ, và sống hai năm trong một tu viện, lại bị trục xuất nữa, lần này không vì hút thuốc mà vì tội "nhu nhược". Hắn đã đi bộ khắp tỉnh và không ai hiểu tại sao, gởi đơn thỉnh nguyện lên Hội nghị tôn giáo và lên nhiều thẩm cấp của quốc gia. Bốn lần bị đưa ra tòa. Sau cùng phiêu bạt tới hạt chúng tôi, hắn đi ở, coi rùngr, cuỡi ngựa theo chó săn của chủ, gác đàn giáo đường. Hắn cưới một chị bếp góa chồng, lẳng lơ, rớt cuộc sa lầy với bọn đầy tớ gái, quen nhơ nhớp, và ngồi lê đôi mách khoe sự giáo dục quý phái của mình như một chuyện hoang đường, không ai tin được. Lúc câu chuyện này xảy ra, hắn lang thang, làm lang băm và săn bắn; còn mẹ vợ thì đã bỏ đi đâu mất rồi.

Ở quán rượu ra, chúng tôi lại giáo đường, ngồi dưới cửa để đợi chú xà ích. Bốn-mươi-khổ-nhục ngồi cách chúng tôi không xa, tay che miệng để có ho thì khỏi trái phép lịch sự. Trời đã tối; không khí ban đêm ẩm thấp mà trăng sắp mọc. Trên nền trời trong và đầy sao chỉ có hai đám mây ở ngay đỉnh đầu chúng tôi. Một đám lớn,

một đám nhỏ như mẹ với con, dắt díu nhau chạy về phía mặt trời đang lặn.

Dmitri Petrovitch bảo:

- Hôm nay đẹp trời thật!

Bốn-mươi-khổ-nhục lễ phép ho trong lòng bàn tay nắm lại, nói theo:

- Tuyệt đẹp...

Rồi bằng một giọng ngọt ngào, rõ ràng là muốn bắt chuyện: Tại sao hôm nay ông Dmitri Petrovitch lại nảy ra ý lại đây ngồi chơi?

Dmitri không đáp. Bốn-mươi-khổ-nhục thở dài và nói nho nhỏ mà không ngó chúng tôi.

- Tôi có đau khổ thì cũng chỉ vì lí do đó mà chết đi tôi sẽ phải trình với Chúa. Tôi rõ ràng là con người hư hỏng, bất tài, nhưng xin ông tin tôi đi, tôi không có một miếng bánh nữa, số phận không bằng con chó nữa... Ông tha thứ cho tôi, ông Dmitri Petrovitch!

Dmitri lơ đãng không nghe; hai nắm tay chống cằm, anh đương nghĩ vợ vẫn. Giáo đường ở đầu con đường lớn, trên bờ sông hiểm trở, thấp thoáng sau hàng rào sắt là dòng sông, bên kia là đồng cỏ ngập nước và một đám lửa đỏ, bên cạnh có bóng đen người và ngựa qua qua lại lại. Nhìn ra xa nữa, có những ngọn lửa nhỏ hơn trong xóm... Có tiếng hát ở đó.

Sương mù trôi trên sông và trên đồng cỏ, từng đám mỏng, trắng như sữa, che khuất những ngôi sao lấp lánh và bám vào cây liễu. Chúng

luôn luôn thay hình đổi dạng, có đám như hòa lẫn vào nhau, có đám như chào hỏi nhau, lại có đám như đưa tay lên trời cầu nguyện, không khác một giáo trưởng bận lễ phục tay rộng. Có lẽ chính những đám sương này làm cho Dmitri nghĩ đến ma quỷ vì anh quay về phía tôi, mỉm cười, rầu rĩ hỏi:

- Này anh, tại sao khi chúng ta muốn kể một chuyện rùng rợn, bí mật, quái dị thì chúng ta không lựa chuyện trên cõi đời này mà lại lựa trong thế giới ma quỷ nhỉ?

- Cái gì người ta không hiểu nổi thì mới thấy rùng rợn.

- Vậy chứ anh hiểu được đời sống trên cõi này sao? Hiểu nó rõ hơn đời dưới âm phủ sao?

Anh ngồi sát tôi tới nỗi tôi thấy hơi thở của anh trên má tôi. Trong ánh chiều chạng vạng nét mặt tiêu tụy của anh có vẻ thêm xanh xao, và râu anh đen hơn mỡ hóng. Cặp mắt anh buồn rầu, thành thực, hơi sợ sệt, như anh sắp kể cho tôi nghe một chuyện rùng rợn. Anh ngó tôi rồi nói tiếp bằng giọng thường ngày như van lơn của anh:

- Đời sống chúng ta cũng không hiểu nổi và đáng sợ như cõi âm vậy. Người nào sợ ma tất cũng sợ bản thân mình, sợ những ngọn lửa kia, sợ vòm trời, vì xét cho cùng tất cả những cái đó cũng không hiểu nổi, quái dị như ma vậy (...)
Anh ạ, tôi không hiểu nổi đời sống và tôi sợ nó.

Có lẽ tôi là con người bệnh hoạn, muốn điên rồi chẳng? Một người bình thường, khỏe mạnh tưởng rằng mình hiểu hết những điều mình trông thấy, nghe thấy, còn tôi thì tôi đã mất lòng "tin tưởng" ấy, và càng ngày nỗi sợ của tôi càng tăng lên (...)

Tôi hỏi Dmitri:

- Nhưng cái gì làm cho anh sợ chứ?

- Cái gì cũng làm tôi sợ (...) Cái làm cho tôi sợ nhất là đời sống hàng ngày mà không ai tránh khỏi. Tôi không nhận định được trong các hành động của tôi đâu là giả dối, đâu là thành thực, và điều ấy làm cho tôi lo lắng. Tôi biết rằng hoàn cảnh và giáo dục của tôi giam hãm tôi trong một cái vòng chật hẹp gồm toàn những giả dối, và suốt đời tôi ngày nào cũng chỉ nghĩ tới chuyện lừa gạt mình và lừa gạt người khác mà không hay. Chính cái đó làm cho tôi sợ, cái ý nghĩ rằng cho tới khi chết, tôi cũng không thoát khỏi cái vòng giả dối ấy (...) Anh ạ, tôi không hiểu người khác, tôi sợ họ. Tôi sợ nhìn bọn nông dân, tôi không hiểu họ đau khổ, họ sống có vì một mục đích gì cao cả không. Nếu sống chỉ để hưởng lạc thì họ là những sinh vật thừa; vô ích; trái lại nếu ý nghĩa và mục đích đời sống là sự nghèo khổ, ngu dốt, vô vọng, không có lối thoát thì tôi không hiểu nổi cực hình ấy có cần thiết cho ai, cho cái gì không? Không, tôi chẳng hiểu gì cả, chẳng hiểu ai cả. Nào, xem anh có thể hiểu nổi một tên như tên này không? - Dmitri

vừa nói vừa trở - Bốn-mươi-khổ-nhục. Anh suy nghĩ một chút xem.

Bốn-mươi-khổ-nhục thấy cả hai chúng tôi cùng ngó hần, bèn lễ phép ho trong nắm tay và nói:

- Ở cho ông chủ nào tốt, tôi luôn luôn trung tín; nguyên do chỉ tại rượu thôi. Nếu bây giờ có ai thương hại cảnh khốn khổ của tôi, cho tôi công ăn việc làm thì tôi xin lễ tạ Chúa. Tôi không dám nói láo.

Người gác giáo đường đi ngang qua, ngạc nhiên ngó chúng tôi rồi đổ chuông mười tiếng, chậm chậm, ngân nga trong cảnh tĩnh mịch buổi tối.

Dmitri Petrovitch bảo:

- Mười giờ rồi⁽¹⁾ - Phải về thôi - Anh ta thở dài - A, anh đâu biết được (...) Trong đời, tôi đã là thằng ngốc. Ai cũng bảo tôi: Ông có vợ đẹp con khôn, mà chính ông cũng là người cha tốt. Người ta tưởng rằng tôi sung sướng lắm và ganh tị tôi. Nhưng đã nói ra thì xin nói hết, mong anh giữ kín cho: gia đình lạc thú của tôi chỉ là một sự hiểu lầm đáng buồn, và tôi sợ lắm.

Anh mỉm cười mà như mếu, một tay quàng lưng tôi, nói tiếp nho nhỏ:

(1) Ngày ở Nga có mùa rất dài, mặt trời mới lặn đã là mười giờ "tối."

- Anh là bạn trung tín của tôi. Tôi tin và quý anh lắm. Trời cho chúng ta bạn thân là để tâm sự với bạn cho vơi bớt những nỗi niềm kín đáo nó đè nặng lên lòng ta. Vậy anh cho phép tôi lợi dụng thân tình của anh mà kể hết sự thực anh nghe. Đời sống gia đình tôi mà anh cho là rất hạnh phúc đó lại chính là nỗi khổ tâm lớn của tôi đấy. Cuộc hôn nhân của tôi vừa khác thường vừa lố bịch. Trước khi cưới Marie, tôi đã yêu nàng như điên, đeo đuổi nàng hai năm liền. Năm lần cầu hôn, năm lần bị từ chối vì nàng chẳng có chút cảm tình gì với tôi cả. Nhưng lần thứ sáu tôi si tình, quì lết dưới chân nàng, xin nàng bố thí cho chút tình, nàng nhận lời, bảo: "Tôi không yêu anh đâu, nhưng tôi sẽ chung thủy.." Được lời như cởi tấm lòng. Lúc đó tôi hiểu nàng nói gì, nhưng bây giờ thì tôi thể với anh rằng tôi không hiểu nữa... "Tôi không yêu anh đâu, nhưng tôi sẽ chung thủy." Như vậy là nghĩa làm sao? Thực như sương mù, như bóng tối.

"Tôi thì tôi vẫn yêu nàng như ngày mới cưới; nhưng tôi cảm thấy nàng vẫn lạnh lùng với tôi như buổi đầu và chắc là vui sướng khi tôi đi khỏi nhà. Nàng có yêu tôi không, tôi không biết, thực tình là tôi không biết. Tôi không biết, mặc dầu chúng tôi sống chung với nhau, có con với nhau, gia sản cũng là của chung... Như vậy là nghĩa làm sao? Anh có hiểu chút gì không anh? Thật chua xót quá. Vì tôi không hiểu nổi nên có

khi tôi oán nàng, có khi tôi oán tôi, hoặc oán cả hai, trong đầu tôi cứ rối như bông bong, tôi tự hành hạ tôi, nói bậy nói bạ, còn nàng thì như cố tình, cứ mỗi ngày một đẹp thêm, đẹp mê hồn... Tôi thấy tóc nàng tuyệt đẹp mà nụ cười thì không một người đàn bà nào so sánh được. Tôi yêu nàng, yêu nàng một cách vô vọng! Điều ấy có ai hiểu nổi không? Có đáng sợ không? Còn khủng khiếp hơn ma quỷ nữa chứ!"

Tâm trạng anh như vậy, anh sẽ còn tiếp tục nói lâu nữa nếu chú xà ích không cho hay xe đã tới. Chúng tôi leo lên xe. Bốn-mươi-khổ-nhục, mũ trùm đầu trong tay, thu xếp cho chúng tôi ngồi, y như đã đợi từ lâu cái hân hạnh được đụng chạm vào thân thể quý báu của chúng tôi. Hấn chớp mắt lia lịa, đầu nghiêng trên vai, bảo:

- Ông Dmitri Petrovitch, ông cho phép con về với ông đi. Tội nghiệp con, con sắp chết đói.

Dmitri bảo:

- Được, cho làm thử ba ngày, rồi sau sẽ hay.

Đường dài khoảng sáu cây số. Dmitri sung sướng đã được thổ lộ tâm sự với tôi, nên quãng lung tôi suốt dọc đường. Không buồn rầu, lo lắng, mà trái lại vui vẻ, anh bảo tôi lần này mà việc gia đình thu xếp xong hết rồi thì anh sẽ trở lên Pétersbourg nghiên cứu khoa học. "Cái mốt thanh niên đua nhau trở về đồng áng đó, thật đáng tiếc. Chúng ta có đủ lúa mạch mà thiếu bọn trí thức. Hạng thanh niên lành mạnh, thông minh

phải chuyên tâm vào khoa học, nghệ thuật, chính trị, nếu không vậy thì phí lí lắm", anh nói vậy.

Anh vui vẻ thuyết lí, tỏ ý tiếc rằng sáng sớm hôm sau phải từ biệt tôi để dự một vụ bán rừng. Tôi thì tôi thấy khó chịu và buồn rầu như thể đã lừa gạt anh mà đồng thời tôi lại thấy thích. Tôi nhìn mặt trắng mới mọc, lớn và đỏ hoe mà tưởng tượng một thiếu phụ tóc vàng, cao, mảnh mai, da mặt mịn màng, lúc nào cũng trang nhã, tỏa một mùi như mùi xạ hương, và nghĩ rằng nàng không yêu chồng, tôi mừng rơn.

Về tới nhà, tôi ngồi vào bàn ăn liền. Chị Marie cười cười dọn cho chúng tôi mấy món ăn chơi, và tôi thấy quả thật tóc nàng rất đẹp, và không người đàn bà nào mỉm cười tươi như nàng. Tôi nhìn theo nàng, muốn thấy trong mỗi cử chỉ, khóe mắt của nàng có cái gì tỏ rằng nàng không yêu chồng. Và cơ hồ thấy cái đó.

Chẳng bao lâu, anh Dmitri phải chống lại với giấc ngủ. Ăn xong, anh chỉ ngồi với chúng tôi chưa đầy mười phút rồi bảo:

- Anh và nhà tôi cứ tự nhiên, tôi thì ba giờ sáng đã phải vậy. Vậy tôi xin cáo.

Anh âu yếm hôn vợ, xiết chặt tay tôi, tỏ vẻ mang ơn tôi lắm và bắt tôi tuần sau phải lại chơi. Rồi anh vô nhà mát ngủ để sáng hôm sau khỏi dậy trễ. Còn lại một mình tôi với Marie, tôi bảo:

- Bây giờ chị cho tôi nghe một khúc nào chứ?

Không phải là tôi thích nghe nhạc, chỉ là một cách gọi chuyện thôi. Nàng ngồi vào đàn piano, chơi một bản nào đó mà tôi không còn nhớ nữa. Ngồi cạnh nàng, tôi ngó hai bàn tay trắng muốt, mồm mím của nàng và ráng tìm hiểu vẻ mặt lạnh lùng, thản nhiên của nàng. Rồi thỉnh linh có cái gì làm cho nàng mím cười và nàng ngó tôi bảo:

- Vắng nhà tôi, anh lại buồn rồi.

Tôi cười:

- Vì tình bạn thì mỗi tháng tôi lại dây một lần cũng đủ, mà chị thấy, chưa đầy một tuần tôi đã lại.

Nói xong tôi đứng dậy, đi đi lại lại, trong lòng dao động. Nàng cũng đứng dậy, lại gần lò sưởi, cặp mắt lớn sáng, chăm chăm ngó tôi, hỏi:

- Anh muốn nói gì vậy?

Tôi không đáp. Suy nghĩ một chút, nàng nói tiếp:

- Anh nói sai. Anh lại đây chỉ vì anh Dmitri, điều đó tôi lấy làm mừng lắm. Thời này khó gặp tình tri kỷ như vậy.

Tôi nghĩ bụng: Ý, ý, rồi không đáp, mà hỏi lại nàng.

- Chúng ta ra vườn chơi nhé?

- Không.

Tôi ra sân. Ý nghĩ ngổn ngang trong đầu, tôi xúc động tới lạnh người. Tôi biết chắc rằng câu chuyện của chúng tôi sẽ nhạt nhẽo hết sức

và tôi không có can đảm nói, nhưng chính đêm nay đây, nhất định sẽ xảy ra cái điều mà tôi không dám mơ tưởng tới. Đêm nay đây, nếu không thì không còn cơ hội nào nữa.

Tôi nói lớn tiếng:

- Đêm đẹp quá.

Nàng đáp:

- Đẹp hay không thì đối với tôi cũng vậy.

Tôi trở vô phòng khách. Nàng vẫn đứng cạnh lò sưởi, tay chấp sau lưng, mắt ngó trong khoảng không, ra vẻ suy tư...

Tôi hỏi:

- Tại sao chị bảo đẹp hay không thì cũng vậy?

- Tại tôi buồn chán. Anh thì chỉ khi nào vắng mặt nhà tôi anh mới buồn chán, còn tôi thì lúc nào cũng buồn chán. Với lại... nhưng thôi, cái đó chẳng liên quan gì đến anh.

Tôi ngồi vào đàn piano, nhấn vài nốt, đợi nàng nói. Nàng, khóe mắt hần học, ráng nuốt hờn cho lệ khỏi trào ra, bảo tôi:

- Xin anh cứ tự nhiên, có buồn ngủ thì cứ đi ngủ, đừng nghĩ rằng vì là bạn của Dmitri mà phải miễn cưỡng ngồi tiếp chuyện vợ anh. Tôi không thích hi sinh. Thôi, xin anh đi ngủ đi.

Dĩ nhiên, tôi không đi. Nàng ra sân, tôi còn ở lại năm phút nữa trong phòng khách, lật coi mấy tập nhạc. Rồi tôi cũng bước ra. Chúng tôi đứng bên cạnh nhau, trong bóng râm ở phía trên các bụi thềm đầy ánh trăng. Bóng đen các cây

cao trải lên các bụi cây nhỏ và trên mặt cát vàng của các lối đi.

Tôi bảo:

- Ngày mai tôi cũng phải đi.

Nàng mỉm cười đáp:

- Dĩ nhiên, nhà tôi không có nhà thì anh không thể ở lại được! Tôi tưởng tượng nếu anh mê tôi thì anh sẽ khổ sở ra sao! Để rồi coi! Một ngày nào đó tôi sẽ xông lại bá cổ anh... Tôi đoán anh sẽ hoảng hốt chạy trốn ra sao. Ngộ dữ!

Nghe lời nói và coi khí sắc thì nàng ra vẻ giận sôi lên, nhưng khóe mắt nàng thì lại tình tứ, âu yếm, say đắm vô cùng. Tôi coi con người kiêu diễm ấy như đã thuộc về tôi rồi, và lần đầu tiên tôi nhận thấy cặp lông mày của nàng có màu vàng tuyệt đẹp tôi chưa từng thấy. Nghĩ rằng tôi có thể ngay lúc đó kéo nàng lại sát tôi, vuốt ve nàng, sờ trớn làn tóc đẹp của nàng, tôi bỗng thấy sợ quá, như một phép màu và tôi lim dim cặp mắt, cười.

Nàng bảo:

- Dù sao thì cũng tới lúc... Chúc anh ngon giấc.

Tôi cười, đáp:

- Tôi không muốn ngon giấc. Tôi sẽ oán đêm nay lắm nếu chỉ được ngủ ngon thôi.

Tôi theo nàng vô phòng khách, nắm tay nàng, vừa dắt lại cửa vừa dò nét mặt nàng, biết rằng

nàng hiểu ý tôi và sung sướng rằng tôi cũng hiểu nàng.

Tôi vô phòng tôi. Trên bàn, bên cạnh mấy cuốn sách của tôi có chiếc mũ cát-két của Dmitri khiến tôi nhớ đến tình thân anh đối với tôi. Tôi lấy cây can, đi xuống vườn. Sương mù đã xuống, cũng những hình ma cao lớn và mong manh ấy, mấy giờ trước hiện trên sông thì bây giờ trôi vạt vờ quanh các thân cây và bụi rậm.

Mỗi chiếc lá, mỗi giọt sương hiện rõ môn một trong không khí cực kì trong trẻo; vạn vật âm thầm mỉm cười với tôi trong cảnh tĩnh mịch ban đêm và khi đi ngang qua những chiếc ghế dài xanh, tôi nhớ câu của Shakespeare: giấc ngủ của ánh trăng trên chiếc ghế này êm đềm làm sao.

Có một mô đất trong vườn; tôi leo lên đó ngồi. Tôi khoan khoái. Tôi biết chắc sắp được ghi chặt tấm thân tuyết mịn, hôn cặp lông mày vàng, óng ánh đỏ, vậy mà tôi không muốn tin điều đó chứ, tôi muốn nhạo tôi nữa và tiếc rằng sao nàng không hành hạ tôi thêm nữa, mà xiêu lòng mau quá vậy.

Bỗng tôi nghe thấy những bước chân nặng nề. Một người vóc trung bình hiện ở lối đi và tôi nhận ngay ra là Bốn-mươi-khổ-nhục. Hắn ngồi lên chiếc ghế, thở dài thườn thượt, làm dấu thánh giá ba lần rồi nằm xuống. Một phút sau hắn nhồm dậy, rồi nằm lại, nghiêng qua bên kia.

Đêm ẩm thấp và nhiều muỗi, làm cho hấn khó ngủ. Hấn than thở:

- Đòi gì mà khốn nạn, cay đắng.

Tôi nhìn thân thể gầy còm, khòm khòm, nghe tiếng thở dài khàn khàn của hấn, tôi nhớ tới một cuộc đời khác cũng khốn khổ, cay đắng đã tâm sự với tôi chiều hôm ấy và tôi thấy hạnh phúc của tôi tàn nhẫn, đáng sợ. Tôi rời mô đất, trở vào nhà. Tôi nghĩ bụng:

- Anh ấy cho là đời sống đáng sợ, vậy thì còn thắc mắc làm gì? Coi thường nó đi, trước khi nó đè bẹp ta, ta cướp giật được của nó chút lạc thú nào thì cứ cướp.

Marie Serguieievna đứng ở trên sân. Tôi lặng lẽ ôm nàng rồi hôn lấy hôn để vào lông mày, thái dương, cổ nàng...

Trong phòng tôi, nàng thú rằng đã yêu tôi từ lâu rồi, trên một năm rồi. Nàng thề thốt, khóc lóc, năn nỉ tôi đưa nàng về nhà tôi. Mấy lần tôi kéo nàng tới cửa sổ để ngắm mặt nàng dưới ánh trăng; y như một giấc chiêm bao tuyệt thú và mỗi lần tôi lại vội vàng ghì chặt lấy nàng trong cánh tay để tin là sự thực. Đã lâu lắm tôi không được hưởng nỗi vui say đắm như vậy... Vậy mà trong đáy lòng, tôi thấy bất an, có sự bất hòa với chính tôi. Trong ái tình của nàng đối với tôi, có cái gì khiến tôi bức bối, khó chịu, y hết tình thân của Dmitri vậy. Tình yêu của nàng lớn lao, nghiêm trang, nàng thề thốt, khóc lóc, mà tôi lại

không muốn nó nghiêm trang, không muốn khóc lóc, thề thốt, tính chuyện mai sau. Tôi chỉ muốn đêm trăng đó xẹt qua trong đời chúng tôi như một vì sao đổi ngôi, bấy nhiêu đủ rồi!

Ba giờ sáng nàng về phòng nàng, và trong khi tôi đứng ở bậc cửa nhìn theo thì thành linh Dmitri xuất hiện ở đầu hành lang. Khi hai người gặp nhau, nàng rùng mình né qua một bên, nhưng trong thái độ, cử chỉ của nàng chỉ thấy sự ghê tởm. Còn Dmitri thì mỉm cười một cách kì quái, đằng hắng rồi vô phòng tôi, nói mà không ngó tôi:

- Hôm qua tôi để chiếc cát két ở đây.

Anh tìm thấy chiếc mũ, hai tay cầm chụp lên đầu, nhìn nét mặt xấu hổ, đôi giày băng túp của tôi rồi bằng một giọng khác hẳn, lạ hẳn, như khan tiếng, anh bảo:

- Có lẽ số kiếp nó như vậy, không khi nào hiểu nổi cái gì trong đời tôi cả... Nếu anh hiểu được thì tôi khen anh. Tôi thì mù tịt.

Rồi anh ho, bước ra. Đứng ở cửa sổ, tôi thấy anh tự thắng ngựa lấy ở trước chuồng ngựa. Tay anh run run, anh vừa hấp tấp làm vừa thỉnh thoảng liếc về phía nhà; có lẽ anh sợ. Rồi anh lên xe, nét mặt lạ lùng lắm, như sợ có người đuổi theo.

Lát sau tôi cũng đi. Mặt trời đã mọc, sương mù trong thung lũng chậm chậm dồn về phía các bụi cây và các đồi. Bốn-mươi-khổ-nhục đã

kiếm đâu được rượu để uống, ngồi trên một chiếc xe, lẽ nhè nói bậy bạ với mấy con ngựa.

- Tao là một người tự do⁽¹⁾. Nghe không cung! Tao là một công dân dòng dõi thân hào!

Nỗi sợ của Dmitri lớn vồn hoài trong đầu óc tôi, xâm chiếm tôi. Tôi nghĩ đến việc đã xảy ra và chẳng hiểu gì cả. Tôi nhìn những con quạ khoang bay ngang, thấy lạ lùng và đáng sợ. Tôi hoang mang, thất vọng tự hỏi:

- Tại sao mình lại làm việc đó? Tại sao nó lại xảy ra như vậy chứ không xảy ra thế khác? Nàng yêu mình tha thiết, anh ấy vô kiếm cái mũ trong phòng mình, những việc ấy xảy ra có cần thiết gì cho ai hay cho cái gì không? Mà tại sao lại có chiếc cát két ấy?

Ngay hôm đó tôi lên Pétersbourg và không bao giờ gặp lại vợ chồng Dmitri nữa. Người ta bảo họ vẫn sống chung với nhau.

Dịch theo bản của nhà *Gérard et Verviers*.

(1) Tức không phải là nông nô, không phải vào hạng đáy tớ.

TÌNH CỜ

Tám giờ tối ngày 20 tháng 5, sáu đội của pháo đoàn hậu bị N..., trên đường tới trại, ngừng lại ở làng Miestitchki để nghỉ đêm. Giữa lúc ồn ào giải tán, trong khi vài sĩ quan còn lo sắp đặt mấy cỗ pháo, còn các sĩ quan khác ngồi ở công trường gần hàng rào sắt giáo đường, nghe các hạ sĩ coi về lương thực báo cáo, thì một người dân thường cưỡi một con ngựa kì dị từ phía sau giáo đường ló ra. Con ngựa nhỏ, lông hoe bạc, cổ đẹp, lông đuôi cắt ngắn, không ngó thẳng mà ngó nghiêng, nhẩy nhẩy, như bị ngọn roi chạm nhẹ vào chân.

Khi tới gần các sĩ quan, người cưỡi ngựa cất mũ, thưa:

- Quan trung tướng Von Rabbek, điền chủ ở gần đây, xin mời chư vị sĩ quan lại nhà ngài tức thì để dự tiệc trà...

Con ngựa cúi đầu chào, lại nhẩy nhẩy, và lùi lại, quay qua một bên. Người cưỡi ngựa lại cất mũ chào và lát sau biến mất sau giáo đường với con ngựa kì dị.

Vài sĩ quan vừa đi tới chỗ đóng quân vẫn cầu nhàu:

- Thế là cái quái gì? Người ta sắp đi ngủ đây thì có cái ông Rabbek ấy với tiệc trà! Ai còn lạ gì tiệc trà của họ.

Sĩ quan của sáu đội pháo còn nhớ rõ một vụ mời dự tiệc trà như vậy năm trước trong khi diễn tập. Một bá tước, quân nhân hồi hưu, đã mời họ với các sĩ quan một sư đoàn cosaque⁽¹⁾. Hiếu khách, thực tình, bá tước tiếp họ rất thân mật, giữ họ nghỉ lại tại nhà để khỏi trở về chỗ cắm trại. Nếu không có gì hơn thì như vậy có lẽ cũng thú; ngặt nỗi, bá tước gặp được bọn sĩ quan trẻ này, mừng quá sức tưởng tượng, kể chuyện dĩ vãng của ông cho họ nghe tới sáng, dắt họ vô phòng, khoe các bức tranh quý, các đồ tháp họa cổ, các vũ khí hiếm có, lại đọc cho họ nghe các bức thư thủ bút của các ông lớn. Bọn sĩ quan mệt đừ, buồn ngủ muốn chết mà phải nghe, phải nhìn, thỉnh thoảng lén ngáp và đưa tay áo lên che. Khi chủ nhân buông tha họ thì trễ quá, còn ngủ nghê gì được nữa!

Cái ông Von Rabbek này có thuộc hạng người đó không? Thuộc hay không thì cũng không từ chối được. Bọn sĩ quan bận quân phục chỉnh tề, áo quần chải kĩ rồi lên đường, đi kiếm diễn trang (...)⁽²⁾

(1) Cosaque trở một giống người Slave hơi lai, ở các miền núi Oural, sông Don, sông Amour, có những kỵ binh rất giỏi.

(2) Tôi cắt ít đoạn trong truyện này (N.D.).

Họ hỏi nhau:

- Ông Von Rabbek này là ai vậy? Có phải ông tướng chỉ huy sư đoàn kỵ binh N... ở Plevna không?

- Không phải, tên ông kia không có chữ *Von*⁽¹⁾ và là Rabbe chứ không phải Rabbek.

- A, trời đẹp thật!

Tối ngă ba có một ngă đi thẳng, mất hút trong sương chiều, một ngă đưa vô nhà chủ nhân. Các sĩ quan queo qua bên mặt và bắt đầu nói nhỏ nhỏ. Các lăm lúa bằng đá, nóc đỏ, nặng nề, kì hợm, rất giống trại lính, nằm thành từng dãy dài hai bên đường; phía trước là những cửa sổ lấp lánh ánh đèn của ngôi nhà.

Một sĩ quan bảo:

- Thưa chủ vị, bạn "đánh hơi" của chúng ta đi trước thế kia là điềm lành; ảnh đánh hơi thấy rồi!...

Trung úy Lobytko dẫn đầu, cao lớn, lưng dày dặn, nhưng tuyệt nhiên không có râu - đã trên hai mươi lăm tuổi mà không thấy lún phún một sợi nào trên khuôn mặt tròn trĩnh, phình phính cả - trung úy Lobytko nổi tiếng trong bọn là linh mãnh, có tài ở xa đánh hơi được đàn bà.

Ông ta quay lại bảo:

(1) Chữ này cũng như chữ *de* của Pháp, trở rằng người mang tên thuộc dòng quý tộc.

- Phải, chắc có phụ nữ ở đây... Bản năng của tôi báo trước như vậy.

Von Rabbek đích thân ra đón các sĩ quan tại bậc cửa. Trạc lục buồn, vẻ dằng hoàng, bận thường phục. Ông bắt tay họ, bảo rất sung sướng được gặp họ và hết sức ân cần xin lỗi không thể mời họ nghỉ đêm ở nhà ông được. Nhà có hai bà chị với các cháu, một ông em và các ông bà hàng xóm lại chơi, không còn một phòng nào trống.

Ông mỉm cười xin lỗi nhưng có vẻ không sung sướng được tiếp khách bằng ông bá tước năm trước. Người ta thấy rõ ràng ông phải mời họ tới vì cho như vậy mới là lịch sự.

Và các sĩ quan vừa leo cầu thang phủ thảm vừa nghe chủ nhân nói. Thấy gia nhân ở nhà dưới vội vàng đốt đèn, họ biết rằng vì họ mà trong nhà náo động, rối loạn lên. Khi hai bà chị với các cháu, một ông em và nhiều ông bà hàng xóm tụ họp như vậy - chắc là có giỗ hay tiệc mừng gì đó - thì ai mà muốn có thêm mười chín sĩ quan lạ hoắc này (...)

Bọn sĩ quan bước vô phòng ăn rất rộng, thấy khoảng mười người đàn ông, đàn bà, già trẻ, ngồi uống trà ở đầu một chiếc bàn dài. Một bọn đàn ông nữa đứng sau những chiếc ghế dựa của nhóm người trên, trong bầu không khí mù mịt khói thuốc lá. Phía sau nữa, thấp thoáng một căn phòng sáng, đồ đạc sơn màu thanh thiên.

Vị tướng chủ nhân, muốn tỏ ra vui vẻ, lớn tiếng nói:

- Thưa, chừ vị đông quá, tôi không thể giới thiệu hết từng vị được, thôi thì xin chừ vị tự giới thiệu với nhau.

Các sĩ quan, kẻ thì nghiêm trang hoặc nghiêm khắc nữa, kẻ thì guọng cười, ai nấy đều ngượng ngịu tự giới thiệu qua loa cho xong chuyện rồi ngồi xuống uống trà.

Ngượng nhất là viên đại úy tham mưu Riabovitch, nhỏ con, khòm lưng, đeo kính, có bộ ria mép như mèo rừng (...) Nét mặt ông, bộ râu mép và cặp kính ấy có vẻ như bảo: "Tôi là sĩ quan nhứt nhứt nhứt, nhũn nhặn nhứt, ít được ai để ý tới nhứt trong đội". Lúc đầu, mới vào phòng ăn rồi ngồi vào bàn, chàng không thể chú ý tới một khuôn mặt hoặc một đồ vật nào được. Người, áo, bình rượu, hơi bốc từ các chén trà lên, dường chỉ ở tường, cột, hết thấy tan hòa thành một ấn tượng tổng quát duy nhất (...) Lần lần quen rồi, chàng mới bắt đầu nhìn và nhận xét. Von Rabbek, bà vợ, hai bà lớn tuổi, một thiếu nữ bận áo màu tím lạt, và một thanh niên râu mép đỏ hoe, con trai của chủ nhân, mấy người đó khéo léo ngồi xen vào giữa đám sĩ quan và bắt đầu ngay - như họ đã tập dượt trước - một cuộc tranh luận hăng hái, bắt các sĩ quan phải dự vào. Thiếu nữ bận áo màu tím lạt nhiệt liệt chứng minh rằng sĩ quan pháo binh ở trong

một tình trạng sướng hơn kị binh và bộ binh nhiều; nhưng Rabbek và hai bà lớn tuổi thì chủ trương ngược lại. Thế là hai bên đấu khẩu với nhau. Riabovitch nhìn thiếu nữ bận áo tím lạt hăng hái tranh luận về một vấn đề cô không biết mà cũng chẳng ích lợi gì cho cô; chàng theo dõi những nụ cười không tự nhiên xuất hiện rồi tắt trên khuôn mặt cô.

Von Rabbek và gia đình ông ta vừa khéo léo gợi chuyện cho các sĩ quan tranh luận vừa rất chú ý tới sự ăn uống của họ: có ai thiếu đường không? tại sao ông này không ăn bánh bích qui? ông kia không uống rượu cognac? Riabovitch càng nghe, càng nhìn, càng ưa gia đình ít thành thực nhưng rất có kỉ luật ấy.

Sau tiệc trà, các sĩ quan qua phòng khách. Lobytko đoán không sai: trong phòng có nhiều thiếu nữ, thiếu phụ. Viên "trung úy đánh hơi" đã đứng trước một cô rất trẻ, tóc vàng hoe, áo dài đen, cúi mình một cách rất ung dung như chống trên một cây guom vô hình nào đó, mỉm cười và uốn vai một cách duyên dáng (...)

Tiếng đàn piano vang lên; một điệu van (valse) buồn buồn bay qua cửa sổ mở rộng (...) Riabovitch bị ảnh hưởng của tiếng nhạc và rượu cognac, ngó về phía cửa sổ và mỉm cười theo dõi cử động của các phụ nữ, chàng có cảm tưởng rằng những hương xoan, hương hồng, hương bạch

duyên không phải từ ngoài vườn đưa vô mà từ khuôn mặt, nếp áo của phụ nữ tiết ra.

(...) Cuộc khiêu vũ bắt đầu. Riabovitch đứng gần cửa, nhận xét những người không vũ. Chàng chưa bao giờ vũ, chưa bao giờ được ôm một người đàn bà lương thiện. Khi chàng thấy trước mặt mọi người, một người đàn ông một tay ôm ngang lưng một thiếu nữ, tay kia đặt lên vai nàng, thì chàng thích muốn điên, nhưng không thể tưởng tượng mình ở vào địa vị người đó được.

Khi cậu Rabbek lại gần những người không vũ và mời hai sĩ quan chơi bi da, họ nhận lời và cùng bước ra với cậu. Riabovitch chậm rãi theo họ để khỏi lẻ loi. Họ đi qua một phòng khách, rồi một hành lang hẹp có che kính và một phòng trong đó ba gia nhân buồn ngủ đương ngồi trên một chiếc trường kỷ, vội vàng đứng dậy. Sau cùng họ qua một dãy phòng nữa, vô một phòng khách nhỏ có kê một bàn bi da. Họ bắt đầu chơi.

Riabovitch chỉ biết mỗi một trò chơi là đánh bài, nên đứng bên thán nhiên nhìn. Ván thứ nhất chưa xong thì chàng đã thấy chán... bèn đi ra để trở về phòng lớn, vì vậy mà gặp một chuyện tình cờ nho nhỏ...

Đi được nửa đường chàng mới nhận thấy mình lạc lối... Chàng nhớ rẽ phải qua một phòng có ba gia nhân mà đã đi qua năm sáu phòng rồi: bọn gia nhân đã độn thổ chẳng? Biết rằng

mình lắm, chàng trở lui một chút, queo qua tay phải, vô một buồng nhỏ nửa sáng nửa tối mà lướt đi chàng không thấy. Ngừng lại nửa phút rồi chàng quả quyết mở một cái cửa, bước vô một phòng hoàn toàn tối. Trước mặt chỉ có một cái khe cửa sáng rực, sau cửa đó văng vẳng một điệu mazurka⁽¹⁾ buồn. Cửa sổ đều mở rộng và có hương bạch dương, hương xoan, hương hồng... Riabovitch ngừng lại suy nghĩ... Thì thành linh có tiếng bước vội vàng, có tiếng áo sột soạt, và một giọng đàn bà hỗn hển thì thầm: "Bây giờ mới tới!"

Và hai cánh tay dịu dàng, thơm phức, rõ ràng là tay đàn bà, bá lấy cổ chàng. Một cái má ấm áp vào má chàng và có tiếng hôn đánh chụt một cái. Nhưng tức thì có tiếng kêu nho nhỏ và Riabovitch cảm thấy người đàn bà nào hôn chàng đó đã ghê tởm lùi lại. Chàng cũng suýt kêu lên và chạy vụt qua cái khe cửa sáng.

Khi trở về phòng lớn rồi, tim còn đập và tay run run đến nỗi chàng phải giấu nó sau lưng. Mới đầu chàng đau khổ vì xấu hổ và sợ mọi người biết rằng một người đàn bà mới hôn chàng. Chàng thu hình lại, ngại ngừng ngó chung quanh. Thấy người ta vẫn vũ và bình tĩnh chuyện trò như trước, chàng mới chú hết ý vào cảm giác

(1) Một điệu vũ nhịp ba, gốc Ba Lan.

mà chưa bao giờ chàng được hưởng ấy... Có cái gì kì dị trong người chàng...

Cổ chàng mà hai cánh tay dịu dàng thom phức mới ôm bây giờ có vẻ như bôi dầu. Trên má bên trái, gần râu mép, chỗ người đàn bà kia đã hôn, thấy mát mát dễ chịu, run run như dính dầu bạc hà; và càng chà xát chỗ ấy càng thấy mát. Từ đầu tới chân, dào dạt một cảm giác kì dị, mới mẻ, nó cứ tăng, tăng lên...

Chàng muốn nhảy, nói, chạy ra vườn, cười... Chàng đã quên hẳn mình khòm lưng, âu sầu, có cặp râu mép mèo rừng và một cái bể ngoài làm sao ấy; một lần chàng nghe lóm các bà phê bình với nhau về mình như vậy. Khi bà Von Rabbek đi ngang qua, chàng toét miệng ra cười và tình tứ tới nỗi bà ngạc nhiên, ngừng lại, ngó chàng, dò ý.

Chàng sửa lại cặp kính, bảo:

- Tôi thích nhà của bà quá.

Bà mỉm cười, kể rằng ngôi nhà do ông cụ để lại. Rồi bà hỏi song thân của chàng còn không, chàng làm sĩ quan từ lâu chưa và tại sao gầy như vậy, vân vân. Chàng đáp xong, bà đi chỗ khác và sau cuộc đàm thoại ấy, chàng càng mỉm cười tình tứ hơn nữa, thấy chung quanh mình toàn là những người rất dễ thương...

Bữa tối, người ta đưa món nào, Riabovitch cũng ăn. Chàng ăn uống như cái máy, óc mãi tìm nguyên nhân sự tình cờ nọ... Nó có tính cách

bí mật, lãng mạn, nhưng không phải là khó hiểu. Một thiếu nữ hoặc thiếu phụ nào đó hẹn hò với trai trong phòng tối ấy, đợi lâu quá, thần kinh căng thẳng, tưởng lầm Riabovitch là tình nhân của mình. Nhất là Riabovitch đã ngừng lại trong phòng, suy tư, có vẻ như đợi một cái gì... thành thử giả thuyết trên càng đáng tin. Đó, chàng nghĩ vậy.

Chàng nhìn mặt các phụ nữ và tự hỏi:

- Ai vậy nhỉ? Nàng chắc phải trẻ; các bà già đâu có hẹn hò. Mà cũng không phải là một chị bồi phòng, vì có tiếng áo sột soạt ấy, mùi thơm ấy, giọng nói ấy...

Chàng nhìn cô bạn áo màu tím lạt, thích nàng lắm: vai đẹp, cánh tay đẹp, nét mặt thông minh, giọng thanh... Chàng muốn rằng chính là nàng chứ không phải người khác... Nhưng nàng cười không được tự nhiên, cần cổ dài nhăn lại, có vẻ như già; rồi chàng ngó qua thiếu nữ tóc vàng hoe bạn áo đen.

Cô này trẻ hẳn, giản dị hơn, thành thực hơn. Thái dương đẹp, tay nâng li thật duyên dáng, bây giờ Riabovitch lại muốn rằng chính là nàng... Nhưng rồi chàng thấy mặt nàng bệt, và ngó qua cô ngồi bên.

Chàng nghĩ vợ vẫn, tự nhủ:

- Khó mà đoán được. Nếu lấy vai và cánh tay của cô áo tím lạt, thêm vào thái dương của

cô tóc vàng hoe và cặp mắt cô ngồi bên trái Lobytko thì...

Chàng gom cả lại, được hình ảnh thiếu nữ đã hôn chàng, hình ảnh mà chàng thích, nhưng làm gì có ở chung quanh bàn ăn này...

Xong bữa, các sĩ quan ăn uống thỏa thuê, hơi chénh choáng rồi, cảm ơn chủ nhân và xin cáo biệt. Chủ nhân lại xin lỗi không giữ họ lại nghỉ đêm được (...)

Họ đi ra theo lối vườn cho gần, lặng lẽ bước tới cổng. Họ vui vẻ, sung sướng nhưng bóng tối và cảnh yên tĩnh trong vườn làm cho họ suy nghĩ. Hết thấy đều có ý nghĩ này như Riabovitch: một ngày kia họ cũng có một ngôi nhà lớn, một gia đình, một khu vườn như Rabbek, có thể nhã nhặn - dù thiếu thành thực - ân cần tiếp đãi khách khứa cho ai nấy đều được vui lòng, chénh choáng say.

Qua khỏi cổng rồi (...) họ theo một con đường mòn đưa xuống sông rồi đi dọc theo bờ sông. Đây đó vài ngôi sao phản chiếu trên mặt nước đen run run, tán loạn, và chỉ nhờ vậy mà biết rằng nước chảy mạnh. Nhìn qua bên kia sông, thấy một ngọn lửa đỏ, Riabovitch có cảm tưởng nó nhấp nháy, mỉm cười ra dấu với mình như biết câu chuyện chiếc hôn kia.

Về tới trại, chàng thay áo đi nằm liền (...) nhìn cái trần ám khói mà nghĩ vợ vẫn: Cô nàng nào vậy nhỉ? Chàng cảm thấy cổ như vẫn còn

xát đầu và ở gần miệng vẫn mát mát như bôi dầu bạc hà... Hiện lên trong óc chàng hai vai và hai cánh tay của thiếu nữ áo tím lợt, thái dương và cặp mắt thành thực của cô em tóc vàng, áo đen, rồi tới thân hình, áo dài, trâm cài của họ. Chàng ráng chú ý vào các hình ảnh ấy, nhưng chúng cứ nhảy nhót, hiện rồi ẩn!... Khi các hình ảnh ấy biến mất hẳn thì chàng lại bắt đầu nghe thấy tiếng chân bước vội, tiếng áo sột soạt, tiếng hôn, và một niềm vui mê mẩn xâm chiếm chàng... Chàng kéo mền lên, quấn tròn mình (...) và chẳng bao lâu thêm thiếp ngủ.

Khi chàng tỉnh dậy, cái cảm giác có dầu bôi trên cổ, có hương bạc hà mát mát trên môi đã biến mất, nhưng cũng như hồi hôm, một làn sóng vui thích dâng trong ngực chàng. Chàng hoan hỉ nhìn khung cửa sổ nhuộm ánh vàng bình minh và nghe tiếng động ngoài đường (...)

Mười lăm phút sau đội pháo binh lên đường. Khi đi ngang qua những lùm lúa hôm trước, Riabovitch nhìn về phía tòa nhà. Những bức sáo che cửa sổ chưa kéo lên. Rõ ràng là trong nhà mọi người còn ngủ. Mà cô nàng hôn Riabovitch hồi hôm cũng ngủ. Chàng ráng tưởng tượng nàng lúc đang ngủ. Cửa sổ phòng ngủ của nàng mở rộng, gần cửa sổ có những cành xanh, không khí mát mẻ ban mai thoang thoảng hương bạch dương, cái giường, chiếc ghế dựa có vắt chiếc áo sột soạt hồi hôm, đôi giày xinh xinh, chiếc đồng hồ quả lắc nhỏ trên bàn, những cái đồ chàng tưởng tượng

được rõ rệt như vẽ, nhưng còn nét mặt, nụ cười đẹp của nàng khi ngủ, cái đó mới đặc biệt và quan trọng thì óc tưởng tượng của chàng cố bắt mà không được, y như thủy ngân trơn tuột dưới ngón tay. Đi xa được khoảng nửa cây số, chàng quay lại nhìn; giáo đường sơn vàng, tòa nhà, dòng sông, khu vườn, tràn ngập ánh sáng. Chảy giữa hai bờ xanh tươi, dòng sông phản chiếu vòm trời màu lơ, đây đó lấp lánh dưới ánh mặt trời, coi thật đẹp. Riabovitch ngắm một lần cuối cùng cảnh làng Miestitchki, lòng buồn rười rượi như phải xa cách cái gì thân thiết với mình lắm (...)

Đi qua một điền trang nọ, chàng ngó qua hàng rào khu vườn, thấy một lối đi dài, thẳng bằng, trải cát vàng, hai bên, có những cây phong nhỏ... Tức thì chàng tưởng tượng những bàn chân xinh xinh đi trên cát và thành hình hiện rõ trong trong óc chàng hình ảnh thiếu nữ đã hôn chàng, hình ảnh mà chàng đã tưởng tượng ra được trong bữa tiệc hồi hôm. Từ đó hình ảnh ấy in trong óc chàng, không rời chàng nữa (...)

Chiều đó, khi tới chỗ, các sĩ quan khác đã nghỉ rồi, Riabovitch, Mezliakov và Lobytko cùng ngồi ăn chung quanh một cái rương. Chàng uống rượu và khi ngà ngà say, không chống nổi ý muốn thổ lộ cảm giác của mình cho bạn nghe, chàng bắt đầu kể, ráng giữ giọng thản nhiên và mỉa mai:

- Ở nhà ông bà Rabbek, có một truyện kì dị xảy ra cho tôi; tôi lại phòng bị da. Chàng kể tỉ mỉ truyện hôn hết một phút, rồi làm thình. Lobytko bản tính hay nói khoác nên không tin ai hết, ngó chàng ra vẻ nghi ngờ và mỉm cười. Merzliakov nhướn mày, bình tĩnh bảo, mắt không rời tờ *Tin tức châu Âu*:

- Cái gì vậy?... Khi không nhảy tới bá cổ cậu mà chẳng báo trước gì cả!... Chắc ả ta động cốn rồi.

Riabovitch gật đầu:

- Ừ, có lẽ...

Lobytko, cặp mắt hoảng hốt, láo liêng, bảo:

- Tôi cũng gặp một truyện giống vậy. Năm ngoái tôi lại Kormo... Tôi đi xe lửa hạng nhì... Toa chật ních; không sao ngủ được. Tôi cho người chỉ dẫn nằm các... Anh ấy xách hành lí cho tôi, dắt tôi vào một phòng nhỏ... Tôi nằm xuống, đắp mền. Tối om, không thấy gì hết. Thình lình tôi thấy có ai chạm vào vai tôi, thở vào mặt tôi. Tôi đưa tay ra sờ thấy một khuỷu tay... Tôi mở mắt và các bề tượng tượng nổi không? Một người đàn bà! Mắt đen, môi đỏ như thịt cá hồi, lỗ mũi phập phồng vì khát khao nhục dục, vú lớn và cứng như tấm chèn các toa xe lửa...

Merzliakov bình tĩnh ngắt lời:

- Xin lỗi, cậu tả cặp vú thì tôi hiểu được, còn môi thì làm sao biết được là đỏ vì tối như bung, không thấy gì hết?

Lobytko trả lời ngoắt ngoéo và chế giễu Merzliakov có vậy mà không hiểu. Riabovitch phật ý, bỏ đi ngủ, tự hẹn từ nay không bao giờ kể lể tâm sự nữa.

Cuộc sống ở trại bắt đầu trôi qua, ngày nào cũng y hệt nhau. Suốt thời gian đó, Riabovitch cảm xúc, suy nghĩ, có thái độ của một gã si tình. Mỗi sáng, trong khi lính hầu giúp chàng tắm, chàng xối nước lạnh lên đầu mà nhớ trong đời chàng có cái gì thú vị, ấm áp.

Buổi tối, khi các bạn nói chuyện về ái tình và đàn bà, chàng xáp lại, lắng nghe, vẻ mặt y như vẻ mặt những binh sĩ nghe kể lại một trận đánh mà họ có dự. Và đêm nào các sĩ quan tham mưu cùng với Lobytko vô làng ve gái thì Riabovitch cũng đi theo và thấy rầu rầu, ân hận trong đáy lòng như có lỗi với ai kia, và thậm xin lỗi người đó...

Những giờ nhàn rỗi hoặc những đêm không ngủ được mà chàng nhớ lại tuổi thơ, song thân, bà con, anh em thân thiết, thì luôn luôn chàng cũng nhớ tới làng Miestitchki, nhớ con ngựa kì dị, nhớ ông bà Von Rabbek - bà ấy sao giống hoàng hậu Eugénie thế - nhớ căn phòng tối, nhớ khe cửa sáng ánh đèn...

Ngày 31 tháng 8 chàng trở lại trại với hai giàn pháo thôi chứ không phải trọn đội. Trên suốt đường đi, chàng mơ mộng, phập phồng như trở về nhà mình. Chàng khát khao muốn thấy

lại con ngựa kì dị, ngôi giáo đường, gia đình Rabbek lịch thiệp mà thiếu thành thực, căn phòng tối om. Cái "quan năng thâm kín" nó thường gạt bọn si tình, không hiểu tại sao lần này nhủ thầm chàng rằng thế nào cũng gặp lại nàng... Và chàng băn khoăn về những câu hỏi này: Gặp lại nàng thì sẽ ra sao? Sẽ nói gì với nàng? Nàng còn nhớ hay quên lần hôn đó rồi? Chàng nghĩ bụng, có xui xẻo lắm mà không gặp lại nàng đi nữa thì chỉ đi qua căn phòng tối đó, hồi tưởng lại ngày trước cũng đủ thích rồi...

Chiều hôm ấy chàng thấy lấp ló ở chân trời ngôi nhà thờ và các lùm lúa quét vôi trắng... và tim chàng đập mạnh... Sĩ quan cuời ngựa đi bên cạnh nói gì chàng cũng không nghe ra nữa; chàng dăm dăm nhìn dòng sông lấp lánh ở xa, nóc ngôi nhà, chuồng chim với đàn bồ câu bay lượn ở trên, trong ánh tà dương.

Trong khi tới gần giáo đường và nghe viên hạ sĩ báo cáo về lương thực, chàng ngong ngóng mong từng phút sự xuất hiện của người cuời con ngựa kì dị lần trước lại mời các sĩ quan tới điện trang uống trà; nhưng... viên hạ sĩ báo cáo đã xong, các sĩ quan đã xuống ngựa, tấp măt trong làng, mà vẫn không thấy bóng dáng người cuời ngựa...

Riabovitch vừa vô cái chòi chỗ đóng quân, vừa nghĩ bụng:

- Bọn nông dân sắp cho ông Rabbek hay rằng mình trở lại đây và ông sẽ sai người lại

kiếm mình. Chàng không hiểu tại sao bạn của chàng lại đốt một cây đèn cây, còn bọn lính hầu lại lẳng xằng lấy ấm nấu trà ra...

Chàng bồn chồn không yên, nằm rồi ngồi dậy, ngó qua cửa sổ xem người cưỡi ngựa có tới không. Nhưng biệt tăm. Lại nằm xuống, nửa giờ sau lại ngồi dậy, không nén nổi bồn chồn, bèn đi ra đường, tiến về phía giáo đường... Công trường ở gần hàng rào, tối tăm và vắng vẻ... Ba người lính ngồi sát nhau, không nói gì cả. Thấy Riabovitch, họ đứng dậy chào, chàng đáp lại rồi đi xuống phía sông.

Mặt trăng lên, nhuộm cả bầu trời một màu đỏ. Hai người đàn bà vừa cắt lá cải vừa nói chuyện lớn tiếng trong vườn rau... Nhưng trên bờ sông, từ con đường mòn tới bụi cây, rặng liễu rủ trên dòng nước, cảnh vật đều y như hồi tháng năm, không thấy mùi bạch dương non và mùi cỏ.

Tới vườn của điền trang, Riabovitch nhìn qua cái cửa nhỏ... Tối tăm và yên tĩnh... Chỉ thấy thân trắng của những cây phong gần nhất và một khúc của lối đi, còn bao nhiêu đều tan chìm trong bóng đen... Riabovitch chăm chú nhìn và nghe; mười lăm phút sau không thấy một thanh âm, một ánh sáng, chàng chậm rãi trở về...

Về tới gần sông. Trước mặt chàng, có ánh mờ mờ trắng của các phòng tắm và các tắm "ra" phơi ở tay vịn chiếc cầu... Chàng bước lên cầu, rờ một tắm "ra"... Dòng nước chảy mạnh, vỗ nhẹ

vào chân cột nhà tắm. Mặt trắng đỏ gioia xuống ở gần bờ bên kia và những làn sóng nhỏ chạy trên bóng trắng, kéo dài nó ra, xé tan nó ra, có vẻ muốn cuốn nó theo như cuốn một vỏ bào...

Riabovitch nhìn nước chảy, nghĩ bụng: Ngu... ngu thật! Rõ ngốc!

Bây giờ hết hi vọng rồi, chàng mới nhận đúng được cái chuyện hôn kia, sự nóng ruột, nỗi ước mong âm thầm và sự vỡ mộng của mình... Chàng không lấy làm lạ rằng sao người nhà ông tướng không tới mời mình, sao không còn gặp được người đàn bà đã hôn mình nữa: trái lại gặp được nàng mới là điều lạ...

Nước cứ chảy đi đâu và để làm gì, không ai biết; nó chảy cũng như hồi tháng năm. Tháng năm nó chảy từ con sông nhỏ này vào một con sông lớn, rồi từ sông lớn ra biển, và có thể cũng nước đó chảy trở lại dưới mắt chàng lúc này chẳng? Tại sao vậy... Để làm gì vậy?

Và tất cả vũ trụ, tất cả đời sống có lẽ chỉ là một sự phỉnh gạt vô ích, không sao hiểu nổi... Chàng nhớ lại rằng số phận đã ngẫu nhiên vượt ve chàng nên mới gặp người đàn bà lạ đó; chàng nhớ lại những mơ mộng mùa hè, và thấy đời chàng cực kì nghèo nàn, khốn nạn, ảm đạm...

Trở về chòi, chàng không thấy một người bạn nào cả. Người lính hầu bảo họ đã lại nhà tướng Von Triabkine vì có một người lính cưỡi ngựa lại mời... Niềm vui lại dâng lên trong lòng

chàng một lát, nhưng chàng nén được ngay, nằm xuống và không tới nhà ông tướng đó, như để thách số phận và tự hành hạ mình.

Dịch theo bản *Marabout*

ĐÁNH CUỘC

Vào một buổi tối mùa thu, viên giám đốc ngân hàng đã có tuổi đi đi lại lại trong phòng giấy, rồi hồi tưởng lại những việc đã xảy ra cách đây 15 năm, trong một đêm dạ hội do ông tổ chức.

Tham dự dạ hội này có nhiều nhà trí thức: bác sĩ, ký giả. Ai nấy đều chuyện trò vui vẻ. Người ta bàn tán nhiều nhất về vấn đề tử hình, hầu hết đều phản đối hình phạt đó, cho là lỗi thời, vô nhân đạo, không thích hợp với một dân tộc theo đạo Ki tô và nên thay thế bằng sự cấm cố chung thân.

Viên giám đốc ngân hàng tuyên bố:

- Thưa các ngài, tôi không đồng ý. Mặc dầu tôi không bị khép vào hai tội đó, nhưng theo tôi đoán, tử hình còn nhân đạo hơn cấm cố chung thân. Tử hình chỉ trong nháy mắt là xong đời, còn cấm cố chung thân tức là chết từ từ. Trong hai kẻ đao phủ, kẻ chỉ trong vài phút kết liễu cuộc đời của ta và kẻ bắt ta hằng bao nhiêu năm rong rã chết dần chết mòn, thử hỏi kẻ nào nhân đạo hơn?

Có một vị khách lên tiếng:

- Đằng nào thì cũng vô nhân đạo cả, vì cùng đưa tới một việc: hủy diệt. Nhà nước đâu phải là Thượng Đế, không có quyền cướp đoạt cái gì mà sau có muốn, cũng không thể trả lại được.

Trong đám tân khách có một chàng sinh viên luật, trạc 25 tuổi. Người ta hỏi ý kiến chàng, chàng đáp:

- Tử hình và cấm cố chung thân đều vô nhân đạo. Tuy nhiên nếu tôi được quyền lựa chọn thì tôi sẽ chọn hình phạt thứ hai. Miễn là sống, bất cứ sống ra sao còn hơn là chết.

Cuộc thảo luận thật sôi nổi. Viên giám đốc ngân hàng hồi ấy còn trẻ, tính lại nóng, khi nghe chàng sinh viên kia nói, tức quá, lấy tay đập mạnh xuống bàn rồi bảo chàng ta:

- Không đúng. Tôi cuộc với cậu hai triệu là cậu không thể sống nổi 5 năm trong xà lim.

- Nếu ông không nói đùa, chàng sinh viên đáp, thì tôi xin nhận cuộc. Đừng nói 5 năm, mà 15 năm.

- 15 năm, được rồi, viên giám đốc ngân hàng nói. Các ông làm chứng nhé. Tôi đánh cuộc hai triệu.

- Vâng, ông cuộc hai triệu, còn tôi tôi đem tự do của tôi ra đánh đổi.

Thế là hai bên đều bằng lòng đánh cuộc, một vụ cuộc thật là điên rồ, phi lí. Viên giám đốc ngân hàng tính đã nông nổi, lại cậy giàu, giàu không biết cơ man nào mà kể, lấy làm thích

thú lắm. Tối bữa ăn, ông nói đùa chàng sinh viên nọ:

- Thôi, còn thì giờ, cậu hãy nghĩ cho kĩ đi. Hai triệu đối với tôi có nghĩa lí gì, nhưng cậu sẽ uống phí cả bốn năm năm tuổi xuân. Tôi nói bốn năm năm vì tôi dám chắc cậu không thể nào ở lâu hơn được. Và cậu nên nhớ rằng tự mình đày ải mình còn khổ cực gấp mấy bị người khác bắt buộc. Cứ nghĩ tới cái quyền của mình muốn đòi lại tự do lúc nào cũng được đã đủ đầu độc cuộc đời của cậu rồi. Tôi thương hại cậu lắm.

Ngày nay, trong khi đi đi lại lại trong buồng giấy và nhớ lại những việc đã qua, viên giám đốc ngân hàng tự bảo:

- Tại sao mình lại đi đánh cuộc như thế nhỉ? Hẳn mất 15 năm, còn ta mất toi hai triệu, nào có ích lợi gì cho ai? Cái đó đâu có thể chứng tỏ rằng hình phạt này hơn hay kém hình phạt kia? Thật là điên khùng, ngu xuẩn. Ta thừa tiền quá, đâm ra ngông cuồng, còn hẳn, rõ ràng vì tham lam mà tối mắt.

Rồi viên giám đốc ngân hàng nhớ tới tất cả những điều kiện đã ghi trên bản giao kèo. Luật gia nọ phải tự giam mình dưới sự kiểm soát gắt gao trong một căn nhà, cất ngay trong vườn của ông chủ ngân hàng. Trong 15 năm chàng không được bước chân ra khỏi căn nhà đó, không được tiếp xúc với một sinh vật nào, không được nghe tiếng người nói hoặc nhận thư từ và báo chí ở

bên ngoài. Tuy nhiên có thể có một cây dương cầm hoặc sách để xem, có thể viết thư. Còn rượu, thuốc hút thì tha hồ.

Theo giao kèo, người ta có quyền liên lạc với bên ngoài, qua một cửa xép sẽ xây sau. Muốn cần gì: sách, nhạc, rượu... chỉ việc biên bông rồi đưa qua cửa xép, bao nhiêu cũng có. Mọi chi tiết đều được trù liệu để cuộc giam cầm được thi hành rất khắt khe: chàng sinh viên phải ở đúng 15 năm, bắt đầu từ 12 giờ trưa ngày 14.11.1870 đến 12 giờ trưa ngày 14.11.1885. Nếu ra khỏi căn nhà tù, dù hai phút trước kì hạn thì giao kèo sẽ hủy bỏ và viên giám đốc ngân hàng không phải trả số tiền hai triệu.

Năm đầu - theo lời chàng sinh viên viết trên những mẫu giấy nhỏ - chàng rất bức bối, phần vì hiu quạnh, phần vì buồn không có việc để làm. Suốt ngày đêm người ta nghe thấy tiếng đàn dương cầm. Chàng không uống rượu, cũng không hút thuốc.

Rượu - chàng viết - kích thích sự thèm muốn và thèm muốn là kẻ thù trực tiếp của người tù. Thật thế, không còn gì buồn bằng rượu ngon mà lại uống một mình. Còn thuốc lá chỉ tổ làm hôi không khí trong phòng.

Năm đầu người ta đem cho chàng nhiều sách nhằm nhí, những truyện tình bố cục rắc rối, hoặc những truyện giết người, truyện rùng rợn, những vở hài kịch...

Sang năm thứ hai, người ta nghe có tiếng đàn, nhưng toàn là những bản cổ điển.

Sang năm thứ năm, vẫn lại âm nhạc. Người tù đòi rượu! Qua cửa xép nhìn vào phía trong, người ta thấy suốt năm hấn chỉ ăn, uống và ngủ. Hấn ngáp luôn và thỉnh thoảng nói lảm nhảm một mình, ra vẻ bức bối lắm. Hấn không đọc sách nữa. Có bận đang đêm, hấn vùng trở dậy để viết. Hấn viết rất nhiều, nhưng sáng hôm sau lại xé đi hết. Nhiều lần người ta nghe thấy hấn khóc.

Năm thứ sáu, người tù rất chăm học ngoại ngữ, triết và sử. Hấn đọc ngẫu nhiên đến nỗi viên giám đốc ngân hàng phải khó khăn lắm mới kiếm đủ sách cho hấn. Trong 4 năm trời, hấn đọc gần 600 cuốn. Giữa lúc hấn say sưa đọc như thế, bỗng viên giám đốc nhận được một bức thư như sau:

- Ông chủ thân mến. Tôi viết mấy dòng này cho ông bằng sáu thứ tiếng. Ông đưa cho người nào có thẩm quyền xem, nếu không ai tìm ra được một lỗi nào thì tôi yêu cầu ông cho bắn một phát súng ở ngoài vườn để tôi biết rằng những cố gắng của tôi không phải là vô ích. Những bậc thiên tài của muôn thuở và khắp nơi, mặc dầu dùng những tiếng khác nhau, nhưng đều nhiệt tâm nuôi chung một niềm hy vọng. Tôi sung sướng biết bao khi thấy ngày nay mình hiểu biết ngàn ấy thứ tiếng khác nhau.

Người tù được toại nguyện. Viên giám đốc ngân hàng cho bắn một phát súng ở ngoài vườn.

Rồi hết năm thứ mười, luật gia ngồi trong nhà giam, không nhúc nhích, để đọc Kinh Thánh. Viên giám đốc không khỏi ngạc nhiên khi thấy hấn trong 4 năm trời đọc hết 600 cuốn sách rất khó mà nay phải để trọn một năm đọc một quyển dễ hiểu và không dài mấy.

Trong hai năm cuối cùng, người tù đọc rất nhiều, nhưng không lựa chọn như trước nữa, khi thì đọc sách văn vật học, khi thì đọc những tác phẩm của Byron hoặc Shakespeare, có khi là sách y học hay hóa học. Có lần chàng biên bông hỏi một cuốn tiểu thuyết và một cuốn triết học hay tôn giáo. Người ta có thể nói rằng tâm trạng chàng ta khi đọc sách không khác gì tâm trạng của kẻ sắp chết đuối đang bập bênh trên mặt biển, giữa những mảnh vỡ của một con tàu, và muốn sống nên cố bám vào bất cứ một vật gì.

Viên giám đốc ngân hàng, ngày nay tuổi đã cao, vừa ôn lại câu chuyện cũ vừa nghĩ:

- Trưa mai hấn sẽ được tự do rồi, và theo giao kèo, ta sẽ phải nộp cho hấn 2 triệu. Như vậy là sạt nghiệp.

Mười lăm năm trước ông ta không biết của cải của mình lên tới bao nhiêu, nhưng ngày nay ông sợ, không dám tự hỏi mình nhiều tiền hơn hay nhiều nợ hơn. Hồi xưa lão giàu có và kiêu ngạo, tự tin, không e ngại gì cả; bây giờ lão đã

sa sút nên mỗi khi được tin thị trường chứng khoán lên hay sụt là lão run lên bần bật.

Lão vò đầu vò tai, tỏ vẻ thất vọng, rồi lẩm bẩm:

- Đánh cuộc vô lí. Tại sao thằng cha ấy không chết đi cho rồi. Nó mới bốn mươi tuổi đầu, cơ nghiệp ta còn gì, nó chiếm hết, rồi nó cưới vợ, rồi nó hưởng thụ cuộc đời, đầu cơ thị trường chứng khoán. Còn ta, khác gì một tên khố rách, ta sẽ nhìn địa vị của nó mà thèm, rồi hằng ngày nghe nó nói: "Nhờ ông mà tôi được sung sướng thế này, ông cho phép tôi được mang ơn ông nhé." Không, không. Không thể thế được. Thật là quá mức. Chỉ còn một cách để khỏi phá sản và bị nhục là làm sao cho hắn chết đi.

Chuông đồng hồ vừa điểm ba giờ sáng. Viên giám đốc ngân hàng lắng tai nghe. Trong nhà mọi người đều yên giấc. Người ta chỉ nghe thấy tiếng cây rít lên dưới làn gió lạnh. Ông ta rón rén mở tủ két lấy chiếc chìa khóa cửa đã đóng kĩ từ 15 năm nay, rồi ông khoác áo choàng ra khỏi nhà. Ngoài vườn tối đen như mực và lạnh. Trời mưa. Gió buốt làm rung cây cối. Ông không trông thấy gì hết, không nhận được ra đường đi, không nhìn thấy những pho tượng trắng và căn nhà giam hoặc cây cối ngoài vườn.

Khi gần tới nhà giam, ông cất tiếng gọi người gác đêm. Gọi hai lần mà không nghe tiếng trả lời. Chắc gã thấy trời mưa nên đã lẩn vào một

noi nào đó - trong bếp hoặc trong nhà kính⁽¹⁾ để ngủ! Ông nghĩ bụng: nếu ta có can đảm thì hành độc kế thì bao nhiêu nỗi nghi ngờ đều gieo cả lên gã gác đêm.

Trong đêm tối ông lần từng bước một, và khi tới cửa nhà giam, ông liền đi vào trong phòng đợi, rồi qua một hành lang nhỏ. Ông đánh diêm lên coi. Không có ai hết, Ông ta nhìn thấy một chiếc giường, không chăn không nệm và ở bên góc nhà, một cái hỏa lò bằng gang, đen sì. Cửa buồng giam vẫn niêm phong như cũ.

Khi cây diêm đã tắt, ông run lên, hồi hộp nhìn qua cửa xép. Trong phòng có ánh sáng lù mù của một ngọn nến, và ở bên bàn giấy, người tù đương ngồi. Chỉ trông thấy lưng, tóc và hai bàn tay của hắn thôi. Trước mặt hắn cũng như trên hai chiếc ghế bành bên cạnh hắn, và trên tám tấm, sách để ngổn ngang và mở ra.

Năm phút đã trôi qua mà người tù vẫn không hề nhúc nhích. Trong 15 năm cầm cố hắn đã quen không cử động. Viên giám đốc ngân hàng lấy tay gõ lên cửa xép. Người tù vẫn ngồi yên. Ông ta khẽ bóc những niêm cửa ra rồi đút chìa khóa vào ổ. Khóa rỉ bật lên một tiếng rè rè, rồi cánh cửa kêu kệt một cái. Viên chủ ngân hàng yên trí thế nào cũng có tiếng kêu hoảng hốt và

(1) Nhà bằng kính để cây cối được hưởng ánh sáng mặt trời mà không bị khí hậu lạnh.

tiếng chân, nhưng đợi hai ba phút mà đầu đầy vẫn yên như tờ. Ông quyết định vào. Người ngồi đó khác hẳn những người thường. Chỉ là một bộ xương bọc da, tóc dài như tóc đàn bà, râu ria rối mù. Nước da vàng như màu đất, hai má lõm sâu, lưng dài và hẹp. Bàn tay chống đầu thì xanh xao, gầy gò, khô đét lại, nom thảm hại. Tóc đã bạc, và cứ nhìn khuôn mặt vừa mệt mỏi vừa già nua ấy, không ai bảo hẳn chỉ mới 40 tuổi. Hẩn ngủ. Trên bàn, ở ngay trước mặt hẳn ngã về một bên, có một mảnh giấy, trên có những dòng chữ rất nhỏ.

- Tội nghiệp. Viên giám đốc ngân hàng nghĩ bụng. Hẩn ngủ và có lẽ lúc này hẳn đang mơ màng tới hai triệu kia. Ta chỉ việc khiêng cái thây này xuống giường rồi lấy gối kê đè lên là đầu tài thánh cũng không ai tìm ra được manh mối. Nhưng khoan đã, thử xem hẳn viết gì trên mảnh giấy này. Ông ta cầm mảnh giấy lên đọc:

"Trưa mai tôi lấy lại tự do và quyền được tiếp xúc với loài người. Nhưng trước khi rời căn buồng này và nhìn thấy lại ánh nắng mặt trời, tôi thấy có bốn phận nói với ông một đôi lời.

"Có Thượng Đế chúng giám cho tôi, tôi hoàn toàn sáng suốt nói với ông rằng tôi khinh tự do, khinh sự sống, khinh sức khỏe và tất cả những gì mà sách báo ông gọi là hạnh phúc ở đời. Trong 15 năm trời, tôi đã để tâm học hỏi về đời sống

của con người trên trái đất. Dĩ nhiên là trong thời gian ấy, tôi không trông thấy gì cả, không gặp một ai hết, nhưng nhờ đọc sách của các ông mà tôi đã hấp thu được hết các tinh hoa ở trong TRỜI ĐẤT. Tôi đã cất tiếng ca hát. Tôi đã từng săn hươu, săn lợn lòi trong rừng thẳm. Tôi đã yêu đàn bà... Đã có những giai nhân nhẹ nhàng như thể mây bay, do các thi hào của các ông sáng tạo ra, đêm đêm thường lại thăm tôi và thì thầm kể cho tôi nghe những chuyện vô cùng huyền ảo, mê li... Nhờ sách của các ông mà tôi đã leo lên ngọn Hi Mã Lạp Sơn và Bạch Sơn, rồi ở đấy nhìn thấy mặt trời mọc. Buổi chiều, khắp cả một vòm trời, từ những núi cao chót vót cho đến biển rộng bao la, hết thảy đều được ánh tà dương nhuộm một màu đỏ như lửa.

"Ở trên cao tôi đã thấy chớp xé tan mây. Tôi đã thấy rừng xanh, cánh đồng, bông hoa, ao hồ và đô thị. Tôi đã nghe tiếng hát của những con thủy quái sirène⁽¹⁾ và tiếng sáo của những gã chần cừ. Tôi đã đụng phải cánh của từng đoàn ma quỷ xinh đẹp bay về phía tôi, dù dẫu tôi theo chúng mà bỏ Thượng Đế. Qua những sách của các ông, tôi đã lao mình xuống vực thẳm. Tôi đã làm đủ các phép lạ. Tôi đã tàn sát hằng vạn sinh linh, đã đốt không biết bao nhiêu thành

(1) Theo thần thoại Hi La, quái vật này đầu và mình người, đuôi cá, thường hiện lên mặt biển, có tiếng hát mê hồn, làm lạc đường các thủy thủ.

trì mà kể. Tôi đã truyền giáo, tôi đã chiếm được nhiều vương quốc.

"Nhờ sách của các ông tôi đã khôn. Tất cả những cái gì mà tư tưởng con người đã sáng tạo ra hoài, không ngừng, trong bao thế kỉ, đều thu gọn trong khối óc bé nhỏ của tôi. Tôi biết rằng tôi có nhiều ý thức hơn các ông. Bởi vậy tôi khinh tất cả của cải trên thế gian này, khinh cả sự khôn ngoan. Tôi cho hết thấy đều là phù phiếm, không bền. Hết thấy đều là hư vô, ảo ảnh, và chỉ đem lại thất vọng cho tôi thôi. Tài giỏi, khôn ngoan, đẹp mấy đi nữa, rồi cũng phải chết. Con cháu các ông, truyện của các ông, những bậc thiên tài bất tử của các ông rồi ra cũng sẽ tiêu tan với trái đất, hoặc chết cồng, hoặc bị thiêu cháy khác nào những con chuột đồng.

"Các ông điên, không tìm con đường ngay mà đi. Các ông lấy hư làm thực, nhìn thấy cái xấu mà cứ ngỡ là đẹp. Các ông ngạc nhiên nếu vì một lí do nào đó, các ông thấy cây cối đáng lẽ trở ra cam ra táo, lại sinh ra ếch nhái, thằn lằn, hoặc những bông hồng lại tỏa ra mùi mồ hôi ngựa. Tôi cũng vậy. Tôi cũng lấy làm lạ khi thấy các ông đánh đổi TRỜI lấy ĐẤT. Tôi không muốn hiểu các ông.

"Để ông biết là tôi khinh tới bậc nào cái lí do khiến các ông sống, tôi từ chối số tiền hai triệu kia, số tiền hồi xưa tôi hằng mơ ước như

tôi mơ ước Thiên Đàng mà ngày nay tôi không thiết nữa. Để không được quyền hưởng số tiền đó, tôi sẽ rời khỏi căn phòng này 5 giờ đồng hồ trước kì hạn ấn định, và như vậy là tôi hủy bỏ giao kèo của chúng ta."

Đọc xong, viên giám đốc ngân hàng đặt mảnh giấy lên bàn rồi cúi xuống hôn con người kì lạ kia. Đoạn ông vừa khóc vừa bước ra khỏi buồng. Không lúc nào bằng lúc này, cả trong ngày thua lỗ nhất trong thị trường chứng khoán, ông cũng không tự khinh mình như trong giờ phút vừa qua.

Trở về nhà, ông đi nằm, nhưng lâu lắm vẫn chưa ngủ được, phần vì xúc động, phần vì khóc quá nhiều.

Sáng sớm hôm sau, những người canh gác, mặt xanh như tàu lá, chạy lại cho ông hay đã thấy người tù leo qua cửa sổ để ra vườn, rồi đi về phía cửa ngách, mất dạng.

Viên giám đốc ngân hàng vội vã cùng gia nhân đi ra căn phòng giam và quả nhiên thấy người tù đã trốn rồi. Để đừng ai dị nghị, ông ta cầm lấy mảnh giấy hủy bỏ giao kèo để trên bàn rồi khi về tới nhà, ông vội cất ngay vào tủ sắt.

Nguyễn Hữu Phiếm dịch

MỤC LỤC

Niên biểu sơ lược đời Tchékhov

Phần I

Cuộc đời, tư tưởng, nghệ thuật	7
<i>Chương I</i>	
Ở quê nhà Taganrog 1860 - 1879	8
II. Ở Moscou 1879 - 1892	25
III. Melikhovo 1892 - 1898	45
IV. Yalta 1898 - 1904	54
V. Nghệ thuật của Tchékhov.	68

Phần II

Truyện ngắn tuyển và dịch	
<i>Tủ nhục</i>	84
<i>Người cha</i>	94
<i>Chiếc chong chóng</i>	108
<i>Bị đày</i>	115
<i>Bức thư</i>	131
<i>Đẹp</i>	138
<i>Sợ</i>	146
<i>Tình cờ</i>	164
<i>Đánh cuộc</i>	183

TCHÉKHOV

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐINH QUANG NHÃ

Biên tập:

DƯƠNG NGỌC HÂN

Sửa bản in:

CÚC DƯƠNG

Vi tính:

VĂN THÀNH

Bìa:

THÁI TUẤN HOÀNG & XUÂN THỦY

In 1000 cuốn, khổ 10,5 x 17,5 cm.

In tại Xí nghiệp In Fahasa

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số: 190/1496CXB

In xong nộp lưu chiểu: tháng 3/2000

XNĐKXB số: 1440-2012/CXB/125-152/THTPHCM
QĐXB số: 685/QĐ-THTPHCM-EBOOK2012

TỦ SÁCH DANH NHÂN

Nữ tướng LÊ CHÂN	NGUYỄN THÁI HỌC
NGUYỄN TRẢI	TÂY SƠN Tam kiệt
Nữ sỹ NGUYỄN THI MANH MANH	TRẦN THỦ ĐÔ và sự nghiệp nhà Trần
NGUYỄN TRƯỜNG TỐ	LÝ BẠCH
CHU VĂN AN-Khuôn mặt người thầy	J.W. VON GOETHE
Danh tướng TRẦN HUNG ĐẠO	LÊ VĂN DUYẾT
A.T. TCHEKHOV	KHUẤT NGUYỄN nỗi buồn ly tao
CHU VĂN AN-Người học trò áo xanh	BÙI HỮU NGHĨA mối duyên vàng đá
CAO BÁ QUÁT một tài năng nổi giận	Vua đen MAI HẮC ĐẾ
NGUYỄN AN NINH dấu ấn để lại	VAN THẮNG VƯƠNG
Nho tướng NGUYỄN CÔNG TRÚ	Đình Quốc công NGUYỄN BẮC
Hoàng hậu hai triều DUƠNG VÂN NGÀ	NGUYỄN DU
LÝ THƯỜNG KIẾT	Thăng trầm TÔ ĐÔNG PHA
NGUYỄN BÌNH KHIÊM	Vua HÀM NGHI
NGUYỄN KHUYẾN	Bông Sen Vàng
PHAN THANH GIẢN nỗi đau trăm năm	GOGOL
Tướng quân HOÀNG HOA THẨM	TCHÉKHOV
TƯ MÃ THIÊN	TOURGUENIEV
THÀNH THÁI người điên đầu thế kỷ	HUỲNH THÚC KHÁNG
JEAN JACQUES ROUSSAUS	H. BALZAC
Ánh sáng và bóng tối	PHAN CHU TRINH
Ỡ LAN và sự nghiệp nhà Lý	VÔ TRƯỜNG TOÀN



0279953